

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA 佛法

PHÁT HÀNH MỖI KỲ HAI THÁNG / EDITION BIMESTRIELLE SỐ N. 08 06/ 2002

法法本來法
無法無非法
何於一法中
有法有非法。

西天初祖摩訶迦葉尊者

*Pháp, pháp vốn là pháp
Chẳng pháp, chẳng không pháp
Sao ở trong một pháp
Có pháp có phi pháp ?*

So To Dai Ca Diep

Le Dharma, Le Dharma sont fondamentalement le Dharma
Le non-Dharma, le non non-Dharma aussi
Comment dans un Dharma,
Y-a-il le Dharma et le non-Dharma ?
Le premier Patriarche Maha-Kassapa.

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật Pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous permettra d'étudier et
connaître la voie du Bouddha.

<input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.	<input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3
<input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Thích Minh Định.	<input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 7
<input type="checkbox"/> Les correcteurs des textes en français : Pan Xin Ya, Vilcoq Viviane, Nguyễn Chiếm Khoa, Lý Thị Minh Nguyệt.	<input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 10
<input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật Pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Pháp Ngũ 11
<input type="checkbox"/> Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 12
<input type="checkbox"/> Báo Phật Pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.	<input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 14
<input type="checkbox"/> La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.	<input type="checkbox"/> Cuộc Đời Tôn Giả Xá Lợi Phất 16
<input type="checkbox"/> Mọi sự thỉnh báo Phật Pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.	<input type="checkbox"/> Thần Chú Đại Bi Nhiệm Màu . . . 17
<input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên lạc về : Chùa Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66	<input type="checkbox"/> Đạt Ma Tổ Sư Độ Chim Oanh Vũ 19
	<input type="checkbox"/> Vì Sao Thế Giới Sụp Đổ 20
	<input type="checkbox"/> Toạ Thiền Vì Nhiếp Tâm 22
	<input type="checkbox"/> Phải Lạ Phật Trong Nội Tâm 23
	<input type="checkbox"/> Pháp Giới Của Súc Sinh 25
	<input type="checkbox"/> Đô Lỗi Với Độc Giả 26
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30
	<input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33
	<input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna Paramita 36
	<input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra Amitabha 39
	<input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 41
	<input type="checkbox"/> Les Pouvoirs Magiques Inimaginables. . . 43
	<input type="checkbox"/> Méditation : Une Pratique . . . 45
	<input type="checkbox"/> Le Patriarche Bodhidharma. . . 46
	<input type="checkbox"/> Le Monde du Dharma des Animaux 48
	<input type="checkbox"/> Le Souvenir de la Vie du Vénérable. . . 49
	<input type="checkbox"/> L'histoire du Bouddha 51

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

TÙY PHƯƠNG TIỆN NHẬP VÀO MỘT BẬC MÀ DỪNG SỞ TRÌ CỦA TẤT CẢ BIỂN NGUYỆN, THƯỜNG CÙNG VỚI TRÍ HUỆ, SUỐT THUỞ VỊ LAI THẤU RÕ ĐƯỢC CẢNH GIỚI RỘNG LỚN BÍ MẬT HIẾM CÓ CỦA CHƯ PHẬT, KHÉO BIẾT TẤT CẢ CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG CỦA CHƯ PHẬT.

Những vị Bồ Tát này tùy thuận pháp phương tiện mà nhập vào tất cả bậc. Pháp phương tiện chẳng dễ gì thực hành, xem ra là phương tiện, nhưng thực hành thì chẳng phương tiện. Địa vị Bồ Tát thực hành thì phương tiện, nhưng địa vị phàm phu thực hành thì chẳng tự tại chút nào. Bồ Tát tu hành thì phải phát hạnh nguyện, nguyện phải lớn, hạnh phải chân. Nếu phát nguyện không lớn thì có lúc sẽ sinh tâm thoái chuyển. Cho nên tín, nguyện, hạnh như đỉnh ba chân, thiếu một thì không được.

1. Tín tâm : Trước hết phải sinh tâm tin. Cho nên "Tin là nguồn gốc mẹ công đức, dưỡng lớn tất cả các căn lành". Tin pháp do chính đức Phật nói ra, tin Kinh điển là pháp của Phật nói.

2. Nguyện lực : Sinh tâm tin rồi, thì phải phát nguyện rộng lớn, rộng như biển cả, như thế thì mới sinh ra được sức lực để giáo hóa chúng sinh.

3. Hành : Phát nguyện mà không thực hành thì như hoa nở trong hư không, chẳng kết được quả thật, chẳng có ích gì. Dùng nguyện lực để chỉ trì và trợ giúp thì thường cùng với trí huệ. Có trí huệ thì thường sinh chánh tri chánh kiến, không có trí huệ thì sinh tà tri tà kiến. Chánh tri chánh kiến thì đi trên con đường của Phật, tà tri tà kiến thì đi vào địa ngục. Nếu muốn không đọa địa ngục thì phải có chánh tri chánh kiến.

Bồ Tát suốt kiếp thuở vị lai mới biết rõ cảnh giới rộng lớn vô biên không thể nghĩ bàn, hy kỳ ít có của chư Phật. Các Ngài đều biết sự thực hành của chư Phật là pháp bình đẳng, những gì chư Phật nói là pháp bình đẳng, pháp chứng đắc của chư Phật cũng là pháp bình đẳng. Do đó "Phật Phật đạo đồng", thể tính bình đẳng, pháp thân không hai. Trí huệ bình

đẳng, tức chẳng tăng chẳng giảm, trong ngoài bình đẳng, bi nguyện ứng khắp.

ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC PHỔ QUANG MINH ĐỊA CỦA NHƯ LAI. NHẬP VÀO BIỂN TAM MUỘI VÔ LƯỢNG MÔN. ĐỀU TÙY LOẠI MÀ HIỆN THÂN KHẮP TẤT CẢ CHỖ. ĐỒNG VỚI THẾ GIAN MÀ THẬT HÀNH THẾ PHÁP.

Những vị Bồ Tát này đã đạt đến phổ quang minh địa của Phật. Phổ quang minh địa tức là trí huệ địa. Vì các Ngài cung hành thực tiễn pháp của Phật dạy, cho nên mới đắc được trí huệ chân thật của Phật. Định lực của các Ngài như biển cả, cho nên các Ngài nhập vào biển tam muội vô lượng môn.

Những vị Bồ Tát này trong tất cả thời, tất cả chỗ đều tùy thuận chúng sinh mà hoá hiện thân tướng của họ. Tất cả pháp thế gian sở hành sở tác, các Ngài dùng đồng sự mà hiện ra ở trước họ. Chúng sinh làm gì ? Thì các Ngài làm như vậy, dùng Bốn Pháp Nhiếp đả thành một phiến với chúng sinh. Khiến cho chúng sinh sinh ra cảm tình, rồi mới thuyết pháp cho họ, giáo hóa họ, khiến cho họ lia khổ được vui. Nay giải thích đơn giản Bốn Pháp Nhiếp .

1. Bố thí : Ban cho chúng sinh những gì cần thiết, sau đó tiếp dẫn cảm hóa họ.

2. Ái ngữ : Dùng lời hay tốt khuyên họ, để hóa độ họ đạt được mục đích.

3. Lợi hành : Thân miệng ý khéo làm lợi ích cho chúng sinh

4. Đồng sự : Tức là làm cùng việc, cùng nghề với chúng sinh để cảm hóa họ .

TỔNG TRÌ RỘNG LỚN, TÍCH TẬP TẤT CẢ BIỂN PHÁP, BIỆN TÀI KHÉO LÉO, CHUYỂN BÁNH XE PHÁP BẤT THỐI. CÔNG ĐỨC RỘNG LỚN NHƯ BIỂN CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI, ĐỀU NHẬP VÀO THÂN CÁC NGÀI. TẤT CẢ CÔI NƯỚC CỦA CHƯ PHẬT, CÁC NGÀI ĐỀU PHÁT NGUYỆN ĐI ĐẾN.

Những vị Bồ Tát này đều "tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa", rộng lớn vô cùng. Các Ngài đem tám vạn bốn ngàn pháp môn đều tích tập vào thân. Biện tài vô ngại của các Ngài và phương tiện khéo léo vô tận, các Ngài chuyển bánh xe pháp vĩnh viễn không thối chuyển, tu đạo chỉ tiến về trước mà không thối lùi về sau.

Tất cả biến công đức của tất cả Như Lai, đều nhập vào trong một thân của Bồ Tát. Tất cả cõi nước của mười phương chư Phật, đều tùy theo nguyện lực của Bồ Tát mà vãng sinh.

CÁC NGÀI ĐÃ TÙNG CÚNG DƯỜNG TẤT CẢ CHƯ PHẬT, TRÁI QUẢ KHÔNG BIẾT BAO NHIÊU SỐ KIẾP, LUÔN LUÔN HOAN HỈ KHÔNG BIẾT NHÀM MỖI. CHỖ CỦA TẤT CẢ NHƯ LAI CHÚNG ĐƯỢC BỒ ĐỀ, CÁC NGÀI THƯỜNG Ở TRONG ĐÓ THÂN CĂN KHÔNG RỜI, LUÔN ĐEM BIẾN HẠNH NGUYỆN CỦA BỒ TÁT PHỔ HIỀN ĐÃ CHÚNG ĐƯỢC, KHIẾN CHO TẤT CẢ CHÚNG SINH ĐỀU ĐẦY ĐỦ TRÍ THÂN, MÀ THÀNH TỰ VÔ LƯỢNG CÔNG ĐỨC NHƯ VẬY.

Những vị Bồ Tát này trong đại kiếp nhiều bất khả thuyết bất khả thuyết (không thể nói không thể nói) về trước đã từng cúng dường hết thảy tất cả chư Phật, khen ngợi Phật, luôn luôn hoan hỉ mà không biết nhàm mỏi.

Tất cả chỗ chư Phật khai ngộ, chúng được quả vị Phật, các vị Bồ Tát này đều đến Bồ Đề Đạo Tràng, thân cận gần gũi thường làm ảnh hưởng chúng, thường tùy chúng, hộ pháp chúng, nghiêm hội chúng, cúng dường chúng, phát tâm chúng, đương cơ chúng, hiểu pháp chúng, thường ở trong đạo tràng ủng hộ pháp hội. Những vị Bồ Tát này thường dùng biến đại hạnh nguyện của Bồ Tát Phổ Hiền, khiến cho tất cả chúng sinh, chúng đắc được thân trí huệ.

Những vị Bồ Tát này thành tựu được vô lượng vô biên công đức như vậy.

Những gì đã giảng ở trên là đồng sinh chúng (chúng sinh giống nhau), hai mươi vị đại Bồ Tát này xuất cảnh vô lượng quyến thuộc, đồng đến Bồ Đề Đạo Tràng ở trong pháp hội. Pháp hội Hoa Nghiêm chia làm mười bộ chúng bây giờ đã giảng xong.

Bây giờ bắt đầu giảng dị sinh chúng (chúng sinh khác nhau). Dị sinh chúng phân làm ba bộ phận lớn.

1. Tập loại chư thần chúng. 2. Bát bộ Tứ Vương chúng. 3. Dục giới, sắc giới chư thiên chúng. Ở trong

tập loại chư thần chúng, có mười chín chúng, trong bát bộ Tứ Vương chúng có tám chúng, trong dục giới, sắc giới chư thiên chúng có mười hai chúng. Tổng cộng có ba mươi sáu chúng. Ở trong mỗi chúng lại có mười vị làm thượng thủ, tổng cộng có ba trăm chín mươi vị dị sinh chúng. Các Ngài cũng xuất lãnh vô lượng quyến thuộc đến Bồ Đề Đạo Tràng làm thiện thần hộ pháp.

LẠI CÓ CÁC VỊ THẦN CHẤP KIM CANG SỐ ĐÔNG NHƯ HẠT BỤI PHẬT THẾ GIỚI.

Lại có Thần Chấp Kim Cang số đông như hạt bụi Phật thế giới. Thần Chấp Kim Cang tức là hộ pháp thiện thần tay cầm chày kim cang. Các Ngài chuyên hàng phục thiên ma ngoại đạo, làm cho chúng không nhiều loạn thân tâm của người tu hành. Khiến cho người tu hành thân tâm thanh tịnh, một lòng một dạ tham thiền đả tọa.

Người tại gia cư sĩ đều là người hộ pháp, hộ trì Tam Bảo, cúng dường Tam Bảo, thân cận thừa sự Tam Bảo, cư sĩ đều có trách nhiệm hộ pháp, phải ủng hộ Tam Bảo, trang nghiêm Tam Bảo, không thể phá hoại Tam Bảo, phỉ báng Tam Bảo. Tam Bảo là gì ? Tức là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Phải cung kính, phải lễ bái, kiên thành cảm ứng đạo giao, mới đắc được lợi ích của Tam Bảo.

NHỮNG VỊ THẦN CHẤP KIM CANG LÀ : THẦN CHẤP KIM CANG DIỆU SẮC NA LA DIÊN. THẦN CHẤP KIM CANG NHẬT LUÂN TỐC TẬT TRÀNG. THẦN CHẤP KIM CANG TU DI HOA QUANG. THẦN CHẤP KIM CANG THANH TỊNH VÂN ÂM. THẦN CHẤP KIM CANG CHƯ CĂN MỸ DIỆU. THẦN CHẤP KIM CANG KHẢ ÁI LẠC QUANG MINH. THẦN CHẤP KIM CANG ĐẠI THỤ LÔI ÂM. THẦN CHẤP KIM CANG SƯ TỬ VƯƠNG QUANG MINH. THẦN CHẤP KIM CANG MẬT DIỆM THẮNG MỤC. THẦN CHẤP KIM CANG LIÊN HOA QUANG MANI KẾ.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ nhất tên là Diệu Sắc Na La Diên. Vị này thấy tướng hảo trang nghiêm của Như Lai vĩnh viễn không hoại, do đó vị này cũng chứng được pháp bất hoại này. Cho nên gọi là Na la diên, dịch là kiên cố.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ hai là Nhật Luân Tốc Tật Tràng. Vị này thấy quang minh của Như Lai

như vòng ánh sáng mặt trời, hiện đủ loại tia sáng, cấp tốc tiêu diệt phiền não chướng ngại. Vị này chúng được pháp tràng trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ ba là Tu Di Hoa Quang. Vị này thấy thân của Như Lai phóng quang chiếu khắp tất cả giống như núi Tu Di, hiển hiện như biển cả. Thần thông của vị này như hoa sen phóng quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ tư là Thanh Tịnh Văn Âm. Âm thanh của vị này, thanh tịnh phi thường, vang dội trong mây, giống như sấm sét, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ năm là Chư Căn Mỹ Diệu. Vị này hiện làm chủ thế gian, dùng các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý mỹ diệu, khiến cho tất cả chúng sinh đều khai ngộ, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ sáu là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vị này dùng trí huệ quang minh để diễn nói Phật pháp, khiến cho người nghe sinh tâm vui thích tin nhận, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ bảy là Đại Thụ Lôi Âm. Vị này dùng bảy báu nghiêm sức diệu tướng. Dùng hoa báu để trang nghiêm cây, phương tiện cảnh cáo chúng sinh không thể sinh tâm thối chuyển, âm thanh của vị này như sấm, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ tám là Sư Tử Vương Quang Minh. Phước báu của vị này sâu dày phi thường, tướng mạo của vị này cũng tốt đẹp phi thường, như sư tử vương, không sợ sệt bất cứ chỗ nào, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ chín là Mật Diệm Thắng Mục. Mắt từ bi của vị này có tia sáng lửa ngọn cát tường, mặt hiện ở trước chúng sinh, cho nên được tên này.

Vị Thần Chấp Kim Cang thứ mười là Liên Hoa Quang Ma Ni Kế. Vị này có quang minh hoa sen, và có diệu kế ma ni báu, cho nên được tên này.

CÓ SỐ ĐÔNG THẦN CHẤP KIM CANG NHƯ HẠT BỤI PHẬT THẾ GIỚI NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này đều là thượng thủ trong chúng Thần Kim Cang. Nếu nói tỉ mỉ tên các vị Thần Kim Cang thì nhiều như số hạt bụi Phật thế giới, nói không hết được.

Kinh Hoa Nghiêm bất cứ nói pháp môn gì, cũng đều nói mười. Vì sao ? Vì mười là biểu thị mười lần mười thành trăm, mười lần trăm thành ngàn, mười

lần ngàn thành vạn. Mười là số đại biểu trăm ngàn vạn ức. Nếu nói số trăm ngàn vạn ức thì quá nhiều, cho nên chỉ dùng mười.

Kinh Hoa Nghiêm được cất giữ ở dưới Long Cung, cộng hết thảy có ba quyển : Thượng, trung và hạ. Bây giờ chúng ta đang giảng là quyển hạ của Kinh Hoa Nghiêm. Số Thần Kim Cang nói ở trong quyển thượng dùng số ức làm đơn vị. Số Thần Kim Cang nói ở trong quyển trung, dùng số vạn làm đơn vị. Số Thần Kim Cang nói ở trong quyển hạ này dùng số mười làm đơn vị. Mười này là biểu thị vô lượng. Vì chúng ta phàm phu không nhớ hết số vị Thần nhiều như thế, cho nên dùng mười để tượng trưng.

CÁC VỊ THẦN NÀY Ở TRONG VÔ LƯỢNG KIẾP QUÁ KHỨ THƯỜNG PHÁT NGUYỆN LỚN. NGUYỆN THƯỜNG GÀN GỮI CÚNG DƯỜNG CHƯ PHẬT. THEO HẠNH NGUYỆN MÀ THỰC HÀNH, THẤY ĐỀU ĐÃ VIÊN MÃN, ĐẾN ĐƯỢC BỜ BÊN KIA.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này rất lâu xa trong quá khứ, vô lượng kiếp về trước, thường phát nguyện lực rất lớn. Nguyện lực gì ? Tức là phát nguyện luôn luôn cùng với chư Phật, gàn gũi chư Phật, cúng dường chư Phật. Chư Phật đi đến đâu, các Ngài đều theo đến đó. Vì các Ngài phát đủ thứ nguyện lớn, thường theo học Phật. Những lời nguyện này và hạnh môn đã viên mãn, cho nên đến được bờ bên kia.

CÁC NGÀI TÍCH TẬP VÔ BIÊN PHƯỚC NGHIỆP THANH TỊNH. CẢNH GIỚI SỞ HÀNH Ở TRONG CÁC TAM MUỘI ĐỀU ĐÃ THÔNG ĐẠT. ĐẮC ĐƯỢC THẦN THÔNG LỰC, THEO Ở VỚI NHƯ LAI, NHẬP VÀO CẢNH GIỚI BẤT TƯ NGHÌ GIẢI THOÁT. OAI ĐỨC VÀ QUANG MINH CỦA CÁC NGÀI ĐẶC BIỆT THÔNG ĐẠT TRONG NƠI CHÚNG HỘI. TÙY LOẠI CHÚNG SINH MÀ HIỆN THÂN ĐỂ GIÁO HÓA ĐIỀU PHỤC. TẤT CẢ CÁC HÓA PHẬT Ở CHỖ NÀO THÌ CÁC NGÀI ĐỀU HÓA THEO Ở CHỖ ĐÓ. TẤT CẢ CHỖ NHƯ LAI Ở, CÁC NGÀI THƯỜNG XUYÊN HỘ VỆ.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này đều tích tập vô lượng vô biên phước nghiệp thanh tịnh. Ở trong tất cả thiên định, đắc được Tam muội gì thì có thứ

cảnh giới đó. Các Ngài đều thấu rõ thông đạt vô ngại.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này đều đắc được đủ loại thần thông lực, thường theo ở với Phật, hộ trì Tam Bảo, còn đắc được cảnh giới giải thoát bất khả tư nghì.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này ở trong đại chúng hội, đều có oai quang đặc biệt, đều thông đạt, chẳng giống quang minh của một số Hộ Pháp thiện thần khác. Các Ngài tùy theo loại chúng sinh mà hiện thân để giáo hóa điều phục, khiến cho tất cả chúng sinh thấy các Ngài thì liền phát Bồ đề tâm, trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh.

Những vị Thần Chấp Kim Cang này đều theo nguyện lực của các Ngài đã phát trong quá khứ, để hóa hiện vào trong cõi nước mà chư Phật hóa hiện, phàm là chỗ các Như Lai ở, các Ngài luôn luôn bảo hộ chư Phật, không để cho thiên ma nhiễu loạn. Ở trên là chúng thứ nhất Thần Chấp Kim Cang.

LẠI CÓ THẦN THÂN CHÚNG SỐ ĐÔNG NHƯ HẠT BỤI PHẬT THẾ GIỚI. TÊN CỦA CÁC NGÀI LÀ : THẦN THÂN CHÚNG HOA KẾ TRANG NGHIÊM. THẦN THÂN CHÚNG QUANG CHIẾU THẬP PHƯƠNG. THẦN THÂN CHÚNG HẢI ÂM ĐIỀU PHỤC. THẦN THÂN CHÚNG TỊNH HOA NGHIÊM KẾ. THẦN THÂN CHÚNG VÔ LƯỢNG OAI NGHI. THẦN THÂN CHÚNG VÔ LƯỢNG QUANG NGHIÊM. THẦN THÂN CHÚNG TỊNH QUANG HƯƠNG VÂN. THẦN THÂN CHÚNG THỦ HỘ NHIẾP TRÌ. THẦN THÂN CHÚNG PHỔ HIỆN NHIẾP THỦ. THẦN THÂN CHÚNG BẤT ĐỘNG QUANG MINH.

Vị Thần Thân Chúng thứ nhất là Hoa Kế Trang Nghiêm. Vì vị này dùng hoa kế để trang nghiêm, cho nên được tên này .

Vị Thần Thân Chúng thứ hai là Quang Minh Thập Phương. Vì quang minh của vị này chiếu khắp mười

phương thế giới, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ ba là Hải Âm Điều Phục. Vì âm thanh của vị này như tiếng hải triều, khiến cho tất cả chúng sinh nghe được âm thanh này thì cái ác hướng thiện, phát Bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ tư là Tịnh Hoa Nghiêm Kế. Vì vị này dùng hoa sen thanh tịnh để trang nghiêm bảo vệ, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ năm là Vô Lượng Oai Nghi. Vì vị này thường hiện vô lượng vô biên oai nghi, đi đứng nằm ngồi đều hợp pháp, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ sáu là Tối Thượng Hoa Nghiêm. Vì vị này thường phát ra quang minh tối thượng để trang nghiêm đạo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ bảy tên là Tịnh Quang Hương Vân. Vì vị này không những có quang minh thanh tịnh mà còn có mây thanh hương. Cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ tám là Thủ Hộ Nhiếp Trì. Vì vị này thường thủ hộ đạo tràng, nhiếp trì chúng sinh, khiến cho chúng sinh cái ác hướng thiện, sửa lỗi làm mới, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ chín là Phổ Hiện Nhiếp Thủ. Vì vị này có thể hiện khắp trước chúng sinh, để nhiếp thủ họ, khiến cho họ phát Bồ đề tâm, cho nên được tên này.

Vị Thần Thân Chúng thứ mười là Bất động Quang Minh. Vì vị này có định lực tâm bất động, lại có quang minh, cho nên được tên này.

CÓ SỐ ĐÔNG THẦN THÂN CHÚNG NHƯ HẠT BỤI PHẬT THẾ GIỚI NHƯ VẬY LÀM THƯỢNG THỦ. TRONG QUÁ KHỨ CÁC VỊ THẦN NÀY ĐỀU THÀNH TỰU NGUYỆN LỚN, CỨNG DƯỜNG THỪA SỰ TẤT CẢ CHƯ PHẬT.

Mười vị Thần Thân Chúng này làm lãnh tụ ở trong các Thần Thân Chúng, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Thần Thân Chúng, nhiều như số hạt bụi Phật thế giới.

Những vị Thần Thân Chúng này, trong quá khứ đều phát nguyện lớn. Phát nguyện lớn gì ? Các vị Thần này phát nguyện cúng dường tất cả chư Phật, cung kính thừa sự tất cả chư Phật. Trên đây là chúng thứ hai Thần Thân Chúng.

(còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Tu đa la là tiếng Phạn dịch là "khế Kinh". Khế nghĩa là hợp ; trên thì thông với tâm của chư Phật, dưới thì hợp với tâm của chúng sinh ; đều tâm tâm khế hợp, niệm niệm như như. Như trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : "*Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba chẳng khác nhau*". Cho nên Kinh là tâm pháp, là chúng sinh pháp, tức là Phật pháp. Ba thứ pháp này chẳng có sự phân biệt, đó là hiểu nghĩa Kinh hàng đầu trong sự "thích danh" (giải thích đề Kinh).

Biện thể là nhận thức bản thể của Kinh này. Vậy bộ Kinh này lấy gì làm thể ? Bản Kinh này lấy thật tướng làm thể. "Thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng". Tất cả tướng đều từ thật tướng mà sinh ra, không những các tướng đều do thật tướng sinh ra mà tất cả chư Phật, tất cả các Bồ Tát, tất cả Duyên Giác, Thanh Văn cũng đều từ thật tướng huyễn sinh ra.

Vậy thật tướng do ai tạo ? Chẳng có ai tạo, là bản lai có đủ. Sao lại có ? Gốc thật tướng có trước tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác cho đến tất cả chúng sinh, cũng đều tự bản Kinh sinh ra. Vì chúng ta trải qua thời gian quá lâu, đã quên mất ngôi nhà thật sự của mình, quên mất nguồn gốc mẫu thể. Bây giờ mọi người phát tâm nghe bộ Kinh này, có thể nói là tìm lối tắt trở về nhà.

Đã biết tên và thể của bốn Kinh này rồi. Vậy lấy gì làm tông ? Lấy nhất thừa : Nhân quả thực tế làm tông. Nhất thừa là chỉ một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Người tu học từng phân ra : Thanh Văn thừa, mà bộ Kinh này chỉ hướng về một thừa, tức là Phật thừa.

Phật thừa chẳng nằm ở trong năm thừa. Thừa này dùng nhân quả chân thật làm tông. Bốn Kinh dùng hoa sen làm dụ, nghĩa là tức nhân tức quả, tức quả tức nhân. Hoa sen nở tức là Phật nhân, đồng thời kết thành sen tức là Phật quả. Cho nên nói dùng nhất thừa nhân quả làm tông cho bốn Kinh này.

Đã biết tông thú của Kinh này rồi, bây giờ hãy nghiên cứu về dụng đồ. Dụng đồ của bộ Kinh này là muốn chúng ta đoạn trừ nghi hoặc mà sinh tín tâm, Ngài Trí Giả Đại Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, đắc được Đà La Ni, do đó sáng lập ra Tông Thiên Thai. Chúng ta tuyệt đối đừng xem thường bộ Kinh này. Nên biết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả Tổ Sư đều từ hoa quả trong bộ Kinh này mà sinh ra.

Giáo tướng của bộ Kinh này là gì ? Giáo tướng của Kinh này là đề hồ, trong năm thời tám giáo tướng của Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn đều thuộc đề hồ. Đề hồ là từ sữa bò, do sữa sinh ra lạc, do lạc sinh ra tô, từ tô sống ra tô chín, từ tô chín ra đề hồ. Cho nên đề hồ là vị ngon thơm hạng nhất, đó chỉ là một ví dụ. Mọi người nghe được bộ Kinh này thì đồng như nếm được pháp vị diệu nhất, ngon nhất, trên hết thầy, vì toàn Kinh chữ đều bao hàm diệu nghĩa vô cùng, phải nhất tâm thọ trì làm chủ thì sẽ đắc được lợi ích vô tận.

Bộ Kinh này do Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập dịch vào thời Diêu Tần. Diêu Tần là thời kỳ Đông Tấn ở tại Trung Quốc, lúc ban đầu do Phù Kiên thống trị. Từ Hán Cao Tổ diệt Tần về sau đến nhà Tấn có những người còn hoài niệm về nhà Tần. Cho nên Phù Kiên (người sau của Tần Thủy Hoàng) tổ chức một bang phái gọi là Tần Bang. Làm một nước ở tại Trường An gọi là Phù Tần. Lúc đó Khâm Thiên Giám (nhà thiên văn học) thấy ở trên bầu trời Ấn Độ có vì sao trí. Do đó mới nói với Phù Kiên rằng đương thời ở Tây vực (Ấn Độ) có bậc đại trí huệ, tương lai sẽ đến Trung Quốc, sẽ ủng hộ cho Trung Quốc. Phù Kiên nói : "Ta biết người này nhất định là Cưu Ma La Thập, chúng ta hãy đem binh đi bắt Ngài đem về !" Do đó, phái đại tướng quân Lữ Quang dẫn bảy vạn nhân mã đánh nước Quy Từ Tây Vực (nay là một khu vực nhỏ cạnh bên Tân Cương

của Trung Quốc), phải bắt lấy Pháp Sư Cưu Ma La Thập đem về. Khi Lữ Quang chưa đến nước Quy Từ thì Pháp Sư Cưu Ma La Thập nói với vua nước Quy Từ rằng : "Hiện nay Trung Quốc xuất binh đánh chúng ta, mục đích chẳng phải tranh đất đai, Ngài nên giảng hòa với Trung Quốc, bất cứ điều kiện gì đều đáp ứng họ". Song, vua nước Quy Từ chẳng nghe lời của Ngài Cưu Ma La Thập. Khi quân đội của Lữ Quang đến thì ông ta đốt lửa đánh nhau với. Quân đội của Trung Quốc hùng mạnh, đánh thắng nước Quy Từ nhỏ yếu này rất dễ dàng, giết chết vua nước Quy Từ. Bỏ lại vua nước Quy Từ rất là hạnh phúc, nhưng tại sao ông ta bị quân đội Trung Quốc giết chết ? Vì tiền kiếp nghiệp sát của ông ta quá nặng, cho nên định nghiệp không thể chuyển, không cách chi trốn tránh nghiệp báo xảy đến.

Diệt được nước Quy Từ rồi, Lữ Quang đem Ngài Cưu Ma La Thập về ở tạm tại Tây Lương thì nghe nói trong nước phát sinh biến cố. Phù Kiên đã bị Diêu Trường giết chết. Diêu Trường lên làm Diêu Tân Hoàng Đế (vì ông ta họ Diêu, cho nên cải đổi triều đại Phù Tân thành Diêu Tân). Lữ Quang bèn ở tại đất Lương hạ trại tại chỗ trũng. Ngài Cưu Ma La Thập nói với Lữ Quang rằng : "Tuyệt đối đừng hạ trại ở chỗ này, chỗ này chủ nguy hiểm lắm. Khi nước lớn xuống thì sẽ ngập chìm hết toàn quân". Lữ Quang nói : "Ngài là người xuất gia, hiểu biết gì về việc bày binh bố trận ? Hạ trại tại chỗ này sao lại bị ngập chìm chết ? Ngài đừng lo lắng !" Vì anh ta chẳng nghe lời Ngài Cưu Ma La Thập, quả nhiên nửa đêm nước lũ từ trên núi tràn xuống, thế nước dữ dội làm chết hết năm sáu ngàn binh lính. Sáng ngày anh ta mới biết Ngài Cưu Ma La Thập là người có thần thông. Từ đó anh ta rất khâm phục, rất tin tưởng Ngài Cưu Ma La Thập. Vì Lữ Quang nghe nói Diêu Trường đã giết Phù Kiên, do đó anh ta án binh bất động tại Tây Lương, qua hai năm Diêu Trường chết, con là Diêu Hưng lên kế vị. Diêu Hưng biết trước kia Phù Kiên phái Lữ Quang đi bắt Ngài Cưu Ma La Thập về kinh, nhưng Lữ Quang không chịu, do đó Diêu Hưng phát binh đánh Lữ Quang, vừa lúc đó Lữ Quang qua đời, con là Lữ Long lên thay. Hai bên đánh với nhau, quân đội Lữ Long bị thua. Lúc đó mới thỉnh Ngài Cưu Ma La Thập về Trường An, làm công tác phiên dịch Kinh điển. Công tác phiên dịch Kinh điển rất to tác khó khăn. Tại sao Phù Kiên muốn Lữ Quang đi bắt Cưu Ma La Thập đem về ? Tại sao Diêu Hưng lại

phát binh đi tiếp Ngài Cưu Ma La Thập ? Vì lúc đó Ngài Cưu Ma La Thập đức cao vọng trọng, ai ai cũng đều khâm phục kính ngưỡng Ngài. Ngài còn là nhân tài phiên dịch Kinh điển hay nhất, cho nên Diêu Hưng bắt Ngài đến Trung Quốc để phiên dịch Kinh điển. Đó là nguyên nhân Ngài Cưu Ma La Thập đến Trung Quốc.

Nhân duyên bản thân của Ngài Cưu Ma La Thập cũng rất kỳ diệu. Phụ thân của Ngài là Cưu Ma La Viêm, là con của thừa tướng một nước ở Trung Ấn Độ, bỏ lại Cưu Ma La Viêm có thể kế thừa chức thừa tướng, nhưng ông ta không muốn làm quan mà muốn xuất gia tu đạo. Do đó, đi các nơi du học, đi khắp các nơi tìm minh sư. Vì phụ thân của ông ta là thừa tướng cho nên đến đâu thì mọi người đều hoan nghênh, khi ông ta đi đến nước Quy Từ thì không những vua nước Quy Từ ra ngoài xa đón mà còn mời ông ta dùng yến tiệc ở trong cung. Vua có người em gái tên là Kì Bà, khi thấy Cưu Ma La Viêm thì không nỡ rời xa. Kì Bà rất thông minh, khinh thường đàn ông của nước mình, cho rằng họ đều xấu chẳng hợp với cô ta, nhưng lần này thì thấy Cưu Ma La Viêm bèn động tâm. Tuy nhiên cô ta chẳng nói với anh của cô ta, nhưng vua nước Quy Từ cũng là người thông minh, vua biết em gái mình rất có hảo cảm đối với Cưu Ma La Viêm, do đó, gả Kì Bà cho Cưu Ma La Viêm. Chẳng bao lâu thì Kì Bà thọ thai, thì chuyện kỳ lạ cũng phát sinh. Kì Bà vốn không hiểu ngôn ngữ Ấn Độ, nhưng khi mang thai Ngài Cưu Ma La Thập thì không những nghe được mà còn nói được tiếng Phạn, còn có tài năng biện tài vô ngại. Đương thời có vị A La Hán nói với mọi người rằng : "Đứa trẻ ở trong bụng của bà này nhất định chẳng phải tầm thường, là người có đại trí huệ. Trước kia đệ tử của Phật là Xá Lợi Phất ở trong bụng mẹ thì mẹ của Ngài cũng có trí huệ biện tài vô ngại, đại khái đứa trẻ này cũng như Xá Lợi Phất". Đó là lúc Ngài Cưu Ma La Thập ở trong bụng mẹ thì giúp cho mẹ của Ngài tăng thêm trí huệ.

Mẹ của Ngài sinh Ngài ra rồi, thì qua ba năm sau lại sinh một người con nữa. Từ đó trở đi mẹ của Ngài luôn luôn đến Chùa nghe Kinh, vì căn cơ của bà ta sâu dày, nghe Pháp Sư thuyết pháp : Người ở trên thế gian đều là khổ, không, vô thường, vô ngã thì bà ta phát tâm muốn xuất gia.

Nhưng phụ thân của Ngài Cưu Ma La Thập không cho xuất gia vì tham luyện vợ đẹp, tài sản và địa vị, không những mình chẳng muốn xuất gia trở lại mà cũng chẳng cho vợ xuất gia. Nhưng Kì Bà đã quyết tâm muốn xuất gia, bà ta phát nguyện nói : "Nếu không được xuất gia thì tôi sẽ nhịn đói mà chết". Do đó bà ta chẳng ăn uống gì, ban đầu bà ta không ăn thì Cưu Ma La Viêm nghĩ chẳng hề gì, nhưng đến ngày thứ sáu thì thấy sự việc chẳng xong, nếu không cho bà ta xuất gia thì không nở để bà ta chết đói, cho nên bèn nói với bà ta : "Tôi cho bà đi xuất gia, nhưng bà trước phải ăn uống đã !" Song, bà ta nói : "Ông đã cho phép tôi xuất gia thì trước phải xuống tóc cho tôi, sau đó tôi mới ăn. Nếu không xuống tóc, đợi tôi ăn xong thì ông không cho tôi xuất gia, lúc đó biết làm sao ?" Cưu Ma La Viêm thấy tình hình như vậy bất đắc dĩ mới đi thỉnh Hòa Thượng trụ trì ở Chùa gần đó đến xuống tóc cho bà ta. Xuống tóc rồi bà ta mới ăn uống, chính thức bắt đầu đời sống của người xuất gia, học tập Phật pháp. Học tập Phật pháp nhất định phải có tâm chân thành; nếu chẳng có tâm thành thì dù học bao lâu cũng chẳng thành tựu. Vì bà ta quá thành tâm, dù chết cũng muốn xuất gia, xem thường sống chết, buông xả tất cả mọi thứ, cho nên "tĩnh cực quang thông đạt", linh quang của bà ta hiện thông, mà chứng được sơ quả.

Kì Bà chứng được sơ quả rồi thì dẫn Cưu Ma La Thập đến Chùa lễ Phật. Cưu Ma La Thập lúc đó là cậu bé chỉ mới bảy tuổi. Khi vào Chùa thấy họ lạy Phật, Ngài cũng lạy Phật, thấy họ thắp hương, cũng thắp hương; lại thấy ở trước bàn Phật có lư hương thật lớn, nhẹ nhất nặng cũng khoảng hơn trăm lạng, nhưng Ngài chẳng phí chút sức lực thì bung lư hương lớn đó để lên đầu, bèn nghĩ "ta chỉ là cậu bé bảy tuổi sao lại có thể bung nổi lư hương lớn nặng như thế này ?" Trong tâm Ngài vừa mới sinh tâm suy lường phân biệt thì cảm thấy lư hương đó nặng như ngàn cân, chẳng chịu nổi được nữa, bèn buông lư hương rớt xuống đất. Do đó Ngài Cưu Ma La Thập ngộ được tất cả trên thế gian đều do tâm tạo.

Trước khi Ngài chưa sinh tâm suy lường phân biệt thì lư hương nặng mà chẳng cảm thấy nặng, nhưng khi sinh tâm phân biệt rồi thì không nặng cũng nặng trở lại. Ngài ngộ được "tất cả do tâm tạo ". Sau đó, Ngài theo mẹ đi xuất gia, lạy Bàn Đồ Bồ Đạt làm thầy, tu học theo tiểu thừa, mỗi lần đọc tụng một ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi sáu chữ, cho nên mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ (số mục này gấp hơn ba mươi lần Chú Lăng Nghiêm). Ngài mới bảy tuổi mà mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ, sự thông minh trí huệ này chẳng phải người thường có thể sánh được. Vì Ngài học nhanh như thế, chẳng bao lâu thì học hết toàn bộ Kinh điển tiểu thừa, không những như thế mà Ngài còn học pháp thế gian như y dược, chiêm tinh, bói quẻ v... v... Học hết pháp tiểu thừa và học vấn thế gian rồi thì Ngài đến Ấn Độ học pháp đại thừa. Khi học pháp tiểu thừa thì Ngài cảm thấy Kinh điển tiểu thừa rất vi diệu. Về sau học pháp đại thừa thì mới biết pháp đại thừa là diệu trong diệu, bất khả tư nghì. Ngài rất thông minh, lại siêng tu do đó sở học Kinh điển và học vấn vừa nhiều vừa nhanh chóng. Đó là giai đoạn Ngài Cưu Ma La Thập học Phật pháp.

Khi Ngài học Kinh điển đại thừa viên mãn rồi thì Ngài trở về nước Quy Từ hoàng pháp, giáo hóa chúng sinh. Vì Ngài khác lạ hơn người, cho nên mọi người đều biết đó là một vị pháp sư lỗi lạc. Đương thời có vị luận sư cho rằng trên thế gian này chẳng có ai biện luận thắng được ông ta. Một ngày nọ ông ta thách thức ra thông cáo nói : "Nếu bất cứ người nào biện luận thắng ta thì ta sẽ cắt đầu của ta xuống để tạ ơn người đó". Lúc đó Ngài Cưu Ma La Thập đi ngang qua đó, nghe luận sư nói như thế thì hỏi ông ta hai vấn đề, song vị luận sư này bí lối, nói chẳng ra lời. Đáng lẽ ông ta phải chém đầu để tạ, nhưng lúc đó xả chẳng đáng chém đầu, do đó lạy Ngài Cưu Ma La Thập làm thầy, học tập Phật pháp.

(còn tiếp)

CHÚ LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

2. TÔ GIÀ ĐA GIA.

Kệ :

*"Không đến không đi hoa trong gương
Chẳng không chẳng sắc trắng dưới nước
Lìa trần bạc tướng có gì chấp
Đầu lại thêm đầu Diễn Nhã Đạt".*

Giải : Tô Già Đa Gia có hai nghĩa một là Như Lai, và một là Thiện Thệ (một trong mười danh hiệu của Phật) . Sao gọi là Như Lai ? Vì không có chỗ đến, cũng không có chỗ đi, cho nên gọi là Như Lai. Không đến không đi, giống như đến, nhưng cũng giống như không đến. Cho nên nói : "*Không đến không đi hoa trong gương*". Cũng chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu. Giống như hoa trong gương. Bạn nói hoa trong gương từ đâu đến, lại đi về đâu ? "*Chẳng không chẳng sắc trắng dưới nước*". Cũng chẳng phải không, cũng chẳng phải sắc, giống như trắng dưới nước, không chân thật, chỉ là bóng chiếu trong nước. "*Lìa trần bạc tướng có gì chấp*" ? Nên lìa khỏi hết thấy mọi sự nhiễm ô. Trần tức là nhiễm ô. "Bạc tướng", tức là không chấp trước vào một hình tướng nào, có gì để chấp trước ? Chấp trước gì cũng chẳng có. Vô tướng thì còn có gì để chấp trước ? "*Đầu lại thêm đầu Diễn Nhã Đạt*". Đừng học theo Diễn Nhã Đạt Đa. Diễn Nhã Đạt Đa sáng dậy đi soi gương, thấy trong gương có một cái đầu người, bèn nói mình sao chẳng có đầu, bèn chạy ra đường hỏi mọi người rằng : "Bạn có thấy cái đầu của tôi chẳng ?" Mọi người cũng không hiểu ông ta nói gì ? Nếu bạn

đầu lại thêm đầu, thì giống như Diễn Nhã Đạt Đa, đừng điên đảo, si cuồng như thế.

3. A LA HA ĐẾ.

Kệ :

*"Xứng đáng thọ nhận trời người cúng
Trông phước gieo huệ toại như ý
Nhân đầy quả tròn thành vạn hạnh
Cho nên xưng là Vua Đại Giác".*

Giải : A La Ha Đế là tiếng Phạn, dịch là Ứng Cúng, tức là xứng đáng thọ lãnh sự cúng dường của trời người. "Trông phước gieo huệ toại như ý". Bất cứ là bạn trông phước, trông huệ, cầu trí huệ, chỉ cần có tâm thành thì sẽ đắc được, sẽ mãn tâm nguyện của bạn. "Nhân tròn quả đầy thành vạn hạnh". Tu hành đến khi nhân tròn quả đầy thì đầy đủ vạn hạnh, "Cho nên xưng là Vua Đại Giác" : Tức là thành tựu Đại Giác Vương, Đại Giác Thế Tôn. Nếu bạn không tin, thì hãy thử xem.

4. TAM MIỆU TAM BỒ ĐÀ TOẢ.

Kệ :

*Hư không pháp giới quang minh tạng
Mười phương ba đời đại trí tôn
Con nay quy mạng chân thật tánh
Chánh Biến Tri giác diệu pháp đường.*

Giải : Tam Miếu Tam Bồ Đà dịch là "chánh biến tri giác". "Toả" dịch là "tận hư không biến pháp giới". Mười phương ba đời tất cả chư Phật đều nhiếp thọ hết thảy. Cho nên bất cứ bạn giảng Phật pháp như thế nào, cũng đều có đạo lý, bất tất phải chấp trước, không có pháp cố định. Nghĩa chữ "Toả" này tức là vô tận vô lượng thường trụ Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Câu này nghĩa là quy y Phật Bảo, quy y mười phương ba đời tận hư không biến pháp giới vô tận Phật Bảo. Kệ nói "Hư không pháp giới quang minh tạng". Phật ở trong tận hư không biến pháp giới, tức là đại quang minh tạng. Quang minh tức là trí huệ. Cho nên nói "Mười phương ba đời Đại Trí Tôn". Đại trí tôn tức là Phật. Phật tức là đại trí huệ. "Con nay quy mạng chân thật tánh". Con nguyện quy mạng mười phương vô tận đại Phật đánh chân thật tánh. "Chánh Biến Tri Giác diệu pháp đường". Diệu pháp đường tức là đạo tràng của Phật. Sao lại nói là diệu pháp đường ? Vì là vô tận.

5. Nam Mô Tát Đát Tha

Kệ :

Tin từ Thánh giáo Lương Túc Tôn
 Nội thí ngoại thí hiệu Năng Nhân
 Hết thảy vô trước tức tự tại
 Giải thoát tri kiến không ta người.

Giải : Câu này lại là Nam Mô Tát Đát Tha. "Tin từ Thánh giáo Lương Túc Tôn". Nam Mô tức là tin theo. Tin theo giáo pháp của Phật. Lương Túc Tôn tức là phước cũng tròn mà huệ cũng đầy, phước huệ đều viên mãn, nên gọi là Đấng Lương Túc. "Nội thí ngoại thí hiệu Năng Nhân". Đương sơ Đức Phật bố thí nội tài và ngoại tài. Nội tài là đầu, mắt, tuỷ, não, không có gì mà Ngài không bố thí. Ngoại tài là đất nước, thành quách, vợ con, không có vật gì mà Ngài chẳng xả được. "Năng Nhààààààààààààà của Đức Phật Thích Ca. " Hết thảy vô trước tức tự tại". Nếu bạn không chấp trước bất cứ những gì, thì sẽ đắc được chân chánh tự tại. Nếu còn chấp trước thì không được tự tại. " Giải thoát tri kiến không ta người". Nếu bạn giải thoát khỏi tri kiến (cái hiểu biết và cái thấy), không chấp trước, thì cái ta

cũng chẳng có, mà tướng người cũng chẳng tồn tại.

Pháp Ngữ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

□ Có người muốn xuất gia, nếu khuyên họ đừng xuất gia, thì đây là khiến cho họ mất đi tâm bồ đề, dứt căn lành của họ, đây là sai nhân quả, tương lai phải đọa vào địa ngục vô gián, thọ tội nghiệp không kỳ hạn. Có người chẳng phát tâm bồ đề (chẳng xuất gia), thì nên tìm cách khuyên họ phát tâm bồ đề, đây là trực tiếp trợ giúp họ thành Phật đạo, tức cũng là gián tiếp trợ giúp mình thành Phật đạo.

□ Người tu hành, nếu hay tu, thì tu thiện trong thiện. Không hay tu, thì tu ác trong thiện. Hay tu thì ở trong ác cũng có thiện. Chẳng hay tu, thì ở trong thiện cũng có ác. Cho nên có thiện trong thiện, ác trong thiện ; thiện trong ác, ác trong ác -- có bốn thứ phân biệt này. Người tu hành, trước hết phải hiểu rõ pháp thiện. Làm việc thiện trông nhân thiện, đây là thiện trong thiện. Làm việc thiện trông nhân ác, đây là ác trong thiện. Làm việc ác trông nhân thiện, đây là thiện trong ác. Làm việc ác trông nhân ác, đây là ác trong ác.

□ Chúng ta người tu đạo, phải giữ bốn phận. Hãy buông xả tâm ích kỷ, hãy đề khởi tâm đạo đức, tất cả đều nghĩ về đại chúng (mọi người). Phạm là có việc lợi ích cho đại chúng thì tận lực mà làm, đừng có so sánh lợi hại, được mất. Có một phần sức lực, thì tận một phần sức lực, có mười phần sức lực thì tận mười phần sức lực. Lấy việc công làm việc tư, ai ai cũng làm được như thế, thì gia đình đều hoà khí, xã hội được an ninh, quốc gia được giàu mạnh, thế giới được hoà bình. Do đó có thể thấy, ích kỷ là đứng đầu của vạn điều ác. Nhất định phải tiêu diệt nó, đừng để nó làm sóng làm gió, làm cho thiên hạ đại loạn.

(còn tiếp)

Chú ãải Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng



யுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னு
யுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னு
யுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுன்னுய்யுய்யுய்யு

.....yÿUÿÿUÿjÖ

ကုမ္ပဏီအတွက် အကျိုးအမြတ်
ကုမ္ပဏီအတွက် အကျိုးအမြတ်

XX

UppennnnyyUyyUy □áyeVgUyyyyunnennnnnn

ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT VÀ THỰC HÀNH
ĐỒ

.....
.....
.....

Phật thường khen ngợi. Ông A Nan có thể kết tập Tam Tạng !
Lúc đó, trưởng lão Ca Diếp xoa đầu Ngài A Nan mà nói rằng : Phật phó chúc cho ông giữ gìn Tạng Pháp. Các đại đệ tử có năng lực gìn giữ Tạng Pháp đã diệt cả rồi, chỉ còn có một mình ông, ông nên báo đền ân Phật, theo tâm Phật, thương xót chúng sinh mà kết tập Tạng Pháp của Phật !

Bấy giờ Ngài A Nan lễ chư Tăng xong, lên ngôi toà sư tử. Ngài Đại Ca Diếp bèn nói kệ rằng :

*Phật, Thánh sư tử vương
A Nan là Phật tử
Ngồi trên toà sư tử
Nhìn chúng không có Phật
Như thế chúng đại đức
Không Phật mất oai thần
Như không trung không trăng
Có sao mà không nghiêm
Ông là người đại trí nói
Ông là người Phật tử nên diễn
Nơi nào Phật nói trước
Nay ông nên hiện bày !*

Lúc đó trưởng lão nhất tâm chấp tay hướng về phương Phật nhập Niết Bàn, nói như vậy :

*Khi Phật mới nói pháp
Bấy giờ con không thấy
Như thế dần dà nghe
Phật ở Ba La Nại
Vì nhóm năm Tỳ Kheo
Mới mở cửa cam lồ
Nói pháp bốn chân đế
Khổ, tập, diệt, đạo đế
A Nhã Kiều Trần Như
Trước hết được thấy đạo
Tám muôn chúng chư thiên
Cũng đều theo vết đạo !*

Lúc đó, ngàn vị A La Hán bay lên hư không cao bảy cây Đa La, đồng thanh nói : Vô thường sức lớn, như chúng tôi mắt thấy Phật nói pháp, mà nay nói "ngã văn" ! Bèn nói kệ rằng :

*Ta thấy thân tướng Phật
Do như núi vàng tía
Diệu tướng chúng đức diệt*

*Chỉ có danh một còn
Ấy thế nên phương tiện
Cầu ra khỏi ba cõi
Cần tập các căn lành
Niết Bàn rất là vui !*

Trưởng Lão A Nậu Lô Đà nói kệ rằng :

*Hỡi thế gian vô thường
Như trăng nước bẹ chuối
Công đức đầy ba cõi
Gió vô thường tan hoại !*

Ngài Đại Ca Diếp lại nói kệ rằng :

*Sức vô thường rất lớn
Ngu, trí, nghèo, giàu, sang
Đắc đạo và chưa đắc
Tất cả không qua khỏi
Chẳng đem lời khéo diệu
Chẳng dùng lực đối tranh
Như lửa đốt muôn vật
Tướng pháp vô thường vậy !*

Ngài Đại Ca Diếp bảo Ngài A Nan rằng : Từ Kinh chuyển pháp luân đến Kinh Đại Bát Niết Bàn gồm có bốn A Hàm : Tăng Nhất A Hàm, Trung A Hàm, Trường A Hàm, và Tương Ứng A Hàm. Đó gọi là Tu Đa La (Tạng Kinh).

Các A La Hán lại hỏi : Ai là người biết rõ Tạng Tỳ Ni (Tạng Luật) ? Đại chúng đều nói là Trưởng Lão Ưu Ba Li, vị trì luật đệ nhất trong năm trăm vị A La Hán, chúng ta nên thỉnh. Liên thỉnh rằng : Xin mời ngài toà sư tử, lúc đầu Phật kết giới nói Tỳ Ni ở chỗ nào ? Ngài Ưu Ba Li nhận lời Tăng thỉnh xong, bèn lên ngài toà sư tử : Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Tỳ Sá Ly, bấy giờ con trưởng giả Tu Lân Na Ca Lan Đà mới phạm dâm dục, vì nhân duyên ấy mới kết đại tội. Hai trăm năm mươi giới, nghĩa làm ba bộ, bảy pháp, tám pháp Tỳ Khuru Ni, Tỳ Ni, Tăng Nhất, Ưu Ba Lợi Vấn, Tập Bộ, Thiện Bộ, như thế .v.v. tám mươi bộ làm Tạng Tỳ Ni.

Các vị A La Hán lại suy nghĩ : Ai là người hiểu rõ Tạng A Tỳ Đàm (Luận) ? Nghĩ rồi, cùng nói : Trưởng Lão A Nan ở trong năm trăm vị A La Hán hiểu rõ nghĩa Tu Đa La (Kinh) bậc nhất, chúng ta nên thỉnh !

Xin ngài toà sư tử cho biết Phật ở xứ nào bắt đầu nói A Tỳ Đàm ?

Ngài A Nan nhận lời Tăng thỉnh, lên ngài trên toà sư tử rồi nói : Như thị ngã văn, nhất thời Phật ở thành

Sá Bà Đề. Lúc bấy giờ, Phật bảo các vị Tỳ Kheo rằng có năm ác, năm tội, năm oán, không trừ không diệt, bởi nhân duyên ấy nên trong sinh-thân này, tâm chịu vô lượng khổ, đời sau đọa vào đường ác ! Những người không có năm ác, năm tội, năm oán, do nhân duyên ấy thân tâm hưởng nhiều an lạc, đời sau sinh về cõi trời, cõi vui. Gì là năm ác nên tránh ? Đó là sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu. Như thế là Tạng A Tỳ Đàm. Ba pháp tạng tập đã xong. Chư thiên, quỷ thần, chư long, thiên nữ, hết thấy mưa hương hoa trời, áo trời, phương lọng cúng dàng Pháp bảo, và có kệ rằng :

*Xót thương cõi thế gian
Kết tập Tam Tạng Pháp
Mười lực, nhất thiết trí
Đèn trí soi vô minh !*

Hỏi : Bát Càn Độ, sáu phần A Tỳ Đàm từ xứ nào ra ?

Đáp : Khi Phật còn ở đời, pháp không sai trái. Sau khi Phật diệt độ, mới kết tập pháp cũng như lúc còn Phật. Một trăm năm sau, vua A Dục thành lập đại hội Vô Già, các đại pháp sư luận bàn khác nên có biệt bộ danh tự. Từ đó dần đến thời ông Bà La Môn Tính Ca Chiên Diên, người có trí huệ đọc hết Ba Tạng nội ngoại Kinh thư, muốn giải tỏ Phật pháp nên làm Phát Trí Kinh Bát Càn Độ Luận, phẩm đầu là "Pháp đệ nhất thế gian". Vì người sau không hiểu hết Bát Càn Độ, nên làm Bệ Bà Sa. Có người nói trong sáu phần A Tỳ Đàm, Ngài Mục Kiền Liên làm "phần thế giới phân biệt" . Phần đầu có tám phẩm thì bốn phẩm do Ngài Bồ Tát Bà Tu Mật làm, bốn phẩm do Kế Tân A La Hán làm, còn năm phần do các luận nghị sư làm.

Có người nói : Khi Phật còn ở đời, Ngài Xá Lợi Phất hiểu lời nói của Phật làm A Tỳ Đàm, rồi ông đạo Độc Tử đọc tụng, đến nay gọi là Xá Lợi Phất A Tỳ Đàm. Ngài Ca Chiên Diên cũng hiểu lời Phật nên làm bộ Côn Đặc, nay còn lưu hành ở nam Ấn Độ. Các luận sư đều hiểu rộng lời Phật như thuyết năm giới, năm giới có bao nhiêu sắc, bao nhiêu vô sắc, bao nhiêu khả kiến (có thể thấy), bao nhiêu bất khả kiến, bao nhiêu hữu đối, bao nhiêu vô đối, bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu, bao nhiêu hữu vi, bao nhiêu vô vi, bao nhiêu hữu báo, bao nhiêu vô báo, bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu ký, bao

nhieu vô ký. Bảy sử : Dục nhiễm sử, sân khuể sử, hữu ái sử, kiêu mạn sử, vô minh sử, kiến sử, nghi sử ; bao nhiêu dục giới hệ, bao nhiêu sắc giới hệ, bao nhiêu vô sắc giới hệ, bao nhiêu kiến đế đoạn, bao nhiêu tư duy đoạn, bao nhiêu kiến khổ đoạn, bao nhiêu kiến tập đoạn, bao nhiêu kiến tận đoạn, bao nhiêu kiến đạo đoạn, bao nhiêu biên sử, pháp trí, lý trí, thế trí, tha tâm trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tận trí, vô sinh trí, là mười trí. Bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu, bao nhiêu hữu vi, bao nhiêu vô vi, bao nhiêu hữu lậu duyên, bao nhiêu vô lậu duyên, bao nhiêu hữu vi duyên, bao nhiêu vô vi duyên, bao nhiêu dục giới duyên, bao nhiêu sắc giới duyên, bao nhiêu vô sắc duyên, bao nhiêu bất hệ duyên, bao nhiêu vô ngại đạo trung tu (tu trong đạo vô ngại), bao nhiêu giải thoát đạo trung tu, thời được bốn quả, được bao nhiêu, mất bao nhiêu, như thế .v.v. , phân biệt biết tất cả pháp cũng gọi là A Tỳ Đàm. Có ba thứ : 1. A Tỳ Đàm thân và nghĩa : Lược nói ba mươi hai vạn lời. 2. Sáu phần : Lược nói ba mươi hai vạn lời. 3. Côn Đạc : Lược nói ba mươi hai vạn lời. Ấy là A Tỳ Đàm (luận). Xong phần tổng quát câu "Nhu thị ngã văn". (còn tiếp)

Cu¶c ñ©i Tôn Giã Xá L®i PhẤt

Soạn giả : Nyanaponika Thera
Dịch giả : Nguyễn Điều

Tiếp theo kỳ trước

Kolita (Mục Kiền Liên) liền bảo : Này Upatissa (Xá Lợi Phất) ! Vậy chúng ta hãy đến ra mắt Ngài (Đức Phật) đi. Nhưng Upatissa là người luôn luôn kính trọng thầy, nên ông ta bèn đề nghị với bạn rằng : Này bạn ! Trước tiên chúng ta hãy đến thầy cũ của chúng ta đã, Ngài du sĩ Sanjaya, và bảo cho ông ấy biết rằng chúng mình vừa tìm được đạo bát tử. Nếu ông ta đón nhận thì ông ta sẽ đạt được con đường thật. Dù cho ông ta không tin đi nữa có lẽ ông cũng được ảnh hưởng do lòng tin tưởng mãnh liệt của chúng ta, rồi sẽ cùng đi yết kiến đấng Thượng Sư để nghe giáo lý của Ngài. Biết đâu ông ta cũng gặt hái được đạo quả giải thoát? Do đó cả hai cùng đến gặp đạo sĩ Sanjaya và báo tin rằng : Thưa thầy ! Thầy đang làm gì đó ? Một đấng Giác Ngộ đã xuất hiện trên thế gian này. Giáo lý của Ngài đã khai sáng nhân sinh và được thực hành chân chính trong cộng đồng do những Tăng Sĩ đệ tử của Ngài. Vậy thầy hãy cùng đi với chúng tôi đến ra mắt đấng Thượng Sư đã tròn đủ Thập Độ.

Đạo sĩ Sanjaya ngạc nhiên la lên rằng : "Ta chẳng hiểu các ông muốn nói cái gì ?"

Rồi ông từ chối không đi theo họ, mà còn khoe khoang với họ về danh dự và tiếng tăm của ông ta để hy vọng thuyết phục hai học trò mình ở lại hưởng thụ và chỉ tin tưởng nơi danh vị của ông thầy cũ.

Nhưng họ đã quyết : "Thầy ạ ! Chúng tôi đã dứt khoát, không còn bất cứ ý muốn nào ở lại đây. Thầy ơi ! Thầy chỉ cần quyết định rằng đi theo chúng tôi là nên hay không mà thôi ?"

Thất bại trong những lời thuyết phục, Sanjaya nghĩ : "Nếu họ hiểu nhiều như vậy, họ sẽ chẳng nghe theo những gì ta bảo. Tốt hơn hãy để họ ra đi càng sớm càng tốt, kéo không những đệ tử khác hay biết sẽ có hại".

Tư tưởng xong ông ta liền đáp : "Thôi các ông hãy đi đi, còn ta không thể đi được".

Thưa Thầy, tại sao không ?

Vì ta là một vị thầy có nhiều môn đệ. Nếu ta đảo lộn hệ thống môn đồ như thế thì chẳng khác nào một bệ nước vĩ đại đem đổi lấy một bình chứa nhỏ nhoi. Bây giờ ta không thể nào trở lại cuộc sống như là một đệ tử được.

Họ lại khẩn cầu : Xin Thầy đừng nghĩ như thế thầy ạ !

Nhưng ta đã quyết định rồi, các ông hãy đi đi, ta không thể đi được.

Thầy ơi ! Khi Đức Phật xuất hiện trên đời, bao nhiêu người từ hạ dân đến quyền quý cao sang đều tôn thờ Ngài, mang cả những bảo vật đến dâng cúng kia mà. Danh vị của thầy làm sao so sánh với đấng Toàn Giác. Cho nên, khi chúng tôi đã theo Phật rồi, những gì sẽ xảy đến cho thầy, chắc thầy đoán biết chứ ?

Để đáp lại câu đó, đạo sĩ Sanjaya trả lời : Này các đệ tử ! Các ông suy nghĩ gì kỳ vậy ? Trên đời này người ngu muội nhiều hay là người trí thức nhiều ?

Người ngu muội nhiều, thưa thầy ! Song, người trí thức thì ít lắm.

Nếu vậy thì này các ông ! Chắc các ông cũng biết rằng những người trí thức sẽ đến với Đức Phật Cồ Đàm (Gotama), còn những kẻ ngu muội sẽ về với ta, chỉ những người ngu muội thôi. Bây giờ các ông có thể đi đi. Nhưng ta chẳng bao giờ đi theo các ông cả.

Vì vậy đôi bạn Upatissa và Kolita, khi rời thầy đã nói : Thưa thầy ! Rồi đây thầy sẽ hối hận vì những tư tưởng sai lầm của thầy.

Sau khi họ đi rồi, có một sự rạn nứt trong những môn đồ Sanjaya và tu viện của ông ta đã trở nên gần như trống trải.

Thấy tư thất của mình vắng lặng các môn đồ, đạo sĩ Sanjaya đã uất ức đến hộc máu tươi. Năm trăm đệ tử của ông đã rời bỏ theo Upatissa và Kolita. Trong số đó chỉ có hai trăm năm mươi người trở lại với đạo sĩ du phương Sanjaya.

Với số còn lại hai trăm năm mươi người, cộng thêm những người tùy tùng xưa kia, đôi bạn Upatissa và Kolita bèn nhắm Trúc Lâm Tịnh xá trực chỉ.

(còn tiếp)

THẦN CHÚ ĐẠI BI

NHIỆM MẦU KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng tại Kim Sơn Tự 9/4/76

Hôm nay bắt đầu vào "Thất Chú Đại Bi". Buổi tối sau lễ sám tịnh sẽ tụng Thần Chú Đại Bi. Trong quá khứ, số chư Phật nói Chú này, nhiều bằng chín mươi chín ức số cát sông Hằng và Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát vì thương hết thảy mọi loài chúng sinh, nên phát tâm đại bi, nương thuyền từ bi trở lại cõi Ta Bà để cứu độ tất cả chúng sinh ra khỏi cảnh khổ ách. Do đó có câu : "Bể khổ không bờ, quay đầu là bến", chỉ cần chúng ta kiên thành trì tụng Chú Đại Bi, thì sẽ thấy ứng nghiệm, không thể nghĩ bàn.

Thuở xưa trong vô lượng kiếp, Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát được Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai diễn nói Thần Chú Đại Bi cho nghe, dùng bàn tay sắc vàng xoa đầu, khiến cho Ngài khi nghe xong liền chứng được quả vị Bát Địa Bồ Tát. Ngài liền sinh tâm đại hoan hỷ, rồi lập tức phát nguyện lớn như sau : "Nếu tôi có thể làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, thì xin cho tôi có ngay ngàn tay và ngàn mắt". Phát nguyện xong, hốt nhiên trái đất chấn động, hào quang phát ra từ mười phương chư Phật chiếu sáng thân Ngài, rồi ngàn tay và ngàn mắt tức khắc trang nghiêm thân tướng của Ngài. Tay thì có khả năng nâng đỡ, mắt thì có khả năng chiếu soi. Ngàn tay và ngàn mắt tượng trưng cho vô số thần thông và trí huệ.

Ý nghĩa của đại bi, căn cứ câu : "*Bi hay cứu khổ*", thì bất cứ ai gặp phải mọi hoàn cảnh khổ nạn, nếu thành tâm trì tụng Chú Đại Bi, thì đều được bình an, chuyển hung thành cát tường. Ngài Quán Thế Âm bạch Phật rằng : "Nếu như chúng sinh trì tụng Chú Đại Bi mà không được mãn nguyện, thì con xin thề

không thành chánh giác, trừ khi nguyện ước của họ bất thiện hay không thành tâm trì tụng".

Trì tụng Chú Đại Bi không những được tự tại, mà các điều mong cầu còn được thành tựu, có thể tránh được tai nạn khổ ách và được vui sướng an lạc, vượt qua mọi hiểm nghèo, tới chỗ bình an vô sự. Làm sao có thể xa lìa khổ ách ? Phải trì tụng Chú Đại Bi. Làm thế nào thoát khỏi hiểm nghèo ? Phải trì tụng Chú Đại Bi. Đừng xem thường hoặc cho rằng Chú Đại Bi quá đơn giản. Tôi xin nói với quý vị rằng : Nếu trong đời quá khứ và hiện tại, quý vị không có căn duyên tốt lành, thì ngay đến cả cái tên của Chú Đại Bi cũng không nghe được, đừng nói tới việc trì tụng. Nay không những quý vị được nghe biết tên của Chú Đại Bi, lại còn được trì tụng với một lòng chí thành như vậy, thật là một cơ hội trăm ngàn vạn kiếp mới có một lần, rồi lại được thiện tri thức chỉ dẫn, cách thức đọc tụng, thọ trì, tu trì nữa. Thật đáng cho quý vị coi trọng ! Tóm lại, Chú Đại Bi có những lợi ích không thể nghĩ hết được.

Trong thời gian bảy ngày này, chúng ta nên thành tâm thành ý, rất mực cung kính trì tụng Chú Đại Bi, tụng cho tới độ tâm không vọng tưởng. Lúc đó, lòng lắng trong, hoặc có người thấy hào quang, hoặc có người thấy hoa xuất hiện, có người được Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát rờ đầu, giúp cho khai mở trí huệ. Hoặc có người ngửi thấy mùi hương lạ, cũng có người dù đã tha thiết chí thành trì tụng, nhưng cũng chẳng thấy một hiện tượng gì khác lạ. Dù có hay không cũng đừng nãn lòng, cứ hết sức dốc một lòng trì tụng. Khi nào thời khắc tới, nhất định sẽ chứng kiến cảnh giới "Cảm ứng đạo giao", xuất hiện ngay trước mắt.

Bất luận thấy cảnh giới nào, hay chẳng thấy gì hết, việc chánh vẫn là tinh tấn trì tụng. Người thấy điềm lành không nên chấp vào tướng lành đó. Người không thấy điềm gì cũng đừng sinh

lòng tự ti mà tự bảo rằng : "A ! Vậy là ta chẳng có căn lành, sao ta chẳng thấy Bồ Tát ?" Căn lành có khi sớm kết thành quả, có khi thì muộn. Nếu như có cảm giác căn lành của mình chưa đến lúc chín mùi, thì ta phải tiếp tục bồi đắp, làm thêm nhiều công đức nữa mới được. Người ta nói : "Chưa trồng căn lành, thì phải trồng căn lành. Đã trồng căn lành, thì khiến cho tăng trưởng. Đã tăng trưởng rồi, thì khiến cho được thành thực. Đã thành thực rồi, thì khiến cho được giải thoát".

Quý vị lần đầu tới Chùa Kim Sơn, nghiên cứu Phật pháp, tu tập Phật pháp, phải dốc lòng thành học tập, không ngại khổ, không ngại khó. Ở đây trong vòng bảy ngày, nên dừng mãnh tinh tấn, xa lìa vọng tưởng. Nếu lại vừa học tập, vừa nghĩ ngợi lung tung, thì công phu không thể chuyên nhất được. Tâm không chuyên nhất, thì khó lòng sinh cảm ứng. Đó là điều quý vị phải đặc biệt chú ý.

Những lợi ích của công phu trì tụng Chú Đại Bi, nói ra không thể hết được. Phàm ai đã trì tụng Chú Đại Bi, thì tuyệt đối chẳng bị đoạ vào ba đường ác. Nếu bị đoạ vào ba đường ác, thì Ngài Quán Thế Âm nguyện chẳng bao giờ thành Phật. Phàm ai ngu si mà trì tụng Chú Đại Bi, nếu chẳng biến thành người có trí huệ, thì Ngài Quán Thế Âm cũng nguyện chẳng thành Phật. Thần Chú Đại Bi có thể trị tám vạn bốn ngàn loại tật bệnh của thế gian. Ai bị bệnh nan y, cho đến các bác sĩ tây y hay đông y, phải bó tay, nhưng nếu thành tâm trì tụng Chú Đại Bi, cũng nhất định chẳng uống thuốc, thì bệnh cũng sẽ được khỏi. Thần lực của Chú Đại Bi không thể nghĩ bàn !

Tại Kim Sơn Thánh Tự có người đã từng được sự ứng nghiệm như vậy. Chữa trị chứng ung thư chẳng phải là chuyện dễ dàng, vậy mà trì tụng Chú Đại Bi khiến cho bệnh tiêu tan. Thần lực của Chú Đại Bi thật màu nhiệm không thể nghĩ bàn. Chỉ cần xem công phu của quý vị trong bảy ngày ra sao ? Ai thành tâm thì người đó sẽ thấy ứng nghiệm, được lợi ích. Ai có bệnh thì bệnh sẽ tiêu tan. Ai không bệnh thì trí huệ sẽ khai mở. Cầu chuyện gì thì được chuyện đó, cho nên Chú Đại Bi gọi là *bất khả tư nghì quảng đại linh cảm, vô ngại đại bi tâm đà la ni*. Chữ Đà la ni (Dharani) dịch là tổng trì, tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Cũng gọi là Chú, hoặc là chân ngôn.

Tóm lại đó là những chữ mật.

Mật Chú gồm bốn ý nghĩa sau đây :

1. Trong bài Chú có tên vua các loài quỷ thần, nên phàm là tiểu quỷ nghe đến tên này thì không dám làm bậy, mà phải tôn trọng phép tắc.
2. Chú được coi như khẩu lệnh trong quân đội, nếu vi phạm thì sẽ bị trừng phạt.
3. Chú có thể âm thầm tiêu trừ nghiệp tội mà chính mình không hay biết.
4. Chú là ngôn ngữ bí mật của chư Phật, chỉ có chư Phật mới hiểu được mà thôi.

Quý vị lần này tới tham dự pháp hội Đại Bi, đều có sẵn căn lành, đức hạnh đầy đủ, lại được nhân duyên thành thực, nên mới tới Chùa Kim Sơn. Hy vọng rằng, một khi đã vào tới "Bảo sơn" rồi thì không đến nỗi tay không trở về, tất phải được báu vật để dùng cho mình. Báu vật gì ? Chính là Chú Đại Bi. Chú Đại Bi hay trị bệnh, hay hàng phục tà ma, hay khai mở trí huệ, hay mang lại sự bình an, hoặc nói cách khác, cầu việc gì thì được việc đó, nhất định toại tâm mãn nguyện.

Kỳ pháp hội Đại Bi này còn đặc biệt hơn nữa, là tại Trung Quốc rất hiếm có khoá tụng Đại Bi có tính cách kỷ lục, kéo dài cả bảy ngày luôn như vậy. Tại các nước khác người ta có thể niệm Chú Đại Bi trong bảy ngày không, điều này tôi không biết, nhưng tại Mỹ, tôi nghĩ rằng đây là lần đầu tiên. Mong tất cả các vị hết sức chân thành trì tụng Chú Đại Bi, công đức vô lượng.

ñặt Ma SÛ T°

ñ¶ Chim Oanh VÛ

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Phật Thích Ca "*Niêm hoa thị chúng*" trên pháp hội Linh Sơn, truyền pháp môn tâm ấn vi diệu. Tổ Sư Ca Diếp đương thời hiểu ý chỉ của Phật, thỏa thích phá lên cười. Từ đó pháp môn Phật Tổ tâm ấn tâm bất đầu truyền thừa. Vốn Tổ Sư Ca Diếp đã hơn trăm tuổi. Ngài tu hạnh đầu đà, thường tinh tấn dụng công, không tùy tiện cười. Lần này cười là vì Ngài biểu thị được tâm ấn tâm của Phật.

Phật Thích Ca đem pháp môn này truyền trao cho sơ Tổ Ca Diếp. Ngài Ca Diếp lại truyền cho Ngài A Nan. Ngài A Nan truyền cho Tổ Thương Na Hòa Tu. Tổ Thương Na Hòa Tu lại truyền cho Tổ Ưu Bà Cúc Đa. Các vị Tổ Sư đời đời tương truyền. Truyền đến đời thứ 28, tức Bồ Đề Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma Tổ Sư thấy đương thời người Ấn Độ căn tính chưa thành thực, mà căn tính người Trung Hoa đã chín mùi, có thể tiếp thọ pháp đại thừa, cho nên Tổ Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ đi bằng đường biển đến cửa Quảng Châu. Cho nên Quảng Châu có câu : "*Tây lai sơ địa*" (mảnh đất đầu tiên mà Tổ Sư Đạt Ma đến).

Nhưng lúc đó người Quảng Châu, chưa có thể tiếp thọ pháp đại thừa, không nhận ra Đạt Ma Tổ Sư, gọi Ngài là "Ma La Xoa". Đạt Ma Tổ Sư mới lên đường đi Nam Kinh. Ngài vốn muốn độ Ngài Thần Quang trước. Ngài Thần Quang lúc đó đang ngồi giảng Kinh thuyết pháp, biện tài vô ngại, giảng đến nỗi Trời rải hoa, đất vọt hoa sen. Đạt Ma Tổ Sư hỏi Ngài : "*Tại sao người giảng Kinh ?*". Ngài Thần Quang đáp : "*Tôi dạy người liễu sinh thoát tử*". Tổ Đạt Ma lại hỏi : "*Kính toàn giấy trắng mực đen, người làm sao liễu sinh thoát tử ?*". Thần Quang nghe rồi, nổi giận, cho rằng Tổ Đạt Ma hủy báng Tam Bảo, liền cỡi sấu chuổi bằng sắt ở cổ ra đánh Tổ Đạt Ma, làm Ngài rụng hết hai cái răng. Người xưa đa số hiểu biết võ

thuật, nhưng người xuất gia không thể mang vũ khí tùy thân, chỉ mang một sấu chuổi bằng sắt, rất nặng, nếu Hòa Thượng phát hỏa, tùy lúc có thể cầm đánh người.

Cứ theo truyền thuyết rằng, nếu răng của Thánh Nhân rơi xuống đất, thì xứ đó hạn hán ba năm, khiến chết đói nhiều người. Đạt Ma Tổ Sư tuy nhiên bị đánh rụng hai cái răng, nhưng vì từ bi không muốn chúng sinh thọ khổ, cho nên không để răng rơi xuống đất, mà nuốt vào bụng. Cho nên Trung Quốc có câu tục ngữ : "*Đánh gãy răng, nuốt vào bụng*" tức bắt nguồn từ đó.

Đạt Ma Tổ Sư thấy lúc đó Ngài Thần Quang không khế cơ, liền hướng về núi Nam Trung đi, trên đường đi gặp con chim oanh vũ. Chim hỏi Ngài : "*Tây lai ý, tây lai ý ! Xin Ngài dạy tôi kế xuất lồng*".

Đạt Ma Tổ Sư đáp : "*Kế xuất lồng, kế xuất lồng, hai chân duỗi thẳng, hai mắt nhắm, đây là kế xuất lồng*".

Chim Oanh vũ nghe rồi liền hiểu, bèn duỗi thẳng hai chân, nhắm hai mắt lại, nằm trong lồng giả chết. Chủ nhân trở lại xem : "*Ê ! Chim oanh vũ thế nào rồi ?*" Bèn mở lồng ra, cầm chim oanh vũ lên, để trong tay, nhìn qua nhìn lại. Chủ nhân nghĩ, chim oanh vũ không cử động gì hết, chắc đã chết rồi, nhưng tại sao thân còn ấm ? Trong lúc do dự, bèn xòe bàn tay ra. Chim oanh vũ thấy cơ hội đã đến, lập tức vỗ cánh bay đi, do đó mà thoát được tự do.

Từ câu chuyện đó, quán rộng ra, chúng ta ngày ngày chẳng giống như chim oanh vũ trong lồng chăng ? Tuy nhiên có người hằng ngày chăn nuôi chúng ta, nhưng sinh tử không được tự do. Sinh ra trong hồ đồ, chết đi cũng hồ đồ, chưa thật biết được bộ mặt thật. Muốn được sinh tử tự

do. Trước tiên lúc còn sống phải giả như người chết, cho nên "*Nếu muốn người không chết, phải hạ thủ công phu*", chân chánh tu hành, đến lúc chết cũng biết, mà đi cũng biết, phải biết mình từ đâu sinh ra ? Chết sẽ đi về đâu ? Tại sao mình không làm chủ được ? Nếu nói "Thân thể này của tôi", tại sao không thể khiến nó trẻ mãi" ?

Người từ nhỏ rồi trưởng thành, trưởng thành rồi đến già, già rồi thì chết. Tại sao bạn không thể khiến thân thể không già ? Đến lúc bệnh thì bạn không làm chủ được, đến chết thì buông xuôi tất cả. Do đó phải thấy rõ vấn đề sinh tử. Cho nên có câu :

*"Đến thì u mê, đi thì sầu,
Uổng tại nhân gian đi một vòng,
Chẳng như đùng đến cũng đùng đi,
Cũng không vui vẻ cũng không sầu".*

Người sinh ra thì u mê, chết đi cũng u mê. Chết thì ưu bi khổ não, nếu bị cảnh giới chuyển thì làm người thật không có ý nghĩa gì. Nếu không đến không đi, thì chẳng phải tốt chăng ? Như vậy thì không vui không sầu, đắc được tự tại.

Con người không nên bị nhốt ở trong lòng, như chim oanh vũ không thể xuất lồng. Bây giờ bạn nghĩ muốn xuất lồng, thì phải học vô quái ngại, không sầu, không buồn, không phiền, không não tức là phải có định lực, cho nên phải ngồi thiền. Mỗi người phải tự mình dứt sinh tử, người khác không thể thay thế làm cho bạn, chỉ có thể chỉ rõ con đường. Nhưng phải tự bạn đi, nếu thật muốn xuất lồng, phải tự mình nỗ lực, hạ một phen khổ công phu.

VÌ SAO THẾ GIỚI SỤP ĐỔ ?

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Là người học Phật, mình chớ nên hiếu kỳ, ham thích những thứ cao xa diệu vợi. Bởi vì : "Tâm bình thường là đạo".

Hơn nữa :

*"Con người noi theo đất,
Đất noi theo trời,
Trời theo đạo,
Đạo theo tự nhiên".*

Hễ mình miễn cưỡng làm việc gì, thì việc đó không tương ứng với đạo. Vì vậy, làm việc gì mình cũng nên nhậm vận tự nhiên, chớ gò ép giả tạo. Nhiều người cả đời học Phật pháp, nhưng lòng tham của họ thì vĩ đại hơn hết. Thật tôi không biết họ học thứ Phật pháp gì nữa ! Đã theo gót Phật, thì lúc nào, chỗ nào và việc gì mình cũng phải ứng dụng tự tại, đừng miễn cưỡng giả dối. Cũng chớ nên tham lam, tranh giành. Chớ nên vừa tu Thánh đạo, vừa đeo đuổi chuyện trần tục. Hãy ngừng đi lòng ích kỷ, chám dứt tánh tự lợi. Quan trọng nhất là mình đừng nói dối. Một khi lòng gian dối ngừng bặc, thì lúc đó tánh chân thật mới bắt rễ trong tâm ta. Nếu bạn còn song thân thì hãy hiếu thảo với họ. Đối với anh em trong nhà, mình hãy thương yêu, đùm bọc, chớ cãi vã đánh nhau. Hễ cãi vã thì không khí êm đềm, ấm cúng sẽ tiêu tan mất. Các bạn hãy quán sát xem, biết bao gia đình trên thế giới này đổ vỡ tan nát ! Phân gia ly tán. Chẳng còn mấy ai biết sống chung trong tình thương hoà thuận.

Dù rằng :

*"Vợ chồng chung sống
Đó là quan hệ căn bản của con người".*

Mình phải hài lòng với cuộc sống gia đình, đừng để mất hoà khí. Nếu không, thì lúc nào mình cũng dễ sinh sự, cãi vã. Khi ấy cả nhà chẳng còn vui thú, ấm cúng nữa. Nhiều gia đình, ai nấy lòng cũng bất mãn, oán ghét lẫn nhau, chẳng biết tri túc là gì. Có kẻ còn nói : "Khốn nạn cho tôi sinh vào nhà này !" Đầy thù hận, oán độc. Bởi người này đổ lỗi cho người kia. Kết quả là vợ chồng ly dị. Đó chẳng qua là :

*"Cha không ra cha
Con không như con
Vợ không ra vợ".*

Và rồi cả nhà chẳng một phút êm ấm, cứ cãi vã suốt ngày. Nếu sống mà cứ mất lòng nhau, chẳng chịu nghe nhau, thì chắc chắn cuối cùng sẽ bỏ nhau. Thời này các bạn biết bao nhiêu gia đình ly hôn chẳng ? Kể ly hôn thì nhiều hơn kể kết hôn. Ly hôn tuy tệ hại, song kết quả của nó

còn tệ hại hơn, bởi vì nó phá huỷ cơ cấu quốc gia khắp mọi nơi. Nguyên nhân thế giới sụp đổ thật là bắt nguồn từ nơi gia đình bất hoà, vợ chồng ly dị. Và cũng từ đó tai hoạ trong trời đất phát sinh.

Thiên tai, nhân hoạ do đâu mà có ? Vì con người ly hôn nhiều quá. Khi cha mẹ ly hôn, gia đình tan nát, thì con cái dễ biến thành trẻ hư hỏng. Thiếu cha mẹ chúng thì không thể nên người, thành người hữu dụng cho đời được. Trẻ mồ côi hay trẻ sống với mình cha hoặc mình mẹ của nó thì đây đây khắp thế giới. Khi thiếu giáo dục đảng hoàng, thì các em ấy khi lớn lên chẳng hề biết câu thúc gì cả. Các em có thể giết người, trộm cắp, đốt nhà, hút độc .v.v. đủ mọi chuyện xấu.

Bấy giờ quốc gia không còn là quốc gia, thế giới không còn là thế giới nữa. Nghiên cứu cho kỹ nguyên nhân hoạ hoạn thì rõ ràng là từ việc cha mẹ không biết giáo dục con cái, trị lý gia đình cho tốt, họ cứ luôn ích kỷ nghĩ đến cá nhân mình, do đó mới tìm giải pháp ly hôn. Một khi ly hôn thì đủ thứ vấn đề phát sinh. Những thứ tai hoạ như động đất, cuồng phong, hoả hoạn, tật dịch, sẽ thường xuyên hoành hành. Không biết bao nhiêu người sẽ mất mạng trong đủ thứ tai nạn như máy bay rơi, xe lửa lật, tàu chìm .v.v. Và nguyên nhân đó thì thật là giản dị, đó là vợ chồng ly hôn. Bởi vì ly hôn làm đảo lộn âm dương. Khi âm dương đảo lộn thì mọi sự việc không còn thuận lợi êm xuôi nữa. Mọi thứ trên thế giới sẽ chịu ảnh hưởng và cuối cùng đều bị đảo lộn hết.

Bởi vậy muốn rõ vì sao thế giới sụp đổ, mình phải xét tận nguồn gốc. Nguồn gốc đó là do vợ chồng bất hoà. Do họ không còn biết tôn trọng nhau, quên mất đi lễ tiết giữa vợ chồng. Thời này ai cũng nói tới tự do, song càng nói tới tự do, thì họ càng đánh mất giá trị căn bản của con người. Tới độ con người chẳng hơn gì súc vật. Thật là thời đại đã đến chỗ sụp đổ. Các bạn hãy thấu triệt điểm này ! Chẳng lẽ học Phật pháp cả chục năm rồi mà mình chẳng rõ nguồn gốc khiến cho thế giới sụp đổ hay sao ?

Sở dĩ cha mẹ thường bất hoà, là vì họ không biết đạo hiếu. Hễ mình tranh cãi, đập lộn nhau hoài, thì mình không thể nào có hiếu với song thân, cũng không thể tận trung với đất nước được. Hậu quả là con mình sẽ thành hư hỏng, đây đây vấn đề. Khi chúng lớn lên lập gia đình, chúng sẽ tiếp tục bước đi sụp đổ của cha mẹ chúng. Thế là tác

hại này di truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, lần quần không dứt.

Các vị ! Để thấu triệt nguồn gốc khiến cho thế giới suy đồi, ta phải thấy rằng : Mặt ngoài chính là do cha mẹ bê bối, mặt trong chính là do lòng người hư thối. Khi lòng người ác ôn thối nát thì ngoại cảnh sẽ trở nên hỗn loạn, mất khuôn phép. Các bạn hãy nhìn xem điều này có đúng chăng ! Khi gia đình rối ren, đây đây sự tranh chấp, thì hẳn là xã hội không sao êm thấm được. Và đất nước chắc chắn sẽ không xuất hiện bậc hiền tài. Các bạn nghĩ sao ? Không biết các bạn có cảm tưởng gì về lời tôi nói !

Tọa Thiền Vì Niếp Tâm

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Tọa thiền là một pháp môn người mới tu hành phải đi qua con đường này. Thiền là gì ? "Thiền" không phải là tiếng Tàu, mà là tiếng Phạn gọi là "Dhyana". Dịch nghĩa là "Tư duy tu", cũng gọi là "Tĩnh lự". Vì người Trung Hoa thích gọi tắt, chỉ gọi "Thiền". Ngoài ra còn có những danh từ "Tọa thiền", hoặc "Đả tọa" (ngồi thiền). Cứ theo tên mà suy ra nghĩa. "Đả tọa" là phải ngồi. Tại sao phải ngồi ? Vì nhiếp tâm. Phần đông tuy nhiên ngồi chỗ đó, nhưng tâm không ở đó, tâm đi đâu ? Đi khỏi vọng tưởng. Lúc đông, lúc tây, lúc nam, lúc bắc. Không cần tiền mua vé mà đi hỏa tiễn chơi khắp nơi. Vọng tưởng phân tán, thì không dễ gì mà khống chế được. Tại sao con người không có trí huệ ? Vì tâm chạy khắp nơi. Tại sao người càng ngày càng già ? Vì tâm chạy lăng xăng các nơi. Ví như chiếc xe mới, bạn chạy quá nhanh thì nhất định uống dầu nhiều, mà còn lãng phí rất nhiều dầu. Kết quả thân xe và máy đều sinh ra rất nhiều thứ bệnh, làm cho xe hư. Thân thể của con người cũng giống như thế. Nếu bạn không biết giữ gìn nó, để nó (tâm) tự ý chạy khắp nơi, thì nhất định cũng lãng phí rất nhiều dầu, dầu là gì ? Tức là tinh thần quý báu của bạn, không cần biết bạn thêm bao nhiêu dầu, cũng đều hao phí. Giống như người hàng ngày ăn đồ bổ dưỡng, nói có dinh dưỡng bổ giúp thân thể, nhưng nếu bạn không biết trân trọng tinh thần của mình, theo đuổi bên ngoài, thì ăn bao nhiêu đồ bổ cũng bổ không đặng tinh thần đã mất đi. Cho nên ngài nói : "*Chế tâm một chỗ, không việc gì mà chẳng xong*". Cho nên phải thu nhiếp tâm lại, khiến cho cố định một chỗ, mới không lãng phí tinh thần, thấu triệt tinh thần. Đây cũng ví như bạn biết lái xe, giữ gìn cẩn thận, tức không thể xảy ra tai nạn thì xe dùng được lâu. Cũng vậy thân thể con người nếu biết tu dưỡng, thì thân không thể già, lại không thể chết.

Có người nói : "Nói lời như thế, tôi không tin, mọi người đều chết, cho đến Phật Thích Ca cũng phải nhập Niết Bàn, sao lại nói không chết ?" Phải biết, Phật nhập Niết Bàn, không giống như người


thế gian chết, mà là nhập vào cảnh giới không sinh không diệt, viên mãn tịch diệt. Phật đã khai mở đại trí huệ, giải thoát sinh tử, đến đi tự tại, Phật không giống như đa số nhiều người vì bệnh mà chết, mà là "*Những gì cần làm đã xong, những chúng sinh có duyên đã độ hết*", mới thị hiện nhập Niết Bàn. Lúc Phật nhập diệt thì chiêu tập Bồ Tát trong mười phương, Thánh Hiền Tăng, A La Hán, Tỳ Kheo, hết thấy Trời, người và chúng sinh đồng đến pháp hội gặp mặt lần cuối cùng. Dù thấy Phật đi rất rõ ràng, sáng suốt, mọi người muốn biết tường tận thì tham khảo Kinh Niết Bàn. Ngồi thiền tức là nhiếp tâm, tức cũng nhiếp thân, miệng, ý ba nghiệp thanh tịnh, nghĩa là thân không phạm sát sinh, trộm cắp, tà dâm. Miệng không nói dối, nói lời thù hận, hai lưỡi, chưởi mắng. Tâm không phạm tham sân si. Ý niệm không theo đuổi bên ngoài, tức thân tâm bình an. Như vậy thì ngồi thiền sẽ có cơ hội khai ngộ. Ngồi thiền tức là điều thân, điều tâm, khiến thân của bạn không đau bệnh, miệng không nói lời ác, ý không : tranh, tham, cầu, ích kỷ, tự lợi, nói dối. Ba nghiệp thanh tịnh thì trí huệ sẽ hiện tiền. Ngồi thiền tức là trở về nguồn gốc, tìm tự tánh trí huệ vốn có, phóng đại quang minh.

Mọi người đến học Phật pháp phải đem chân tâm ra mới có cảm ứng, nếu như bạn xem ăn cơm quan trọng hơn học Phật pháp, kiếm tiền quan trọng hơn học Phật pháp, thì vĩnh viễn không thể học được Phật pháp. Phải xem Phật pháp quan trọng hơn bất cứ việc gì. Đây là thái độ Phật giáo đồ phải có.

PHẢI LẠY PHẬT TRONG NỘI TÂM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng tại Hoa Liên Đông Tỉnh Từ ngày 11/10/89

*"Tâm chỉ niệm tuyệt chân phú quý,
Tư dục đoạn tận chân phước điền".*

 húng ta ngày ngày tu Phật, ngày ngày không biết học ông Phật thiệt, đều dụng công phu trên hình tướng bên ngoài, mà không biết tìm cầu ông Phật trong căn bản tự tánh. Căn bản Phật tức là đoạn tận hết thảy tư dục, mới hiện lộ bốn hữu trí huệ quang minh. Có tư dục thì không có trí huệ, có trí huệ thì không có tư dục, trí huệ không rời khỏi tư dục, tư dục không rời khỏi trí huệ. Phiền não tức là bờ đê, sinh tử tức Niết Bàn. Nếu bạn trên phiền não mà không có phiền não thì bạn có tâm bờ đê. Bạn muốn dứt sinh tử thì bạn đừng tái tạo sinh tử, đó tức là Niết Bàn. Ai ai cũng có sinh thì có tử. Bạn đoạn sạch tư dục thì sinh tử cũng sẽ chấm dứt. Tư dục không đoạn sạch thì sinh tử không thể chấm dứt.

"Tư" là việc mà chính mình biết, chứ người khác không biết. "Tư dục" là đem cái tốt hiện ra để người khác biết còn cái xấu thì che dấu, hy vọng người khác có hảo cảm đối với họ, đây gọi là tư dục. Tư dục xui khiến bạn nói dối, điều xảo thị phi, không phân biệt công thẳng, hỗn loạn trắng đen, vì tư dục chi phối bạn. Nếu bạn không có tư dục thì bốn hữu trí huệ quang minh của bạn sẽ hiển hiện, bắt tất phải tìm kiếm bên ngoài, tự mình cầu nơi chính mình. Chúng ta sinh ra đời, nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hạnh, đều phải phản tỉnh, phải phản cầu nơi mình.

Bạn phải "*Những gì mình không muốn thì đừng thí cho người*". Chính bạn không hoan hỉ thì đừng đổ lên thân người khác. Cổ nhân có nói: "Nhân tuy chí ngu, trách nhân tức mình, thứ kỷ tức hôn", nghĩa là: Có người tuy nhiên ngu đến cực điểm, nhưng nhìn tật xấu mao bệnh của người khác thì thấy rõ ràng có ngăn có nắp, nói

dài nói ngắn chuyện thị phi của kẻ khác, thao thao bất tuyệt, biện tài vô ngại, nhưng đối với việc của chính mình thì mê mờ, tùy tùy tiện tiện, không biện rõ ràng, sai cũng chẳng quan hệ gì, thậm chí "nghe lỗi" thì che đậy tội lỗi, đây là tư dục khiến cho bạn làm đủ thứ việc sai, khiến bạn tự mình luôn luôn tha thứ cho chính mình.

"Người thông minh, lấy tâm trách mình để trách người, lấy sự tha thứ chính mình để tha thứ người, sao chẳng đạt được địa vị Thánh Hiền". Nếu như bạn thông minh tài trí "dùng tâm trách người như trách mình" thì phản tỉnh, phản cầu nơi mình, dùng tâm khoan thứ người như chính mình, những gì mình không muốn đừng thí cho người, thấy nghĩa thì dừng mãnh mà làm, như thế nhất định sẽ đạt được địa vị Thánh Hiền, thậm chí nếu bạn làm việc chân chánh cũng sẽ đạt được quả vị Phật.

Cho nên các bạn lạy Phật bên ngoài không bằng lạy Phật của chính mình, bạn phải cung kính đối với chính mình, thời thời khắc khắc giống như Phật, giống như Bồ Tát Quán Thế Âm, như thế thì bạn mới là chân lạy Phật, chân bái sám, chân niệm Phật. Nếu bạn không như thế, thì chỉ học khẩu đầu thiên (thiền ngoài miệng), người sao mình cũng vậy, người lạy Phật, tôi cũng lạy Phật, người niệm Phật, tôi cũng niệm Phật, người ăn cơm, tôi cũng ăn, nhưng sinh tử của mình thì không thể chấm dứt.

Bạn phải cước đạp thật địa nhận chân thực hành. Tôi là đạo đức đồ thuyết. Lúc trước tại Đài Loan có một vị Tỳ Kheo-ni Phước Huệ, vị Tỳ Kheo ni này hai mươi tuổi kết hôn, sinh được hai người con, hai mươi lăm tuổi thì chồng chết, cô ta nhìn thấu hồng trần mà đi xuất gia. Cô ta cũng không mặc đẹp, cũng không ăn ngon, cũng không ở nhà tốt, đến các Chùa làm công quả, tên pháp danh gì cũng không để cho người biết, cô ta bố thí nước "đại bi thủy" cho người trị bệnh, cũng không nói, cũng không nhận tiền, cứ tu hành như thế. Các bạn

tu hành như thế thì mới là chân tu hành, bằng không Chùa to, tiền nhiều, nhưng sinh tử chẳng dứt được. Cho nên các bạn phải dụng công phu trên bốn phận, nhìn xem tâm tham của mình đã trừ khử chưa ? Tâm sân đã trừ khử chưa ? Tâm si đã trừ khử chưa ?

Chúng ta người xuất gia phải siêng tu giới định huệ, tức diệt tham sân si, cứu kính bạn làm được chăng ? Nếu làm được, mới không phải sống vô ích, không có xuất gia vô ích, không phải đệ tử vô ích của đức Phật.

Chúng ta phải hồi quang phản chiếu, phản cầu nơi mình. Phản cầu công phu nơi mình thì phải :

*"Thật nhận mình sai,
Đừng nói lỗi của người,
Lỗi người tức lỗi mình,
Đồng thể là đại bi".*

Tại sao tôi nói như thế ? Vì tôi thấy rất nhiều người đều có tật bệnh, nhất là những tật bệnh kỳ quái quái. Khi họ bệnh thì oán trời trách người, nói ông trời không công đạo, tại sao chỉ tôi có bệnh, tại sao không kêu người khác có bệnh, cho nên phần hận bất bình, mà họ không biết đây là tiền nhân hậu quả.

Trong tiền kiếp sát sinh quá nhiều hoặc là bắt chuột, bắt cá, câu cá, giết gà, giết bò, giết dê, giết chó, giết quá nhiều, cho nên loại người này kiếp này có nhiều bệnh tật kỳ kỳ quái quái.

Lúc tôi tại Hương Cảng có gặp qua một bệnh nhân, bà ta là một đệ tử già của tôi hơn sáu mươi tuổi, không biết chữ, tai lại điếc, nhưng rất thích nghe tôi giảng kinh, bà ta không nghe được mà vẫn muốn nghe, mỗi lần phải bò lên hơn ba trăm bậc thang cấp để nghe giảng Kinh.

Một năm nọ, vào ngày mùng 02 tháng 05 qua tiết tháng năm, tôi mở pháp hội giảng kinh A Di Đà, bà ta đột nhiên nghe được "Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát". Tại sao tai bị điếc ? Vì kiếp trước bà ta thích nghe trộm người nói, nên đời này thọ quả báo, đại khái Bồ Tát cũng thương xót bà ta có tâm thành, tai điếc mà thích nghe Kinh thì làm cho bà ta nghe được.

Nhưng bà ta còn có một thứ nghiệp chướng. Kiếp trước bà ta thấy người khác có quái bệnh, bà ta không tin, cho nên đời này chính bà ta phải ném mùi vị cái bệnh đó. Bệnh đó là bệnh gì ? Tức là bà ta một ngày ăn không biết bao nhiêu

bữa, cách một giờ thì phải ăn một bữa, không ăn thì đói, bác sĩ đông tây đều trị không hết.

Lúc đó cứ mỗi ngày thứ bảy, tôi từ Tây Lạc Viên mang ba chục kí lô gạo và dầu đến núi Đại Tự, cung cấp lương thực cho những người trên núi, sang ngày thứ hai sáng sớm phải xuống núi, năm đó nhằm ngày 14 tháng 2, tôi sớm trở lại pháp hội thì bà ta nhìn thấy tôi bèn nói với tôi : " Sư phụ ! Sư phụ ! Trong bụng của con có người nói chuyện". Các bạn thấy kỳ quái chăng ? Tôi nói : " Con tuổi đã già, bụng làm gì mà có con ? Hơn nữa con chưa sinh ra sao biết nói ? Nó nói gì ?". Bà ta nói : " Sáng sớm con dùng bột mì, bột gạo làm bánh, không thêm dầu cũng không thêm gì, nướng chín rồi ăn. Khi con ăn vào, trong bụng liền nói : "Tôi không muốn ăn thứ này", con liền nói : "Người không muốn ăn thứ này, vậy người muốn ăn thứ gì ? Ăn no thì tốt, còn đòi gì nữa". Ý không nói gì hết.

Tôi nói : "Tốt, con đi về nhà ! Tối trước khi ngủ nhìn xem có cảnh giới gì chăng ?"

Trước khi ngủ chuyện kỳ quái đã xảy ra, bà ta nhìn thấy Bồ Tát Vi Đà đến, trong tay cầm một bát mì, đổ mì xuống, bà ta thấy ba đứa con nít đều mập mập từ trong bụng chạy ra cướp giật bát mì ăn, đương lúc giành giật ăn, Bồ Tát Vi Đà xách tai mấy đứa con nít chạy đi, con nít đi rồi, bụng bà ta trở lại bình thường, cũng không còn đói nữa.

Tại sao bà ta có chứng quái bệnh như vậy ? Vì lúc trước khi chưa mắc chứng bệnh này, có một lần nằm mộng, mộng thấy ba đứa nhỏ chạy vào trong bụng bà ta, từ đó sinh ra chứng quái bệnh này, đó là bệnh đói. Ba đứa nhỏ này cũng có thể nói là ngọc quý, cũng có thể nói là yêu quái, tại sao bà ta mắc chứng này ? Đó là vì quá khứ bà ta thấy có người mắc chứng bệnh này, sau khi hết, bà ta nghe họ kể lại chuyện này bèn nói : "Tôi không tin, không biết ai biên tạo ra chuyện này". Vì bà ta không tin, cho nên đời này bà ta mắc phải chứng bệnh ấy.

PHÁP GIỚI CỦA SÚC SINH

Súc sinh hiểu tham
Đa nhi vô yểm
Tương hắc tác bạch
Thị phi mạc biện.

Tạm dịch :

*Súc sinh tham lam
Nhiều chẳng biết chán
Lấy đen làm trắng
Không biết phải trái.*

Ở trên đã giảng qua bảy pháp giới đều là pháp giới tốt, có thể đi thử xem. Nhưng ba pháp giới này đừng đi thường thức, đừng đi xem thử. Một khi bạn đi thử xem, thì e rằng thoát ra không khỏi, do đó có câu : "*Một khi mất thân người, vạn kiếp khó được lại*". Khi bạn mất đi thân này thì ngàn vạn kiếp sợ rằng cũng không được làm thân người, cho nên rất là nguy hiểm, không nên đi du hí thử. Song, có người nói : "Có vẻ tựa như du hí". Nhưng y chưa nhận thức sự du hí này ra sao, sự thấy hiểu vô minh của y không rõ ràng, nhận thức không rõ ràng.

Súc sinh chẳng phải là một loại súc sinh, súc sinh cũng có trăm ngàn vạn ức giống loài khác nhau, có loài thì bay, loài thì đi, loài ở dưới nước, loài ở dưới đất, loài ở trên hư không. Riêng loài súc sinh biết bay có hàng trăm ngàn vạn ức loại khác nhau. Còn loài súc sinh đi cũng không ít, có lớn có nhỏ; nhỏ thì như chuột, lớn thì như voi, ngựa, nai, gấu, bò. . . . Súc sinh ở trên mặt đất cũng có trăm ngàn vạn ức loại. Súc sinh ở trong nước như chó nước, trâu nước, ngựa nước, heo nước, cũng có trăm ngàn vạn ức loại.

Chúng ta e rằng không cách chi biết hết được, dù tiến bộ về vật lý, hóa học, sinh vật học, động vật học, bác sĩ hoặc chuyên gia cũng không cách chi biết hết được. Cho nên trên thế gian này, bạn thấy có phải trùng trùng vô tận, vô tận trùng trùng chẳng ?

Những súc sinh này do đâu mà biến làm súc sinh ? Chỉ do một chữ "tham" mà biến làm súc sinh ! "Súc sinh tham lam", tham lam tức là bất cứ thứ gì cũng đều tham nhiều, ít thì không chịu. Cho

nên nói "nhiều chẳng biết chán", vì tham nhiều mà không chán, cho nên "lấy đen làm trắng". Đen chúng cũng chẳng biết là đen, chúng nói "Ồ ! đây là trắng". Lấy đen làm trắng, đó là biểu hiện chúng chẳng có lý tính. Chẳng có lý tính thì tham nhiều; bất cứ gì cũng tham nhiều, thậm chí phân, chó cũng tham nhiều. Giống như chó ăn phân, chúng càng ăn càng thích nhiều, càng ăn càng ngon. Đó là đồ dơ bẩn, người trông thấy thì : "Ồ ! sao mà ăn được hay ?" Chúng càng ăn thì cảm thấy càng thơm, càng ngon ngọt, đó là như thế, nhiều mà chẳng biết chán. Lấy đen làm trắng, không tốt mà chúng cho rằng tốt, gì chúng cũng tham nhiều, thậm chí bệnh hoạn, chúng cũng tham nhiều, một chúng bệnh chúng hiềm không đủ, phải hai chúng bệnh, uống thuốc chúng cũng muốn uống nhiều, đó là tham nhiều.

"Chẳng biết phải trái", chúng cũng chẳng biết đúng, cũng chẳng biết sai, trái phải cũng chẳng biết, không rõ ràng, đó tức là chẳng có lý tính. Sao chúng chẳng có lý tính ? Vì có chữ "tham", có chữ tham này thì hồ đồ, vô minh che đậy, vô minh che đậy cho nên gì chúng cũng chẳng biết.

Cho nên chúng ta đừng tham, đừng nói : "Người xuất gia không tham tiền tài, nhưng càng nhiều càng tốt". Bạn tham nhiều thì có nguy hiểm. Tham nhiều thì dễ biến làm súc sinh. Bạn nói : "người xuất gia không thể đọa lạc". Nếu bạn không y theo giới luật của Phật tu hành thì sẽ đọa lạc càng nhanh. Cho nên người xưa có câu nói : "Địa ngục môn tiền tăng đạo đa." Nghĩa là trước cửa địa ngục Tăng và Đạo sĩ nhiều vô số. Những người xuất gia và đạo sĩ tâm tham lam đều ở trước cửa địa ngục nói : "Mau đưa tôi vào địa ngục ! mau để cho tôi vào trước ! Vào đó có nhiều trò chơi lắm ! Họ cảm thấy nơi đó là nơi chơi lý tưởng lắm, cho nên họ muốn vào. Khi vào rồi thì mới biết chẳng phải là chỗ chơi.

ĐÔI LỜI VỚI ĐỘC GIẢ

Báo Phật pháp ra đời với mục đích hoằng pháp lợi sinh, truyền bá giáo lý Phật đà. Đã hơn năm qua tờ báo đã được sự ủng hộ cúng dường, nhận báo dài hạn của tất cả các vị. Do đó mà tờ báo vẫn tiếp tục tồn tại để duy trì tiếp tục pháp hành. Nhưng tiền cước phí và in ấn là điều mà Chùa vẫn phải lo. Mặc dù được sự ủng hộ của các vị khắp nơi, nhưng vẫn chỉ có giới hạn. Vì phần đông độc giả thì nhiều mà ủng hộ và nhận báo dài hạn lại quá ít, cho nên tờ báo Phật pháp cũng không tránh khỏi sự thăng trầm. Mỗi lần sắp in ra, Chùa đều phải coi tài chánh trong tương mục của Chùa in và gởi đi có đủ hay không ! Chùa vẫn cố gắng làm hết khả năng để duy trì và truyền bá Phật pháp lâu dài, nhưng khả năng vẫn có hạn.

Từ khi thành lập Chùa đến nay, và sự ra đời của báo Phật pháp, đều hoàn toàn nhờ sự phát tâm của quý vị Phật tử khắp nơi, công đức đó, xin hồi hướng lên Tam Bảo chứng minh. Nhưng với ngôi Chùa mới thành lập, và tiền nợ mượn thành lập Chùa vẫn còn đó, đang trả nợ dần dần, và còn trải trùng tu sửa chữa, với những gánh nặng này thật không nhỏ. Nhưng mọi việc Phật sự nào cũng đều nguyện Tam Bảo, Hộ Pháp gia hộ, hy vọng mọi sự thử thách chướng ngại đều có thể sẽ vượt qua.

Sắp tới kỳ phát hành, nhiều Phật tử hỏi : Chùng nào số báo tới sẽ in ra ? Tôi nói sắp in ra, nhưng không thể không nói thật rằng : Mỗi lần in ra và gởi đi, vẫn là gánh nặng đối với một ngôi Chùa mới thành lập. Tất cả mọi sự đều bắt đầu từ số 0. Nhưng Chùa vẫn ôm hoài bảo, "truyền bá Phật Pháp, lợi lạc chúng sinh". Chỉ cần chúng sinh đọc và hiểu được một câu Phật pháp, một bài kệ thì đã gieo vào trong tâm chúng tử bồ đề, nhờ đó

mà trải qua vô số kiếp vị lai cũng không bao giờ mất đi, cho đến khi nào nhân duyên thành thực, thì họ sẽ tu hành, và sẽ chứng quả giải thoát, đây là sự không thể nghĩ bàn của Phật pháp. Không những thế, mà dù chúng sinh gặp hình tượng Phật, lễ Phật, thấy Tăng, kính Tăng, cũng đã gieo xuống hạt giống bồ đề. Tương lai nhân duyên chín mùi, cũng sẽ tu hành được giải thoát. Do đó, vì sao mà muốn cho Tam Bảo Phật Pháp trụ thế được lâu dài, để khiến cho những chúng sinh nào chưa gieo duyên lành, được gieo duyên lành. Chúng sinh nào đã gieo lành, khiến cho tăng trưởng. Đã tăng trưởng, khiến cho thành thực. Đã thành thực, khiến cho được giải thoát.

Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Dù chúng sinh tin Phật hay không tin Phật, đây là vấn đề thời gian và nhân duyên mà thôi. Khi nhân duyên chín mùi thì họ tự động sẽ đến với Phật pháp, chẳng những tin sâu sắc, mà còn tu hành Phật pháp. Đều sẽ trở về cội nguồn nguyên thủy của chính mình. Chỉ có Phật pháp mới là con đường duy nhất, dẫn dắt chúng sinh từ bờ sinh tử bên này, qua dòng sông phiền não, và đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Vì vậy mà Đức Phật phải từ bỏ tất cả, để đi tìm chân lý. Chân lý ấy bây giờ vẫn còn tồn tại trên thế gian, nhưng đang trên đường mai một dần dần, vì nghiệp lực chúng sinh càng ngày càng nặng hơn, chân lý càng ngày càng không được quý trọng, lơ là, thì liệu trong tương lai thế hệ sau này có còn được đọc, được thấy và hiểu chăng ! Lúc đó không còn Phật pháp, không còn chân lý, để soi sáng tâm chúng sinh, thì đây không phải là ngọn đèn Phật pháp đã tắt mất hay chăng ! Thế gian không còn ánh sáng hay chăng ! Nếu như mỗi người Phật tử đều quan tâm đến sự thanh suy của Phật pháp, coi là trách nhiệm của mình, làm hết khả năng của mình, thì Phật pháp vẫn có cơ hội được bảo tồn phát triển, truyền bá lâu dài, lợi lạc cho chúng sinh hậu thế. Làm tròn bổn phận của người con Phật, thế Phật hoằng pháp lợi sinh, thế giới hoà bình chúng sinh an lạc. Được như thế thì đã đền đáp được phần nào thâm ân của Đức Phật Tổ.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suite)

Un jour, quand le Bouddha était sur le point de parler du Dharma, un dieu venant du ciel du Grand Brahma lui fit offrande d'une fleur en or et ensuite s'étendit sur le sol et demanda au Bouddha de se servir de son corps en guise d'une chaise et de proclamer le Dharma à tous les êtres vivants. Le Bouddha s'assit sur le Dieu Brahma, prit la fleur dans ses doigts et au milieu des centaines de milliers d'hommes et de dieux, il esquissa un léger sourire. Kassyapa souriait aussi légèrement et ainsi le sceau de l'esprit du Dharma fut transmis. Ceci est appelé la transmission de la fleur accompagné d'un léger sourire. Alors le Bouddha dit : « J'ai le trésor du vrai oeil du Dharma, le merveilleux esprit du Nirvana, la vraie réalité sans marque, transmise en dehors de l'enseignement, le sceau de la transmission d'esprit en esprit. Je l'ai transmis au Mahakashyapa. De cette manière, Kashyapa devint le premier Patriarche Indien.

Depuis le temps du Bouddha, le Dharma fut transmis seulement à un Patriarche dans chaque génération. Le Bouddha Sakyamuni transmettait son Dharma tout entier à son disciple Mahakashyapa et Arya Mahakashyapa le transmettait à Arya Ananda qui devint le deuxième Patriarche. A partir d'Arya Ananda, le Dharma passait à l'Arya Shankavasa, d'Arya Shankavasa à l'Arya Upagupta et ainsi de suite jusqu'au vingt huitième Patriarche Indien, le Grand Maître Bodhidharma. Celui-ci amena le Dharma jusqu'en Chine où il fut transmis au deuxième Patriarche chinois, le Grand Maître Hui

K'o, puis au troisième Patriarche, Seng Ts'an. Du Grand Maître Seng Ts'an, le Dharma allait au cinquième Patriarche, le Grand Maître Hung Jen, celui-ci passait le Dharma au sixième Patriarche, le Grand Maître Hui Neng. Alors, la Fleur du Dharma s'épanouissait en cinq pétales : Les cinq familles de Lin-Chi, Fa-Yen, Ts'ao Tung, Wei-Yang et Yun-Men et

ainsi de suite jusqu'à nos jours. Et maintenant la Doctrine s'étend à l'Ouest.

Les pratiques ascétiques sont appelées « dhutangas », un mot Pali de la racine dhu, qui veut dire « vider ». Elles sont appelées aussi duskara- charya, « des pratiques amères ». Vider veut dire concentrer votre esprit et votre énergie, vous dégager de l'affliction et de l'ignorance comme si vous vous débarrassez de la poussière d'une robe. Quand nous pratiquons une session de méditation de Ch'an, nous sommes aussi encouragés à concentrer notre esprit, à être vigoureux et à ne pas craindre des souffrances ou des difficultés. Plus c'est dur, plus vous vous décidez à le faire ! Aussi vieux que fut le Patriarche Kashyapa, il gardait toujours ses pratiques ascétiques.

Il existe douze pratiques ascétiques. Les deux premières concernent les vêtements, les cinq suivantes la nourriture et enfin les cinq dernières portent sur l'habitation.

1) Porter des vêtements en lambeaux. On ramasse de vieux vêtements jetés dans les ordures, on les lave et on les recoud en une robe. « Quel est intérêt de porter une pareille robe ? » Vous vous demandez.

Si vous désirez en connaître les avantages, il y en a beaucoup. Si vous voulez parler des inconvénients, il y en a aussi beaucoup. Portant des robes en lambeaux, vous cesserez de convoiter des beaux habits et d'être orgueilleux chaque fois que vous mettez un nouveau vêtement. C'est un moyen pour supprimer sa propre cupidité et aussi celle des autres. Quand les gens vous voient, ils pensent, « Ce vieux pratiquant s'habille en lambeaux, pas de beaux habits. Il est un vrai adepte et je devrais l'imiter. » En vous prenant comme modèle, les autres Bhikshus prennent aussi la détermination de suivre la Voie. Ce sont des avantages de cette pratique.

Et quels en sont les inconvénients ? Lorsque vous portez les haillons, les voleurs vous

laissent tranquilles. Par exemple, lorsque je vivais au Monastère de Nan Hua dans les années 40, je portais la même robe en lambeaux que j'avais portée à Mandchourie, lorsque j'étais en deuil pendant trois ans à côté de la tombe de ma mère. Quand la durée du deuil était passée, je continuais à la porter en sa mémoire. En Mandchourie, lorsque mes disciples ont pris refuge, chacun d'eux me donna une petite pièce pour m'acheter une autre robe ; la mienne était vraiment en loques mais j'avais beaucoup de pièces d'argent.

Au Monastère de Nan Hua, une nuit, une bande de voleurs sont venus, ils commencèrent à donner de grands coups à la grande porte du monastère. « Ouvrez ! » Crièrent-ils, mais personne ne voulait les laisser entrer. Finalement j'ouvris la porte, ils m'entourèrent.

« Pourquoi avez-vous tardé à ouvrir la porte ? » Demandèrent-ils.

« Vous êtes des voleurs et des bandits », dis-je. Réfléchissez donc ! Si vous étiez à ma place, auriez-vous ouvert la porte ? »

Je poursuivis ensuite : « Il y a quelques objets de valeur dans ma chambre. Vous pouvez les prendre. » Mais lorsqu'ils me voyaient habillé en guenilles, ils durent penser que je n'avais probablement rien de précieux. Aussi ils dédaignaient venir jusqu'à ma chambre. En réalité, il y avait bien deux trésors : Deux jeunes novices effrayés qui se cachait sous le lit.

« Où est l'argent ? » Demandèrent-ils.

« Regardez ma robe », dis-je. « Ai-je l'air d'un homme riche ? »

« Non », approuvèrent-ils, « mais vos disciples doivent avoir de l'argent. »

« Messieurs », répliquai-je, « si le Maître est déjà démuné, ses disciples sont sûrement encore plus pauvres ». Les bandits parcoururent le temple. Je les suivis et leur ordonnai de partir et de ne rien prendre.

Le lendemain, au rassemblement général, le Vénérable Supérieur, Hsu Yun annonça, « dans le monastère, une seule personne n'était pas effrayée devant les bandits » et ensuite il citait mon nom.

« Non » répliquai-je, le sixième Patriarche était impassible et le Maître Han Shan aussi était calme. Le Maître Tan T'ien était tout à fait serein, bien qu'il ait eu moins de pouvoir de Samadhi. Il sortait sa tête pour

regarder. Ces trois grands Maîtres me surpassaient de beaucoup en mérite. Je n'avais pas de Samadhi du tout. Je les poursuivais simplement au nom de cette terre du temple. (Les corps des trois Maîtres ne sont pas délabrés. Ils ont été dorés et gardés au monastère afin que les fidèles puissent les vénérer. Le corps du Maître Tan T'ien semble pencher un peu en avant).

Ainsi, quand vous portez les vêtements en lambeaux, les voleurs se tiennent sur la réserve. Les riches ne s'approchent pas non plus, et ceci vous évite beaucoup de problèmes. Un autre facteur important : les femmes vous laissent tranquilles. Après avoir porté des vêtements en lambeaux pendant un certain temps, vous dégagez un rare parfum repoussant pour les femmes. On n'en finit jamais de parler des avantages de porter les robes en lambeaux.

2) Posséder seulement trois robes. En suivant cette pratique austère, on ne possède rien excepté ses trois robes. On dit,

Ne rien posséder au-delà des limites de sa personne,

Et le chagrin et l'ennui ne surgiront pas.

Les Bhikshus qui assurent cette pratique, possèdent seulement trois robes, un bol pour mendier et un morceau de tissu pour se prosterner. La première robe est le Samghati, la grande robe ou la robe pour l'invitation. On la porte pour entrer dans le palais royal, pour donner des conférences du Dharma ou pour aller mendier la nourriture. Elle est faite généralement de cinq bandes de tissu cousues avec 108 pièces. Chaque bande comporte quatre pièces longues et une pièce courte. Les pièces représentent les champs où, le fidèle, en faisant des offrandes, peut semer les graines pour les futures bénédictions.

La deuxième est l'Uttarasangha ; la robe portée pour entrer dans l'assemblée. Elle est faite des sept pièces, elle est interprétée comme la signification de « la robe supérieure » et portée pour assister aux cérémonies du culte, tel le culte des repentirs ou pour réciter les Sutras, pour méditer, réciter les préceptes et assister au Pravarana.

La troisième est l'Antarvasaka, la robe de travail à tout usage faite de cinq pièces portée dans le monastère pour faire des travaux manuels.

Un Bhikshu qui cultive les pratiques ascétiques doivent avoir seulement trois robes, un bol et un morceau de tissu pour se prosterner. Les deux premières pratiques ascétiques s'occupent du vêtement. Les cinq suivantes traitent de la plus importante activité de l'homme : la nourriture.

3) Mendier la nourriture. Le matin, les Bhikshus prennent leur bol de mendiant et entrent en ville pour recueillir les aumônes pour leur repas du midi. Ils ne font pas la cuisine. En Thaïlande, en Birmanie et au Sri Lanka, le donneur prépare comme offrande au Triple Joyaux un bon bol de nourriture. Il l'offre au premier Bhikshu qui passe devant sa maison. Il s'agenouille avec respect, tient le bol au-dessus de sa tête, verse le contenu dans le bol du Bhikshu et ensuite se prosterne trois fois.

4) La mendicité consécutive. On mendie de maison à maison, ne faisant aucune différence entre les familles riches ou démunies. Dans le Sutra SHURANGAMA, nous lisons : « A cette époque, Ananda, prenant son bol pour mendier, entrait en ville pour mendier de maison à maison. Du premier jusqu'au dernier donneur, il ne posait aucune question sur la pureté ou la saleté des offrandes végétariennes et ne cherchait pas à savoir s'ils étaient de la noble famille Kashatriya ou Chandalas. Il pratiquait la compassion de façon équitable et ne recherchait pas seulement le pauvre, car il avait décidé de perfectionner le mérite et la vertu illimitée de tous les êtres vivants. »

La pratique de la mendicité consécutive l'aide à le délivrer de la discrimination et lui permet de donner à tous les êtres vivants une même occasion pour semer la bénédiction. C'est un acte d'un grand désintéressement.

5) Ne manger seulement qu'un repas à midi. On ne s'alimente pas le matin et le soir ; on mange seulement un repas par jour, avant midi. C'est une excellente pratique mais malheureusement pas du tout facile à appliquer. Pourquoi ? Parce qu'on dit toujours que : Pour les êtres humains, manger représente un acte fondamental. Tout le monde aime manger. Les êtres humains sont nés avec le désir de manger et, chaque fois qu'ils ont la moindre faim, ils veulent manger. Ceci arrive souvent le matin et le soir aussi bien qu'à l'heure du déjeuner.

Manger une fois par jour écarte beaucoup de problèmes. Prendre deux repas en moins par jour, permet de moins dépenser du temps à cuisiner et à manger, aussi bien que pour faire ses besoins.

Il est impossible d'énumérer toutes les vertus dérivées de la pratique de manger seulement une fois par jour. En général, si vous mangez moins, vous aurez moins de problèmes. Si vous mangez beaucoup, vous en aurez beaucoup plus.

Chaque fois que les Bhikshus mangent, ils doivent contempler les quatre vœux et les cinq contemplations. Avec peu de nourriture, on les rumine sans arrêt.

Les quatre vœux sont :

1. Je jure de détruire tous les maux.
2. Je jure de cultiver tous les biens.
3. Je jure de sauver tous les êtres vivants.
4. Je jure d'apporter la paix à tout le monde.

(à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

LES MOTIFS ET LES CONDITIONS EN VUE DU DEVELOPPEMENT DE L'ENSEIGNEMENT.

Les enseignements sont les messages transmis par un sage—Un Bouddha ou un Bodhisattva—pour enseigner et transformer les êtres vivants. L'enseignement s'effectue avec certains moyens et dans certaines conditions, et ceux-ci proviennent des êtres vivants. S'il n'y avait pas d'êtres vivants, il n'y aurait pas de Bouddha. S'il n'y avait pas de Bouddha, il n'y aurait pas d'enseignement. Cependant, l'enseignement est constitué dans l'intérêt des êtres vivants. Les motifs et les conditions ; les raisons de l'enseignement sont là pour permettre de rompre le cycle de la naissance et de la mort. Ceci est la raison pour que le Bouddha Sakyamuni apparaisse dans le monde. Le Sutra du Dharma de la Fleur dit : « Le Bouddha apparaît dans le monde à cause des origines et des conditions d'une seule grande situation. » Quelle est cette situation ? C'est le problème de la naissance et de la mort des êtres humains. Tant que les gens ne comprennent pas pourquoi ils sont nés et pourquoi ils meurent, ils doivent continuer à subir la naissance et la mort. Une fois qu'ils ont compris, ils mettent fin à la naissance et à la mort. Le Bouddha Sakyamuni est apparu dans le monde pour faire comprendre aux êtres vivants comment ils sont nés et pourquoi ils meurent.

« D'où venez-vous, quand êtes-vous nés ?
Quand vous mourez où irez-vous ? »

Une fois né dans le monde, tout être vivant est accaparé par tous les soucis de la vie : trouver des endroits pour habiter, des vêtements pour s'habiller et de la nourriture pour vivre. Ils deviennent si

préoccupés à pourchasser la nourriture, les vêtements et le lieu de refuge, qu'ils n'ont plus le temps pour résoudre le problème de la naissance et de la mort. Ceci montre comment les gens ordinaires raisonnent. Ils disent : « nous devons travailler dur et nous occuper de nos deux repas, de nos habits et d'un endroit pour vivre. » Personne ne s'occupe de résoudre le problème de la naissance et

de la mort. Ils n'ont pas le temps d'y penser. Ils ne se demandent pas : « Pourquoi suis-je venu dans ce monde ? Comment suis-je arrivé ici ? D'où suis-je venu ? »

Lorsque vous rencontrez quelqu'un, vous vous demandez : « D'où vient-il ? Combien de temps restera-t-il ici ? » Les gens ne se posent jamais ces questions. Ils ont complètement oublié d'où ils viennent, où ils vont. Ils oublient de se demander : « Où vais-je aller quand je meurs ? » Simplement parce qu'ils ont oublié de se poser cette question. Le Bouddha Sakyamuni est venu dans ce monde pour nous encourager à pencher sur le problème de la naissance et de la mort.

Le Sutra du Dharma de la fleur dit plus loin que le Bouddha est venu dans ce monde pour inciter tous les êtres vivants à faire naître la connaissance et la vision du Bouddha ; à manifester la connaissance et la vision du Bouddha ; et à pénétrer dans la connaissance et la vision du Bouddha. Tout cela constitue leur l'héritage. Leur sagesse est identique à celle du Bouddha. Mais, à l'intérieur d'un être vivant, la sagesse est comparable à l'or de la mine citée précédemment. Avant que la mine soit forée, l'or n'est pas évident à voir. Une fois que vous avez pris conscience de l'existence de votre propre nature de Bouddha, vous pouvez vivre en harmonie avec le Dharma ; vous pouvez creuser la mine et en extraire l'or pur qui ne contient plus de scories ni d'impuretés.

« Où est notre propre nature de Bouddha ?
Où est notre propre sagesse ? »

La nature de Bouddha se trouve à l'intérieur de nos afflictions. Tout le monde endure des afflictions et tout le monde possède une nature de Bouddha. Chez une personne ordinaire, à la place de la nature de Bouddha ce sont des afflictions qui sont apparentes. Les afflictions sont comme de la glace. Notre sagesse est comme l'eau. Notre nature de Bouddha est comme l'état de la buée. L'état de la buée est présente aussi bien dans la glace que dans l'eau. Ainsi, la nature de Bouddha est présente à l'intérieur de la sagesse et de l'affliction. Mais comme que l'état de la buée est commun à la fois à la glace et à l'eau, ses

propriétés physiques sont différentes. Un morceau de glace est dur et peut faire mal aux gens si vous le frappez avec ; de la même façon, vous pouvez blesser les gens en faisant naître des afflictions. Par contre une petite quantité d'eau est inoffensive si vous la versez sur quelqu'un ; de la même manière une personne sage, par le son de sa voix, peut rendre les gens heureux même quand elle les réprimande. Si vous usez votre affliction pour créer des ennuis aux autres, votre ignorance apparaîtra. En réalité, vous pouvez énerver quelqu'un si bien que vous en veniez aux mains et finalement l'un d'entre vous sera certainement blessé.

Les gens peuvent retourner à la source originelle s'ils parviennent à changer leurs afflictions en sagesse. Le changement est pareil à la fonte de la glace. Vous ne pouvez pas dire que la glace n'est pas de l'eau, car la glace peut fondre en eau. Vous ne pouvez pas dire non plus que l'eau n'est pas de la glace, car l'eau peut geler en glace. Leur qualité commune est la nature de la vapeur. De la même manière, personne ne peut nier que les êtres vivants ne sont pas le Bouddha ou que le Bouddha n'est pas un être vivant. Le Bouddha appartient aux êtres vivants et les êtres vivants appartiennent au Bouddha. Vous devez comprendre ce principe, vous avez seulement besoin de vous changer et laisser fondre la glace.

J'ai dit que l'eau ne peut pas nuire aux gens ; mais ceci est discutable puisque tout le monde est conscient du danger de noyade et des dégâts causés par les inondations.

Il est vrai que beaucoup d'eau peut faire du tort aux gens mais dans l'analogie, je faisais allusion à une petite quantité d'eau. Si vous voulez trouver des objections absurdes, les possibilités sont interminables. Vous devriez saisir le sens et ne pas vous arrêter aux cas particuliers. Si vous trouvez toujours des objections, alors quoique je dise, vous ne me croiriez pas. Si vous avez la foi, alors même si je dis que les oeufs sont pondus par des arbres, vous me croiriez. Avec cette sorte de foi, vous serez capable de développer la sagesse. Sans une telle foi, votre vraie sagesse ne se manifesterait jamais. La vraie sagesse surgit hors de la stupidité profane. Quand la glace se change en eau, c'est de la sagesse ; quand l'eau se congèle en glace, c'est de la stupidité. Les afflictions ne reflètent que de la stupidité. Si vous êtes parfaitement lucide, alors vous êtes sans afflictions.

En expliquant les sutras, je fais référence au principe. N'essayez pas d'utiliser les cas

particuliers pour critiquer les principes ; les deux sont différents vous devriez continuer à écouter et quand vous avez beaucoup entendu, vous saurez que ce que j'enseigne est vrai. Ayant peu entendu, vous êtes incapable d'assimiler mon enseignement. « Qu'est-ce qu'il raconte ? » Vous vous demandez. « Je ne comprends pas. » Vous ne l'avez jamais entendu auparavant ; comment pouvez-vous comprendre ? Si vous pouviez comprendre le Dharma sans l'avoir jamais entendu auparavant. Votre sagesse serait vraiment exceptionnelle. Peut-être l'avez-vous entendu dans une vie antérieure ; mais c'est la première fois pour vous dans cette vie. C'est la première fois que vous l'entendez et pourtant cela vous semble familier, entendre le Dharma constitue déjà un progrès. De la même façon, si vous rencontrez quelqu'un pour la première fois, il peut vous sembler familier, mais il faudrait plusieurs autres rencontres avant que vous puissiez le reconnaître facilement.

Une fois que vous comprenez que votre propre nature est la nature de Bouddha, vous pouvez changer vos afflictions en bodhi. Réaliser le Bodhi veut dire devenir illuminé : illuminé par le fait que vous ne vous attachez plus à rien. Si vous avez des attachements, vous ne pouvez pas devenir illuminé. Par exemple, bien que je ne sois pas illuminé, je n'ai pas d'attachements.

« Vous dites que vous êtes sans attachements, mais vous dites aussi que vous n'êtes pas devenu illuminé. Autrement dit, vous et moi, nous ne nous ressemblons pas. Car si vous n'aviez pas d'attachements, vous seriez illuminé. Je ne suis pas illuminé parce que je ne veux pas être illuminé. Je veux rester parmi les êtres vivants. Mais vos réflexions ne sont pas identiques aux miennes, car je ne peux pas abandonner les êtres vivants et à mes yeux tout le monde est bon. C'est pour cette raison que je ne veux pas être éveillé. Pour dire la vérité, j'ai le coeur d'un Bodhisattva. Celui qui avec le coeur d'un Bodhisattva souhaite le bonheur des autres est indifférent pour lui-même. J'ai dit plusieurs fois que si cela pouvait vous aider à atteindre l'illumination, alors je descendrais volontiers dans les enfers et serais prêt à y subir des châtements éternels. S'il y a de bonnes choses à manger, je goûte juste un tout petit peu et avant de tout offrir aux autres. De la même façon, j'ai déjà dégusté un peu de la saveur d'illumination et maintenant je désire vous offrir la faculté de la goûter. Pour goûter cette saveur de l'illumination, vous devez rompre vos afflictions. Vous serez débarrassé de vos afflictions et de votre

ignorance, la sagesse naît et vous êtes libéré. Il s'agit là de faire naître la connaissance et la vision du Bouddha.

Une fois que vous avez fait naître la connaissance et la vision du Bouddha, que vous avez exploité la mine d'or—alors vous avez besoin de manifester la connaissance et la vision du Bouddha. Il vous faut oeuvrer dur, pour donner la force à vos bras afin de faire monter des profondeurs de la terre. Mais tout d'abord, vous devez vous débarrasser de votre souillure et ensuite petit à petit vous ferez sortir de l'or hors du sable.

Pour manifester la connaissance et la vision du Bouddha, vous devez enseigner aux êtres vivants, comment devenir vraiment vigoureux. Cela exige de la pratique c'est à dire méditer et étudier le ch'an quotidiennement, jusqu'au jour où lors d'une méditation, vous accédez soudainement à la grande lucidité et vous devenez illuminé. Vous comprenez, « oh, c'était donc ainsi à l'origine. Originellement, cela se passait de cette. » Vous aurez alors vraiment résolu les questions de l'existence humaine. C'est à dire être illuminé dans la connaissance et la vision du Bouddha.

La connaissance et la vision du Bouddha ne doivent cohabiter avec la connaissance et la vision des êtres vivants. Les êtres vivants se servent de leurs connaissances et leur vision pour faire engendrer nécessairement des pensées erronées. Des attachements profonds peuvent apporter parfois de grands chagrins causés par un manque de politesse venant des personnes qu'on aime. « Comment peut-il être si méprisable avec moi ? » Vous vous dites. En fait, les gens seront bons envers vous. Si vous êtes vraiment bons envers eux. Ce n'est pas que les gens ne sont pas bons avec moi mais plutôt que je n'ai pas été bon envers eux. Si vous comprenez ce principe, alors personne ne pourrait être vil envers vous.

Une seule main qui tape, ne fait pas de son, Il faut qu'il y ait deux mains qui frappent pour faire naître un son.

Tout le monde salue le Bouddha avec le plus grand respect, parce que le Bouddha est vraiment bon. C'est pourquoi il n'y a personne qui ne soit pas bienveillant envers Bouddha. « Je ne crois pas cela », quelqu'un peut dire. Certains calomnient le Bouddha. Les gens qui calomnient le Bouddha ne peuvent même pas être considérés comme des êtres humains. Ils ne comprennent pas simplement la nature d'un être humain et alors ils calomnient le Bouddha, la Dharma et le Sangha. Ils n'ont pas saisi le sens fondamental de leur propre vie. S'ils connaissaient bien la nature d'un être humain, ils ne calomnieraient pas le triple Joyaux.

Nous devrions pénétrer la connaissance et la vision du Bouddha quand nous sommes illuminés. Ceci demande du travail. Vous devez travailler beaucoup pour comprendre, mais ensuite vous devez encore travailler plus durement. Vous devez détourner la lumière et illuminer intérieurement. Quand votre lumière illuminera votre coeur et que vous deviendrez vraiment sage, alors vous aurez pénétré la connaissance et la vision du Bouddha. Le Bouddha enseignait les sutras pour permettre aux êtres vivants de naître, de se manifester, d'illuminer et de pénétrer la connaissance et la vision du Bouddha.

En général, ce sont ces raisons qui ont poussé le Bouddha Sakyamuni, pendant plus de trois cents Assemblées de Dharma tenues durant plus de quarante neuf ans, à expliquer les sutras et à enseigner le Dharma dans le monde.

(à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

La signification s'ouvre sur trois genres de force :

a. La force du principe du Dharma, dans lequel un seul mot contient des principes illimités et merveilleux. Parce qu'un seul mot contient beaucoup de principes inimaginables, comme les

quatre mots : sublime, succès. Dans le I Ching, ces quatre mots résument les huit trigrammes et plusieurs sens sont contenus à l'intérieur de ces mots.

b. La force de la vertu impressionnante. Ceci désigne les sages spirituels du triple joyaux qui possèdent les titres vertueux et les grands

pouvoirs, comme la force impressionnante des fonctionnaires du roi. Ceci désigne aussi la vertu impressionnante du grand assemblément. Un certain nombre de personnes peuvent se réunir et parler, parler sans cesse. Mais, quand vous leur demandez de dire quelques mots devant l'assemblée, ils sont incapable de prononcer un seul mot ! Pourquoi ? A cause de la vertu impressionnante de l'assemblée. Elle les effraie à mort. Ils n'osent pas laisser échapper leur mitrailleuse. Et ceci désigne la grande force, la réputation et la vertu des saints et des sages dans le triple Joyaux « comme la force impressive des officiers royaux. »

c. La force des vrais mots. Ce sont les vrais mots et le pouvoir du serment du Mantra. Les vrais mots et le Mantra que nous récitons nous apportent un désir particulier. Par exemple, si vous voulez que tout soit chanceux et harmonieux, paisible et calme, quand vous récitez les vrais mots, ils exauceront vos désirs. C'est parce qu'il n'y a pas de tromperie, de mensonge dans ces mots. Si vous récitez les vrais mots dans le Mantra, vos désirs seront exaucés. Semblablement, dans les quarante deux mains avec lesquelles nous pratiquons, il y a des véritable mots qui expriment le désir relatif au Mantra. Ceux-ci transcendent l'ordinaire et entrent

dans la sagesse. Vous espérez transcender le sort ordinaire entrer dans la sagesse ; et atteindre rapidement le fruit du sage. Ainsi, ces véritables mots représente l'ordre impérial donné par l'empereur. Ils sont comme les commandements qui sont délivrés ou les édits dirigés par le fruit impérial.

Le Maître du Dharma Ch'ang Shwei dit : « ces mots qui n'ont pas été traduits par les anciens en général, renferme cinq raisons selon lesquelles ils ne peuvent pas être traduits.

1. Ils sont les mots secrets de tous les Bouddhas qu'il est difficile à comprendre pour n'importe quel sage. Les mots enseignés par les Bouddhas ne sont pas vraiment compris par les autres sages.

2. Ils représentent le cachet secret de tous les Bouddhas. Ils sont le Dharma secret du sceau de l'esprit, comme le cachet impérial et la certification.

3. Ils sont la porte Dharma de la réunion et de la tenue—le Dharani. Ils réunissent tous les Dharmas et contiennent des sens illimités, tels que les six sens du Bhagavan. Comme cités ci - dessus, ils sont : confortables, brillants, honnêtes, renommés, heureux et vénérés.

4. Ils contiennent les noms des rois des fantômes et des esprits qui les appellent pour se garder et se

protéger. Les rois des fantômes et des esprits sont ordonnés à protéger la personne qui récite le Mantra.

5. Ils ont une force inimaginable qui déracine les fautes et qui permet d'obtenir le bénéfice.

Le Maître Dharma Ku shan dit : « Les Mantras secrets dans les sutras, comme une règle, ne devraient pas être traduits. La règle est ainsi, ne la traduisez pas. Dans le passé, les Maîtres du Dharma ont tenu diverses opinions à propos de ce fait, mais l'école T'ien T'ai les compilait en quatre : Il a trouvé quatre explications.

A. Un Mantra contient les noms des rois des fantômes et des esprits. Plusieurs lignes du Mantra Shurangama sont les noms des rois des fantômes et des esprits, tels que JYOU PAN CHA, PI SHA SHE. Qui sont les noms des rois des fantômes et des esprits. Et alors, quand vous prononcer le nom d'un roi, ses serviteurs vous obéissent tous par respect pour leur seigneur. Si vous prononcez le nom du roi d'un fantôme, celui-ci fait ce que vous lui dites de faire. Puisque tous les petits fantômes respectent leur seigneur, ils le suivent, sans oser provoquer des problèmes. Ils doivent suivre les règles, et ils n'osent pas créer de problème. C'est un avantage favorable pour le monde. Il rend les gens heureux.

B. La parole d'un Mantra est comme le mot de passe secret militaire. Chaque jour, dans les services de l'armées, il y a un nouveau mot de passe secret. Il vient du haut et tous les soldats connaissent ce mot de passe. La nuit, lorsqu'ils se promènent, ils peuvent rencontrer quelqu'un qu'ils ne connaissent pas et ils demanderont : « Quel est le mot de passe ? » « Ciel » fut la réponse.

Si la réponse est correcte, ils passent sans problème. Si la réponse est fausse, les interrogateurs allument les feux. Si la réponse est correcte, aucun problème. Si la question vous est posée, vous n'avez pas le droit de demander à vos voisins : « Hé ! Quel est le mot de passe ? »

Vous ne pouvez pas essayer de vous adresser à quelqu'un d'autre pour vous souffler le mot de passe. Vous devez répondre sur le champ. Si la réponse est fausse, vous êtes puni. Si votre réponse est bonne, aucun problème, plus de questions. Si vous donnez une réponse fausse, vous vous faites capturer. Ceci est un autre avantage pour les gens et aussi pour l'humanité.

C. Un Mantra est une manière secrète pour arrêter le mal. C'est une façon secrète et calme pour se débarrasser des offenses. Sans que

personne ne sache ! Les fautes se dissipent et les gens ne s'en rendent même pas compte. Comme par exemple un simple individu qui va dans un pays étranger et qui se prend pour prince, il déclare : « Je suis le prince d'un certain pays. » Il épouse la princesse de ce pays là. Et un épousant la princesse, il réussit à entrer dans la famille royale. Mais, étant dépourvu de qualité d'un prince, il se sent mal à l'aise, et se montre désagréable avec ses humeurs terrible. Il porte le tempérament d'un pauvre qui passe la nuit chez un riche, il se sent crispé et difficile à vivre. Alors arrive une personne qui le reconnaît et dévoile son déguisement, et expose ce fait à travers le poème suivant :

*Manque de vertu, vous allez dans un autre pays,
Trompez les gens de ce pays.*

*Or, à l'origine vous étiez un homme pauvre et
malheureux,*

Pour quelle raison vous mettez-vous en colère ?

A l'origine cette personne était dépourvue de qualité. Il est allé dans un autre pays et il a trompé tous les gens de ce pays. Ce poème dévoile ses origines. « Vous étiez un homme pauvre, malheureux à l'origine. Pour quelle raison vous mettez-vous en colère ? Dès que l'imposteur entendit ce poème. Il ne se fâchait plus parce qu'il ne voulait pas que son identité soit connue par ceux qui l'ont découverte. Grâce à ce poème, il cesse de se fâcher auprès cela, et de se mettre en mauvaise humeur. Le bienfait du poème réside donc dans le fait qu'il peut changer des situations et arrêter le mal.

D. Le Mantra est le langage secret des Bouddhas et seul les sages le comprennent. Par exemple, quand le roi donne l'ordre à travers le seul mot « saindhava » qui, en vérité, renferme quatre sens : Le sel, l'eau, un pot de chambre et un cheval. Lorsque le roi ordonne qu'on lui amène « saindhava », la foule ne sait pas ce qu'il veut. Seul les sages officiers le comprennent. Quand le roi dit qu'il veut « saindhava », que veut-il donc ? Ce pourrait être du sel, de l'eau, un pot de chambre ou un cheval. Il dit simplement : « Je veux un 'saindhava' et alors la plupart des courtisans n'ont pas la moindre idée de ce qu'il veut. Seuls les fonctionnaires sages peuvent le comprendre. Comment font-ils ? Par exemple, quand le roi mange et il dit : « Je veux du saindhava. » Les gens stupides sortent et ramènent un cheval. Le roi hurle : « Vous m'apportez un cheval pendant que je mange ? Comment est-il possible que je désire un cheval ? » Ainsi, ils ont tort. Certains apportent un pot de chambre. Il hurle à nouveau, « vous êtes

des idiots stupides !! Pourquoi apportez cette sale chose ici pendant que je mange ? » Quelqu'un d'autre apporte l'eau, mais ce n'est pas cela non plus. Mais celui qui est allé chercher du sel, avait pensé ainsi « le roi mange, peut-être le plat n'est pas assez assaisonné. Probablement, le roi désirerait du sel. » C'est de cette façon que ceux qui ont la sagesse le comprennent. Quand le roi a fini de manger, il ordonne d'apporter à nouveau le « saindhava ». Basés sur l'expérience précédente, certaines personnes stupides se précipitent sur le sel.

« Que faites-vous donc ? » Crie le roi. « J'ai fini de manger ! » Evidemment, le sel n'est plus utile. Après manger, ce que veut le roi, c'est de l'eau pour se rincer la bouche. Les fonctionnaires qui ont de la sagesse peuvent le comprendre. Quand le roi veut aller faire ses besoins, il donne l'ordre d'apporter le « saindhava ». Malheureusement, quelqu'un apporte à nouveau le cheval. « Espèce d'idiot, fais sortir cet animal hors d'ici, je vais aux toilettes !

A ce moment, quelqu'un qui a de la sagesse peut comprendre que le roi veut son pot de chambre, pas du sel, ni de l'eau ni le cheval.

Quelque temps après, le roi décide de sortir, alors il dit : « Bien apportez le saindhava. » Les moins brillants se précipitent sur le pot de chambre. « Je veux sortir, et vous m'apportez cette chose ? Qu'est-ce que vous pensez en faire ? Vous ne pensez tout de même pas que j'emmènerais avec moi ce pot en voyage ? »

Certains plus intelligents devineraient que « le roi veut sortir maintenant, je devrais lui apporter un cheval. » Parce qu'un seul nom désigne quatre choses différentes, on doit considérer la situation dans laquelle se trouve le roi pour comprendre quelle chose il désire. On doit comprendre les circonstances pour choisir ce qui est approprié et apporter ce dont il a besoin au bon moment.

C'est une analogie pour expliquer qu'une expression du Mantra peut renfermer plusieurs sens différents. Les fantômes et les esprits comprennent très bien quel sens en rapporte avec quelle circonstance. Une seule expression du Mantra renferme aussi plusieurs pouvoirs différents. Quels sont ces pouvoirs :

- Guérir une maladie. Si vous récitez le Mantra, les maladies peuvent être guéries. Par exemple, si vous êtes empoisonnés, il peut agir comme un antidote contre le poison.

- Détruire les fautes. Vous pouvez diminuer vos obstacles karmiques ou vous en débarrasser entièrement en récitant le Mantra.
- Produire le bien. Le Mantra vous aide à devenir bon.
- Concorder avec la voie. Vous pouvez vous unir avec la voie.
- Pénétrer dans la vérité primaire. C'est la vérité fondamentale.

Les Mantras possèdent donc quatre avantages suivants : La guérison des malades, la destruction des fautes, l'arrêt de faire du mal et la pénétration dans le principe.

Le Maître Dharma Yu Hsi dit, « le premier est le nom des rois des fantômes et des esprits. » Ceci désigne le premier chapitre portant le nom des rois des fantômes et des esprits. Par exemple, BI SHE JE, JYOU PAN CHA, JYE LA HE. « JYOU PAN CHA » est le Kumbhanda le fantôme en forme de tonneau. « JYE LA HE » veut dire « le roi des fantômes et des esprits. » Le premier chapitre contient les noms des fantômes et des esprits... Et les autres. Quand vous atteignez ce niveau-là dans le Mantra, nous en parlerons en détails. Nous ne

devons pas la faire maintenant. Ainsi, dans le premier chapitre, on dit : « PE CHYE PE DI » et dans les autres sont les titres de tous les Bouddhas et des Bodhisattvas. Et alors, tous ceux qui les entendent les incitent à ressentir la forme de leur bonté. Tous les gens qui entendent les noms des Bouddhas et des Bodhisattvas obtiennent une réponse dans laquelle, ils reçoivent la bonté des Bouddhas et des Bodhisattvas. Ainsi, à la fin du premier chapitre, les noms BA SHE LA SHANG JYE LA JR PE ainsi que les autres désignent les traces des esprits du Vajra secret. Dans ce chapitre, il y a aussi les noms des protecteurs des traces du Dharma du Vajra secret. Ceux-ci incitent ceux qui les entendent à craindre leur force impressionnante. Ceci se réfère aux démons célestes, ceux des Voies extérieures et les différents genres de fantômes comme Li-Mei et Wang-Liang. Quand ils entendent les noms des traces du Vajra secret, ils ont très peur. Voilà l'avantage qui consiste à rendre les gens heureux.

(à suivre)

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

A INSI, J'AI ENTENDU. Ces mots sont les premiers des six nécessités. Il est indispensable que tous ceux qui donnent les conférences sur des Sutras et qui lisent les Sutras soient tout à fait familiers avec les six nécessités qui sont :

La croyance, l'audition, le temps, l'invité (l'hôte), l'endroit et l'audience.

1. AINSI est la nécessité de la croyance
2. J'AI ENTENDU est la nécessité de l'audition
3. UNE FOIS est la nécessité du temps
4. LE BOUDDHA est la nécessité d'un invité
5. A SRAVASTI DANS LA GROTTÉ DE JETA DU JARDIN DU BIENFAITEUR DES ORPHELINS ET DU SOLITAIRE est la nécessité d'un lieu.
6. ENSEMBLE AVEC UN RASSEMBLEMENT DE NOMBREUX BHIKSUS, MILLE DEUX CENT CINQUANTE EN TOUT est la nécessité d'une audience.

Les six nécessités prouvent qu'un Sutra avait été parlé par le Bouddha, comme elles débutent chaque Sutra, elles sont appelées « la préface commune ». Le texte qui suit immédiatement varie dans chaque Sutra et alors il est appelé « la Préface Spécifique ». Dans ce Sutra, la préface spécifique est :

En ce temps là, à l'heure du repas, l'Honoré du monde mit sa robe, prit son bol, et entra dans la grande ville de SRAVASTI pour mendier la nourriture.

Lorsqu'il qu'il avait fini sa mendicité à l'intérieur de la ville, il retournait manger sa nourriture, rangeait sa robe et son bol, lavait ses pieds, arrangeait son siège et s'asseyait.

La préface ordinaire est aussi appelée à la fois « l'avant-propos » ou le « post-scriptum ».

En donnant des conférences sur les Sutras, on peut parler de ce chapitre comme d'un avant-propos pour le Sutra et aussi comme d'un Post-scriptum attaché à une date ultérieure.

« Une préface peut-elle être appelée à la fois un avant-propos ou un post-scriptum ? Vous pourriez vous demander.

Pour cela, rien n'a été décidé. Ce qui a été décidé, ne concerne pas l'enseignement du Bouddha. Le Sutra de Vajra montre clairement le principe des lois non-décidées.

Quand quelque chose est décidée, l'attachement qui en résulte cause l'obstruction qui à son tour mène à l'affliction. Quand il n'y a pas d'attachement, le vide est sans (affliction) calamité. Quand tout est vide, à quoi peut-on être attaché ?

Quand on est totalement vide de soi, quelle calamité pourrait-il y avoir ? La calamité vient quand du fait qu'on n'est pas vide de soi. Les choses étaient vues de travers, échouées et supprimées. Par conséquent, partout où vous allez vous vous faites piquer par les épines. Partout où vous allez vous vous cognez dans les murs. Chaque lieu où vous allez, vous butez contre les murs ou vous vous faites prendre dans les ronces, et c'est douloureux. Vous ressentez des douleurs parce que vous n'avez pas déposé votre corps. Si vous n'avez absolument pas l'idée du soi, des autres, des êtres humains, de vie -- rien du tout.

De quelle douleur s'agit-il ? Qui souffre ? Quand il n'y a personne qui souffre, quelle calamité peut-il y avoir ? D'où viendrait-elle la calamité ? C'est facile d'en parler mais difficile à agir.

Les six nécessités sont appelées le post-scriptum parce qu'elles n'étaient pas séparées du Sutra d'origine. Le Bouddha ne dit pas « Ainsi, j'ai entendu... » Ces mots étaient ajoutés ultérieurement par le Vénérable Ananda quand la division du Sutra était compilée. Le post-scriptum est aussi appelé le prologue. Par conséquent les six nécessités peuvent être appelées :

L'avant-propos, le prologue, et le post-scriptum.

Le Bouddha informe que tous les Sutras dont il parlait devraient commencer avec les quatre mots

« Ainsi, j'ai entendu... » Ceux qui étudient les Sutras Bouddhistes devraient connaître l'origine de ces quatre mots.

Lorsque le Bouddha avait fini de parler du « Merveilleux Sutra du Lotus de la Vraie Loi », du « Sutra du Nirvana », du « Sutra Bouddha Lègue l'Enseignement », du « Sutra Ksitigarbha » et des autres, il annonça qu'il était sur le point d'entrer dans le Nirvana. Tous ses disciples pleuraient. Les Bodhisattvas pleuraient les Arhats pleuraient et tous les Bhiksus et même les gens ordinaires pleuraient aussi.

« Pourquoi pleuraient-ils ? Les Bodhisattvas et les Arhats éprouvaient-ils encore des émotions », se demanda-t-on.

Le Dharma profond et compatissant dont le Bouddha parlait avait été comme du lait qui les avaient nourris. Ils avaient bu du lait du Dharma depuis plusieurs années, et maintenant cette source allait se taire, alors ils pleuraient.

Ananda pleurait le plus, les larmes coulaient de ses yeux, son nez coulait et il ne savait plus rien d'autre que son chagrin. Il pleurait si fort qu'il oubliait tout. Le Vénérable Aniruddha, quoique aveugle, était doué de l'oeil céleste et de l'oreille céleste. Quand il entendait tout le monde pleurer comme s'ils étaient devenus fous, il prit Ananda à l'écart et lui demanda « Pourquoi pleurez-vous ? »

« Ah »! Gémit Ananda, « le Bouddha va entrer dans le Nirvana et nous ne le reverrons plus jamais. » - « Qu'est-ce que vous voulez dire, pourquoi pleurez-vous ? »

Le vénérable Aniruddha dit : « Ne pleurez plus, vous avez encore des choses importantes à faire.

Essayez de vous redresser un peu. »

Ananda dit, « quelles choses importantes ? Le Bouddha va entrer dans le Nirvana, il ne me reste plus rien à faire ? Je veux partir avec le Bouddha. » Il voulait mourir !!!!!!!!!!!!! !!.

“Cela ne se fera pas. C'est une erreur de dire une chose pareille.”

“Eh bien, que voulez-vous que je fasse ?”

Le Vénérable Aniruddha dit : « Il y a quatre questions que vous devriez demander au bouddha. »

“Quatre questions ! Maintenant que le Bouddha est sur le point d'entrer dans le Nirvana .Comment peut-il y avoir encore des questions ? Je ne peux pas demander au Bouddha de ne pas entrer dans le Nirvana n'est-ce pas ?”

“Non”

“Quelles sont ces quatre questions ?”

Le Vénérable Aniruddha dit, voici la première question : Après que le Bouddha soit entré dans le Nirvana, les Sutras devraient être compilés. Quels

mots, (termes) devrions nous débiter les Sutras ? Quel guide devrait-il y avoir ?

Ananda entendit cela et dit, “Cela est vraiment important. Vous avez raison, je devrai lui poser cette question.

Quelles sont les autres questions ?”

Voici la deuxième : Quand le Bouddha était au monde, nous vivions avec le Bouddha, le durant toute sa traversée jusqu'à l'extinction, mais quand il entrera dans le Nirvana, où devrions-nous demeurer ?

Ananda sécha ses yeux et essuya son nez. Il dit, « ceci aussi est très important. Juste. Et puis quand le Bouddha était au monde, le groupe entier de douze cent cinquante Bhiksus vivaient ensemble avec lui. »

A présent, il (est) va rentrer dans le Nirvana, qui devrions-nous prendre pour maître ? Nous devrions choisir une personne parmi nous. Nous ne pouvons pas nous diriger sans un maître !”

“Juste”. Cela devrait aussi être demandé. Quelle est la quatrième question“ La quatrième question est extrêmement importante : Quand le Bouddha était dans le monde, il pouvait discipliner les Bhiksus qui ont de mauvais caractères.”

Les bhiksus de mauvais caractères sont ceux qui ont quitté leur foyer familial mais qui n'obsevent pas les règles. “Quand le Bouddha entrera dans le Nirvana qui les disciplinera ?”

Ananda dit, “ Bien. Maintenant les Bhiksus de mauvais caractères nous (considèrent) comme leurs égaux nous ne serons sûrement pas capables de les discipliner. Cela est un réel casse-tête. D'accord, j'irai trouver le Bouddha et lui demander conseils sur ces problèmes.”

Ananda allait tout droit à la chambre du Bouddha. Bien qu'il n'ait pas essuyé son visage, ses yeux étaient secs et son nez propre, et il était loin d'être aussi laid que quand il pleurait. Le Bouddha était au bord d'entrer dans la méditation, et Ananda n'avait pas de temps à perdre.

“Bouddha ?” Dit-il, “Honoré du monde ! J'ai quelques problèmes très importants auxquels j'ai besoin de votre conseil. Pouvez-vous me répondre maintenant ?”

Le Bouddha savait déjà que son cousin qui était aussi son plus jeune disciple était venu pour questionner, et il dit, « Certainement je peux vous répondre. Quels sont vos problèmes ?»

“Ce ne sont pas les miens, mais ce sont ceux du Bouddha, de son enseignement, ainsi que de tous

les grands maîtres ! Je ne peux pas les résoudre, et alors je viens chercher l'instruction compatissant du Bouddha. J'ai entendu beaucoup de Sutras et ouvert beaucoup portes de la sagesse, mais maintenant, je me heurte à cet événement important, je ne peux pas le prendre en main. J'ai besoin de vos conseils, Bouddha."

"D'accord, parlez." Dit le Bouddha.

"La première question est, ceci : Lorsque vous entrerez dans le Nirvana, nous voulons compiler les Sutras. Quels mots devrions nous les débiter pour montrer qu'ils sont certainement les Sutras du Bouddha ?"

Le Bouddha dit, "Utilisez les quatre mots « Ainsi, j'ai entendu ».

« Ainsi, j'ai entendu ! D'accord, je m'en souviendrai », dit Ananda, "quelle est votre réponse à la deuxième question ?"

"Quelle est la deuxième question ? Vous ne l'avez pas encore posée, Ananda, "je ne l'ai pas posée ? Oh ! La prochaine question est : Où devrions nous vivre ?

Nous sommes si nombreux. Comment nous nous entendrons ? Où habiterons-nous ?"

"C'est un petit problème", dit le Bouddha. "Vous devriez vous abriter dans les quatre domiciles de la concentration."

Ce sont :

1. Contemplation du corps comme impur.
2. Contemplation des sentiments comme souffrances.
3. Contemplation des pensées comme impermanentes. et
4. Contemplation du Dharma comme dépourvu du Soi.

Voici "la troisième question. Vous étiez notre maître, mais quand vous entrerez dans le Nirvana, qui sera notre Maître ? Serait-il le plus âgé ? Le Grand Kasyapa est le plus âgé. Serait-il quelqu'un d'un certain âge ? Ce serait Ajnatakaundinya. S'il s'agit du plus jeune. Je suis le plus jeune mais je ne pourrais pas être le Maître. Je ne pourrais pas, Bouddha."

Le Bouddha dit, "Prenez le Pratimoksa pour votre Maître." Le Pratimoksa est le Vinaya, les préceptes et les règles. "Prenez les préceptes pour Maître."

Le Bouddha dit que tous les gens qui ont quitté leur foyer pour se faire religieux devraient prendre le Pratinoksa pour Maître. Par conséquent si vous voulez quitter la vie de famille vous devez certainement recevoir les préceptes.

Si vous ne recevez pas les préceptes, alors vous n'avez pas de Maître.

Quand on quitte le foyer familial, on devrait recevoir les préceptes du Sramanera, les préceptes du Boddhisattva et les préceptes du Bhiksu. Celui qui a pris seulement les préceptes du Sramanera et ceux du Bodhisattva, mais n'a pas pris les préceptes du bhiksu, a quitté seulement la maison en partie.

Mais quand on quitter la maison entièrement, on doit prendre les préceptes complets pour maître.

"Maintenant nous avons un Maître", dit Ananda, "Mais parmi nous, il y a des Bhiksus de mauvais caractères. Pendant que vous étiez dans le monde, vous les avez (dirigés), gouvernés, Bouddha. Que devrions-nous en faire quand vous ne serez plus là ?" Du temps du Bouddha, il y avait six Bhiksus qui étaient très turbulents. Ils perturbaient constamment la pratique des autres. Quand les gens maintenaient les préceptes et les règles, ces Bhiksus essayaient de les empêcher néanmoins. Même si ces six Bhiksus ne suivaient pas les règles, aucun d'eux n'était aussi désobéissant qu'un bhiksu moyen d'aujourd'hui.

"Que devrions-nous faire de ces Bhiksus de mauvais caractères ?" Demanda Ananda.

"Oh, ça" dit le Bouddha, "cest très facile. Vous devriez garder le silence et ils s'en iront. Ne parlez pas avec eux. Après tout, ne sont-ils pas aussi mauvais ? Ne sont-ils pas aussi turbulents et désobéissants ? Ignorez-les. Ne parlez pas avec eux. Ils s'ennuieront et partiront d'eux-même."

Ce sont les réponses du Bouddha à ces quatre questions. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEVALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

Ce ne sont que des étapes ; elles ne sont pas le but ultime de la pratique qui est la certification du fruit ; les quatre positions du vide sont :

- a. La position de l'espace infini.
- b. La position de la conscience infinie.
- c. La position du rien que ce soit, et
- d. La position de ni la perception ni de la non-perception. Ce ne sont pas la certification du fruit. Elles sont simplement les différents niveaux du Samadhi.

Ceux qui ont des vues superficielles pensent que les positions mentionnées ci-dessus sont le Nirvana, comme le Bhiksu peu instruit qui prenait le ciel du quatrième Dhyana pour le quatrième fruit de l'état d'Arhat. Quand le mérite qui lui avait permis d'y rester était épuisé et il commençait à chuter, alors il calomniait le Dharma et à cause de ceci, il tombait dans l'enfer. Les cinq servants rapides sont les illusions des vues, ils sont appelés « rapides » parce qu'ils arrivent rapidement.

Suite à l'illusion de la pensée c'est l'arrivée plus lente des cinq servants idiots :

1. La Cupidité
2. La Haine
3. La Stupidité
4. L'orgueil
5. Le doute.

Les afflictions viennent de l'ignorance. Quand les illusions de l'ignorance s'élèvent, d'autres illusions innombrables comme la poussière et le sable se poursuivent. Celles-ci sont appelées les illusions du « Je ne sais pas » parce qu'il n'y a pas de vraie connaissance. Les illusions des vues et pensées sont appelées les illusions du « Je ne sais pas ».

L'ignorance transforme d'abord le premier des cinq servants fous : la cupidité. Quand vous voulez quelque chose, la cupidité se soulève, et avec elle viennent toutes les afflictions diverses n'ayant pas obtenu ce que vous désirez. Vos afflictions se changent en haine, vous bataillez pour votre intérêt sans jamais penser à votre adversaire. Vous vous occupez de vous et vous ignorez complètement l'existence des autres, sauf pour essayer de leur nuire. De cette façon, insouciant et déraisonnable, vous devenez stupide, incapable de distinguer le noir du blanc, le vrai du faux.

Les gens stupides sont arrogants et quoique vous disiez, ils doutent toujours. Ils doutent de la vérité et encore plus de la fausseté. Tous ces doutes sont les illusions de la pensée.

Les trois catégories des illusions : Celles des vues, de la pensée, de la poussière et du sable et de l'ignorance, tous se changent en afflictions. Les afflictions sont inépuisables et infinies. En observant ceci, les partiquants forment leur vœu. D'après la vérité originelle, je fais vœu de couper les afflictions inépuisables.

« Cultivant la vérité de la Voie, je fais vœu d'étudier les Branches du Dharma immesurables ».

Pour appliquer la voie, vous devez comprendre toutes les Branches du Dharma illimitées et sans fins, qui sont les méthodes de la pratique. A moins que vous les compreniez, autrement vous ne pouvez pas les pratiquer. En comptant sur la troisième vérité pure, en pratiquant la voie, vous faites vœu de les étudier.

Qu'est ce que l'origine des Branches du Dharma ?

Les Bouddhas ont parlé de tous les Dharmas
En s'adressant l'esprit humain.
S'il n'y a pas d'esprit humain,
A quoi les Dharmas serviraient-ils ?

Tous les Dharmas viennent de l'esprits des êtres vivants et chaque esprit est unique. Puisqu'il n'existe pas deux esprits semblables, toutes les Branches du Dharma se diffèrent afin de s'adapter à chaque esprit. Cependant en général, on distingue trois classements du Dharmas :

1. Le Dharma du Bouddha
2. Le Dharma de l'esprit
3. Le Dharma des êtres vivants.

De ces trois classements proviennent les quatre vérités pures, les six perfections, les douze causes et conditions et les trente sept membres de l'illumination. Beaucoup de branches du Dharma !

Prenons par exemple mes explications des Sutras. Quand je finis d'expliquer un Sutra, j'en commence un autre et dès que je finis celui-là, j'en commence encore un autre. N'est-il pas immesurable ? Ce que nous étudions aujourd'hui est comme une goutte d'eau dans la mer. Nous n'aurons certainement jamais l'océan en entier. Faites vœu de maîtriser les Branches du Dharma immesurable.

« Quels intérêts apporte le fait d'étudier l'enseignement du Bouddha ? », vous vous demandez, il y a beaucoup, savez-vous.

Nous étudions l'enseignement du Bouddha parce que nous voulons atteindre la Bouddhété.

« Mais le fait de vouloir atteindre la Bouddhété n'est-il pas une pensée erronée ? »

Non, ce n'est pas une pensée erronée. La Bouddhété c'est notre nature profonde originelle. Par conséquent, tout le monde peut atteindre la Bouddhété ; pour cela nous devrions nous dépêcher d'agir.

« Mais comment ? »

« Suivant la vérité de l'extinction, je fais vœu de réaliser la Voie Suprême du Bouddha ».

La Vérité de l'extinction est l'arrivée au Nirvana, une réalisation qui vous emmène au-delà de la production et de l'extinction. Si cette réalisation est votre désir, décidez-vous de pratiquer la Voie Suprême du Bouddha. Ne soyez pas sceptique et demandez, « Puis-je devenir vraiment un Bouddha ? » Même si vous avez des doutes, vous pourrez aussi devenir un Bouddha, mais cela prendra un temps un peu plus long, c'est tout.

Sans doute vous devez vous y mettre tout de suite. Tous les êtres vivants ont la nature du Bouddha et tous peuvent réaliser la Bouddhété. Mais ceci ne signifie pas que tous les êtres sont des Bouddhas. Pour arriver à la Bouddhété, vous devez pratiquer. Sans la pratique, les êtres vivants sont simplement des êtres vivants, pas des Bouddhas. En principe, tout le monde peut devenir un Bouddha mais à condition de pratiquer selon le Dharma et de se débarrasser de la cupidité, de la haine, de la stupidité, de la fierté et du doute, vous ne deviendrez pas un Bouddha d'une manière très rapide. Ceci complète la discussion des quatre vœux immenses.

(à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

TEXTE :

OBTENEZ SEULEMENT LA RACINE ;
N'AYEZ AUCUN INTERET POUR LES BOUTS
DES BRANCHES.
COMME UN CRISTAL PUR QUI CONTIENT
UNE LUNE ORNEE
QUAND CETTE PERLE QUI EXAUCE LE
VOEU PEUT ETRE COMPRISE,
LE PROFIT PERSONNEL ET L'INTERET DES
AUTRES
SONT A JAMAIS INFINS.

COMMENTAIRE : OBTENEZ SEULEMENT LA RACINE ; N'AYEZ AUCUN INTERET POUR LES BOUTS DES BRANCHES. Le pratiquant de la voie doit se mettre dans l'esprit qu'il doit appliquer toute sa capacité spirituelle. Quand il atteindra la racine, il comprendra sa propre conscience fondamentale et verra sa propre nature. On dit qu'en atteignant l'unité, une myriade de choses seront résolues. Alors, à quoi bon s'occuper des bouts des branches ?

COMME UN CRISTAL PUR QUI CONTIENT UNE LUNE ORNEE. C'est l'exemple d'une lune ornée contenue dans un pur et clair cristal. Comment peut on abandonner la racine pour poursuivre les ramifications ?

QUAND CETTE PERLE QUI EXAUCE LES VOEUX PEUT ETRE COMPRISE. Quand vous arrivez au dérivé essentiel—quand vous reconnaissez votre propre nature, qui est la perle qui exauce vos vœux—ses usages miraculeux sont inépuisables.

LE PROFIT PERSONNEL ET L'INTERET DES AUTRES SONT A JAMAIS INFINS. Alors cette perle précieuse qui exauce les vœux vous sera profitable, elle pourra aussi être bénéficière les autres par son illumination. Ces intérêts seront éternellement ininterrompus et infinis.

TEXTE :

IL FAISAIT UN CLAIR DE LUNE DANS LA
RIVIERE
LE VENT POUSSE UN SOUPIR DANS LES
PINS.

DE QUOI A-T-ON BESOIN DANS UNE
LONGUE NUIT CLAIRE ?
LA PERLE DU PRECEPT DE LA NATURE
DE BOUDDHA
EST LE SCEAU DE LA CONSCIENCE.
LE BROUILLARD ET LA ROSEE, LES
NUAGES ET LA BRUME
SONT LES HABITS SUR UN CORPS.

COMMENTAIRE : IL FAISAIT UN CLAIR DE LUNE DANS LA RIVIERE ; LE VENT POUSSE UN SOUPIR DANS LES PINS. Quand la lune apparaît dans l'eau de l'esprit lucide et dans le ciel de la pensée concentrée, il n'y a plus de nuages, alors apparaît l'état de la grande nature dans cette existence naturelle et rustique, le bonheur est inépuisable et transcendantal.

DE QUOI A-T-ON BESOIN DANS UNE LONGUE NUIT ECLAIREE ? Rien n'a été fait et pourtant rien n'a été défait. Il y a de grandes créations et de grandes transformations, de grandes pénétrations et la grande illumination. Le commencement et la fin sont réunis et une myriade de choses préexistantes apparaissent.

LA PERLE DU PRECEPT DE LA NATURE DE BOUDDHA EST LE SCEAU DE LA CONSCIENCE. SA PROPRE NATURE EST PURE, PROPRE, SANS SOUILLURE ET SA LUMIERE. Illumine partout, elle n'est ni interne ni externe. Tout s'écoule de long en large par la porte du Dharma de la conscience, on l'appelle alors le « sceau de la conscience ».

LE BROUILLARD ET LA ROSEE, LES NUAGES ET LA BRUME SONT LES HABITS SUR UN CORPS. Le brouillard et la rosée sont illusoire et temporaire. Les nuages et la brume sont vides et fausses. Ils sont dépourvus de la nature substantive propre. Comme les vêtements sur notre corps, ils ne durent pas. C'est une analogie aux poisons de l'avidité, de la haine, de la stupidité, de l'arrogance etc... Quoiqu'ils puissent dissimuler notre nature de Bouddha et jettent une ombre sur elle, ils sont pourtant comme le brouillard et la rosée, comme les

nuages et la brume. Bien qu'ils puissent cacher le ciel, ils ne sont que temporaire.

TEXTE :

LE BOL D'AUMONE MAITRISE LES
DRAGONS ;
LE BATON D'ETAIN VAINC LES TIGRES,
ET LES ANNEAUX EN OR ACCROCHES AU
BATON
RESONNENT CONSECUTIVEMENT
DISTINCTEMENT.
CE N'EST PAS UNE FORME SYMBOLISANT
LES EVENEMENTS REELS ;
C'EST LE BATON ORNE DU CELUI- VENU-
AINSI.

COMMENTAIRE : LE BOL D'AUMONE MAITRISE LES DRAGONS ; LE BATON D'ETAIN VAINC LES TIGRES. Quand la nature est concentrée, les dragons sont maîtrisés. Quand le chemin de la vie est correct, les tigres sont apprivoisés. Une fois que les dragons et les tigres de sa propre nature sont domptés, les dragons et les tigres externes sont naturellement domptés aussi. ET LES ANNEAUX EN OR ACCROCHES RESONNENT CONSECUTIVEMENT DISTINCTEMENT. Le bâton qui vainc les tigres se compose de deux parties, qui représentent les deux sortes de vérité : l'authenticité et le commun. Les trois anneaux en or suspendus au baton, représentent les six paramitas. CE N'EST PAS UNE FORME SYMBOLISANT LES EVENEMENTS REELS. Ce bâton n'est pas simplement un symbole, une ombre vide sans base réelle. C'EST LE BATON ORNE DE CELUI- VENU- AINSI, Bouddha Sakyamuni Celui-Venu-Ainsi, transmettait en personne à son assemblée les méthodes afin de pratiquer, d'appliquer et de maintenir la voie, lui légnant ainsi le trésor du Dharma de son bâton d'étain.

TEXTE :

NE CHERCHEZ PAS LA VERITE,
NE SUPPRIMEZ PAS LA FAUSSETE.
SACHEZ QUE TOUS LES DEUX DHARMAS
SONT
VIDES ; ILS N'ONT PAS DE
CARACTERISTIQUES.
SANS CARACTERISTIQUES, IL N'Y A PAS
DE VIDE
NI DE NON-VIDE.
C'EST SIMPLEMENT, LA VRAIE
CARACTERISTIQUE
DU CELUI- VENU- AINSI.

COMMENTAIRE : NE CHERCHEZ PAS LA VERITE, NE SUPPRIMEZ PAS LA FAUSSETE. L'homme de la voie dépourvu de conscience a déjà éveillé la non-production et ainsi, il ne subit plus d'existences. Cependant, il n'y a pas de vérité qui peut être recherchée, ni de fausseté qui peut être supprimée.

SACHEZ QUE TOUS LES DEUX DHARMAS SONT VIDES ; ILS N'ONT PAS DE CARACTERISTIQUES. On devrait comprendre que tous les deux Dharmas de la vérité et de la fausseté, les deux dharmas de la forme et de la conscience, les deux dharmas de l'existence et de la non-existence, etc... sont tous vides et sans caractéristiques. Comment pourrait-on poursuivre une telle poussière illusoire ? Ce serait simplement une perte de temps.

SANS CARACTERISTIQUES, IL N'Y A PAS DE VIDE NI DE NON-VIDE. Puisqu'il n'y a pas de caractéristiques identifiables, alors, il n'y a même pas de vide pour en parler. On dit :

« La bouche veut exprimer, mais les paroles manquent.

La conscience veut raisonner, mais les concepts s'en allaient ».

Le texte dit pourtant, « pas de non-vide ».

C'EST SIMPLEMENT LA VRAIE CARACTERISTIQUE DE CELUI- VENU- AINSI. C'est l'état dans lequel,

La voie du discours est coupée ;

Le lieu du travail de l'esprit est détruit.

Il est inimaginable, transcendant à la fois le relatif et l'absolu. C'est le corps du Dharma de tous les Bouddhas et le Lieu de l'étude de tous les Bodhisattvas. C'est la caractéristique de la vraie réalité de Celui-Venu-Ainsi.

(à suivre)

LES POUVOIRS MAGIQUES INIMAGINABLES DU MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français Ly Thi Minh Nguyet

Aujourd'hui commence la retraite du Mantra de la Grande Compassion. Le soir après la cérémonie de la Purification, on récitera le Mantra de la Grande Compassion.

Dans le passé, le nombre de Bouddhas qui avaient récité ce Mantra, s'élevait à des millions de fois les sables du Gange, et Bodhisattva Avalokitésvara par amour pour tous les êtres vivants, avait fait un vœu de compassion. Alors, déployant les voiles du navire de la Miséricorde, revenait dans le monde Saha pour sauver tous les êtres vivants hors des malheurs, des souffrances. C'est pourquoi, nous avons un proverbe disant : « la mer des souffrances est illimité, il suffit de se retourner pour voir le rivage ». C'est pourquoi nous devons réciter respectueusement et sincèrement le Mantra de la Grande Compassion, nous verrons que le miracle se réalisera d'une façon indiscutable et inimaginable.

Il y a d'innombrables kalpas dans le passé lointain, Bodhisattva Avalokiteshvara avait pu entendre Bouddha « Thien Quang Vuong Tinh Tru (Roi de tous les Astres scintillant dans le Ciel) expliquer : « le Mantra de la Grande Compassion ». Puis, Bouddha, de sa main jaune dorée lui avait touché la tête. Aussitôt il atteignit la huitième terre des Bodhisattva ». Le cœur rempli de satisfaction, de joie, Bodhisattva Avalokiteshvara avait prêté le grand serment suivant : « Si je pouvais être bénéfique à tous les êtres vivants je prie d'avoir mille bras et mille yeux. » Dès qu'il avait prêté ce serment, la terre tremblait, la lumière émanée des Bouddhas des dix directions illuminait son corps orné soudainement de mille bras et mille yeux. Les bras avaient la capacité de secourir et les yeux d'illuminer. Mille bras et mille yeux représentaient la sagesse et leurs innombrables pouvoirs surnaturels. Le sens des « Dai Bi » grande

compassion est basé sur : « Bi hay cuu kho » (sauver hors des malheurs).

Ainsi, quiconque, tombe dans les malheurs, s'il récite le Mantra de la Grande Compassion d'un

cœur sincère et respectueux retrouve la paix dans l'âme, le malheur se transforme en bonheur.

Bodhisattva Avalokiteshvara avait affirmé devant Bouddha : « Si les êtres vivants récitaient le Mantra de la Grande Compassion et si leurs vœux ne sont pas exaucés, je Jure de m'abstenir de l'état d'éveil de la Bouddhité à moins que leurs vœux ne soient malveillants ou manquent de sincérité. » Le fait de réciter le Mantra de la Grande Compassion nous apporte non seulement la satisfaction, mais encore la réussite dans tout ce que nous entreprenons, nous évite des dangers, des malheurs, nous amène la paix et le bonheur, nous aide à surmonter tout obstacle dangereux et à nous en sortir sans indemnité. Que peut-on faire pour éloigner les malheurs ? Récitez le Mantra de la Grande Compassion. Pour échapper aux dangers ? Récitez le Mantra de la Grande Compassion. Ne les sous-estimez pas ou ne les considérez pas comme étant trop simples. Je me permets de vous confier ceci : « Si vraiment durant votre vie passée et présente, vous n'aviez pas semé les bonnes causes, même le nom de ce Mantra vous aurait été inconnu, alors ne parlons pas du fait de les réciter. Aujourd'hui, non seulement vous avez la chance de connaître le nom de ces Formules, mais encore de les réciter d'un cœur aussi sincère, c'est vraiment une chance inouïe qui n'arriverait qu'une fois tous les cents mille kalpas. En plus, les bons amis vertueux sont toujours là, prêts à vous conseiller la méthode de les réciter, les pratiquer et les perfectionner. Vraiment, elles méritent bien d'être respectées. En somme, « le Mantra de la Grande Compassion » renferme en quantité infinie d'utilités qu'on n'arrive jamais à énumérer.

Durant ces sept jours qui viennent, nous devons réciter « le Mantra de la Grande Compassion » d'un esprit et d'un cœur absolument sincère et respectueux, réciter de telle manière que toute pensée illusoire soit totalement chassée. Alors à ce moment là votre âme sera pure. Certains verront des illuminations, d'autres l'apparition

des fleurs, d'autres Bodhisattva Avalokiteshvara leur toucher la tête afin d'ouvrir leur intelligence, d'autres sentiront un singulier parfum délicat. Néanmoins, il existe aussi des gens qui récitent ces Formules Magiques d'un esprit assidu, et d'un cœur tout aussi sincère, et pourtant, ils ne voient aucune apparition particulière. Ne vous découragez pas ! Continuez à les réciter, un jour ou l'autre, quand le moment viendra, vous entrerez en communion avec Bouddha, et alors les apparitions surgiront certainement devant vous. Qu'importe les apparitions qui surgissent ou même qu'il n'y ait aucune apparition, l'essentiel réside toujours dans la performance de la pratique de la récitation des Formules. Celui qui voit un bon présage, ne doit pas trop s'y attacher ; et celui qui n'en voit aucun, ne devrait pas se sentir complexé en se disant : « Il se peut que je n'aie pas semé de bonnes racines sinon, pourquoi n'ai-je pas vu les Bodhisattvas ? Les bonnes racines produisent toujours de bons fruits mais parfois tôt, parfois tard. Si vous sentez que vos racines ne sont pas encore suffisamment satisfaisantes (mûres), vous devriez continuer à les renforcer en accomplissant davantage de bonnes actions. C'est pourquoi on dit : « Si vous n'avez pas semé de bonnes racines, dépêchez-vous de les semer, si vous les avez déjà semées, améliorez-les. Si elles sont bien

Améliorées, perfectionnez-les, la performance une fois atteinte vous permettra d'aboutir à la délivrance.

Arrivés pour la première fois à « Kim-Son Thanh Tu » dans le but d'examiner, d'étudier et de pratiquer le Bouddhadharma, vous devriez vous investir courageusement pour vous améliorer, vous éloignant de toute pensée illusoire. Car si vous pratiquez la récitation en laissant votre pensée errer partout, vous ne pourrez jamais vous concentrer. Et si l'esprit n'est pas concentré, vous n'entrerez jamais en communion avec Bouddha. C'est la seule chose à laquelle vous devriez particulièrement faire attention. Les intérêts qu'apporte le fait de réciter assidûment le Mantra de la Grande Compassion sont tellement innombrables qu'il est impossible de les énumérer. Quiconque a récité le Mantra de la Grande Compassion ne tomberait jamais dans les trois mauvais chemins, car s'il y tombait Bodhisattva Avalokiteshvara jurerait ne jamais devenir Bouddha. Tout individu stupide qui a récité les « le Mantra de la Grande Compassion » mais qui n'obtiennent pas l'intelligence, alors Bodhisattva Avalokiteshvara jurerait ne jamais devenir Bouddha. Par ailleurs, les « le Mantra de la Grande Compassion » sont capables de guérir

quatre-vingt quatre mille maladies du monde des hubras. Même les maladies incurables devant lesquelles les médecins orientaux et occidentaux n'ont plus aucune ressource, seront guéries sans avoir recours aux médicaments, par le seul fait de réciter les « le Mantra de la Grande Compassion » La force miraculeuse de ce Mantra sont vraiment inimaginables, indiscutables !

Une personne, dans cette pagode même en avait l'expérience. Le cancer n'a jamais été facile à guérir, pourtant la récitation le Mantra de la Grande Compassion fait disparaître la maladie. La force du pouvoir miraculeux de ce Mantra est vraiment inimaginable. On verra comment vous allez pratiquer pendant les sept prochains jours. Celui qui pratiquera d'un cœur vraiment sincère, obtiendra de bons résultats, ses vœux seront exaucés. S'il était malade, il en sera guéri ; s'il ne l'était pas, son intelligence s'intensifierait. Tous ses vœux seront exaucés. C'est pourquoi ce Mantra sont qualifiées comme quelque chose d'inimaginable, immensément généreux et miraculeux, enfin comme un esprit Dharani. Le terme « Dharani » veut dire : siège central, réunissant toutes les Doctrines de Bouddha et renferme une infinité de sens. Il veut aussi dire : secrets ou « vraies paroles » de Bouddha. En résumé, ce sont des mots secrets qui renferment quatre significations suivantes : 1) Ils renferment les noms des rois de tous les démons, c'est pourquoi les petits démons, quand ils entendent ces noms, ils n'osent pas faire des bêtises, mais au contraire, tâchent de respecter les règles.

2) Ces mots secrets sont considérés comme des ordres verbalement dans l'armée, et la violation de ces ordres mérite des sanctions.

3) Ces mots secrets sont capables d'anéantir discrètement vos péchés karmiques sans que vous en rendiez compte

4) Enfin, les Mantras sont des langages secrets qui ne sont compris que par des Bouddhas seulement.

Le fait que vous êtes présents à cette Assemblée du Dharma de « la grande compassion » prouve que vous avez déjà planté de bonnes racines, que vous êtes doués de bonnes qualités morales et en plus que votre semence est déjà mûrie. Espérons que, une fois arrivés dans cette pagode « Kim-Son » dans cette « Montagne d'Or », vous ne rentrerez pas les bras vides. Il vous faudra évidemment revenir avec quelque joyau qui vous sera utile plus tard. Quel genre de joyau s'agit-il ? Précisément il s'agit du « Mantra de la Grande Compassion. » Il guérira vos maladies, vaincra

les démons, ouvriront votre intelligence, votre sagesse, vous apporteront la paix ; autrement dit, tous vos vœux seront exaucés et vous en serez absolument satisfaits. Cette Assemblée du Dharma de la grande compassion présente encore une autre particularité. C'est qu'en Chine, il existait rarement de séminaire de récitation du Mantra « de la grande compassion. » Celui-ci va battre le record avec une durée de sept jours d'affilés. Dans d'autres pays, existe-t-il ce genre de séminaire qui dure aussi longtemps ? Je n'en sais rien, mais aux Etats-Unis, c'est la première fois que cela arrive. J'espère que vous allez pratiquer de toutes vos forces, du fond du cœur, la récitation de ce Mantra de la Grande Compassion, alors vos mérites seront incommensurables.

LA MEDITATION :
UNE PRATIQUE POUR
MAITRISER SON ESPRIT

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français Ly Thi Minh Nguyet

La méditation, c'est une pratique par où doit passer tout nouveau pratiquant bouddhiste. « Thiên » (méditer) ne vient pas du chinois mais du sanscrit. « Dhyana » : ce qui signifie : « Tu-duy-tu » (perfectionner la réflexion), ou bien « Tinh-lu » (méditer calmement). Les Chinois résumant ces deux sens en un seul : « Thien » (méditer). Par ailleurs cette pratique est aussi exprimée par d'autres termes notamment « Toa-Thien » ou « Da-toa » (méditer dans la position assise). A partir de ces termes, on peut comprendre : « Da-toa » c'est-à-dire qu'il faut s'asseoir pour méditer. Pourquoi cette position assise ? Parce qu'il faut maîtriser son esprit. La plupart des gens, bien que leur corps soit présent, laissent leur esprit divaguer ailleurs. Où erre-t-il ? Il est parti provoquer des illusions, tantôt à l'Est, tantôt à l'Ouest, au Nord, ou au Sud. Il est capable de voyager même en fusée selon son plaisir et en plus sans billet. Les illusions se dispersent partout, il n'est pas facile de les maîtriser. Pourquoi les gens manquent-ils de sagesse ? Parce que leur esprit court partout. Pourquoi vieillissent-ils au fil des années ? Parce que leur Esprit, toujours pressé, court par-ci, par-là. De même, si en conduisant une voiture neuve, vous l'obligez à rouler vite, elle

consomme davantage d'essence, ainsi vous gaspillez davantage d'essence. Résultat, la carrosserie ainsi que la mécanique de la voiture subissent des dégâts, la Voiture tombe en panne. Il en est de même pour votre corps, si vous n'en prenez pas soin, vous le laissez courir partout selon sa volonté, vous gaspillez aussi du carburant. Qu'est-ce que ce carburant ? C'est votre esprit précieux. Inutile de connaître la quantité d'essence alimenté, vous avez, tout de même, gaspillé du carburant. Tous les jours, vous consommez des plats nourrissants, en vous disant que c'est pour apporter des vitamines nutritives à votre corps. Mais si vous êtes incapable de maîtriser votre esprit, le laissant poursuivre les biens matériels, alors quelle que soit la quantité d'éléments nutritifs que vous avez consommés, ils ne seront pas suffisants pour combler votre esprit perdu. C'est pourquoi disait un proverbe : « l'esprit maîtrisé, tous les problèmes résolus. » Donc il faut maîtriser son esprit, l'obliger à rester à la même place. C'est de cette façon qu'on ne le gaspille pas et qu'on le maîtrise entièrement. » C'est comme si vous conduisez une voiture, vous devez conduire prudemment, ne commettre aucun accident, ainsi vous pouvez prolonger la durée de vie de votre voiture. De même pour un corps humain, si on sait bien l'entretenir, l'améliorer, il ne vieillira pas, et on ne mourra pas. « Je ne vous crois pas, disaient certains, tout le monde doit mourir, même le Bouddha Sakyamouni a dû entrer dans le Nirvana, comment pouvez-vous dire qu'on ne meurt pas. » Vous devriez comprendre que l'entrée d'un Bouddha dans le Nirvana ne ressemble pas du tout à la mort des êtres humains, mais c'est véritablement l'entrée dans un monde où n'existent ni la naissance, ni la mort, un monde d'extinction, d'extase. Bouddha ne meurt pas comme meurent des êtres humains de maladies. Mais après avoir fait ce qu'il avait à faire, sauvé ceux qui avaient semé des causes de Bouddhité, Bouddha annonça qu'il entrerait dans le Nirvana. Avant son départ, pour faire ses adieux, Bouddha rassemblait tous les Bodhisattva des dix directions, les saints, les sages, le Sangha, les Arhats, les Bhiksu, tous les habitants des cieux, les êtres humains, et enfin tous les êtres vivants. Ceci montre que Bouddha s'en allait d'une façon absolument claire brillante. Si vous désirez en connaître plus de détails, consultez Kinh Niêt-Ban (le Sutra du Nirvana).

Méditer, c'est maîtriser l'esprit et en même temps le corps, la bouche et la Conscience, les garder

purs, c'est-à-dire empêcher le corps de commettre des actes criminels, de vols et d'adultère, la bouche de mentir de raconter des histoires nuisantes, des médisances, d'injurier, la conscience de tomber dans la cupidité, la haine et la passion. Tant que la pensée ne poursuit pas le monde extérieur, le corps et l'esprit resteront en paix. Ainsi, quand on pratique la méditation, on aura une chance d'atteindre l'état d'éveil. Méditer consiste à maîtriser votre corps et votre esprit, en empêchant votre corps de tomber malade, votre bouche de prononcer des paroles criminelles, votre conscience de se lancer dans la rivalité, la cupidité, l'ambition, l'égoïsme, l'intéressement et le mensonge. Si ces trois sources causales se purifient, la sagesse apparaît. Méditer signifie revenir à notre source originelle découvrir la sagesse préexistant en nous, brillante et immense. Si vous désirez cultiver le Bouddhadharma, cultivez-le d'un cœur absolument sincère, ainsi vous pourrez entrer en communion avec Bouddha. Mais si vous considérez que le fait de manger et de s'enrichir est plus important que celui de cultiver le Bouddhadharma, alors vous serez incapable définitivement d'apprendre le Bouddhadharma. Vous devez considérer le Bouddhadharma comme la chose la plus importante en ce monde. C'est l'attitude que doit avoir un disciple bouddhiste.

LE PATRIARCHE BODHIDHARMA SAUVE UN LORIOT.

Le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français Ly Thi Minh Nguyet

evant l'Assemblée du Dharma Linh-Son, Bouddha Sakyamouni « montrant une fleur qu'il tenait entre ses doigts » transmettait le merveilleux Dharma du Sceau de l'Esprit. Seul, Maître Patriarche Ca-Diep (Kassapa), voyant ce geste, et ayant compris la pensée de Bouddha, éclata de rire, très satisfait. A partir de ce moment, le Dharma du « Sceau de l'Esprit » du Bouddha Patriarche commençait à se propager largement. A l'époque, Maître Patriarche Ca-Diep était âgé de plus de cent ans, il pratiquait l'ascétisme d'une façon très rigoureuse, et il n'avait pas l'habitude de rire à tout bout de champ.

Mais cette fois-ci, il a ri ; son rire exprimait donc son plaisir d'avoir compris la pensée du Sceau de l'Esprit du Bouddha. Bouddha Sakyamouni transmettait ce Dharma au premier Patriarche Ca-Diep ; celui-ci le transmettait ce Dharma à Anan, puis celui-ci le transmettait au Patriarche Thuong-Na-Hoa-Tu (Sanavasa), puis au Patriarche Uu-Ba-Cuc-Da (Upagupda), et ainsi de suite, pendant plusieurs générations, jusqu'au 28^{ème} Patriarche qui était Maître Patriarche Bo-De-Dat-Ma (Bodhidharma). Celui-ci, voyant qu'à l'époque, la nature fondamentale des Indiens n'était pas suffisamment mûre, alors que celle des Chinois l'était suffisamment pour comprendre et recevoir la Doctrine du Grand Véhicule. C'est pourquoi, de l'Inde le patriarche Bo-De-Dat-Ma prit le bateau pour se rendre en Chine. Il débarqua à la porte maritime de Canton (Quang-Chau) d'où Canton fut appelé « Tay-lai-so-dia » (terre où Maître Patriarche Bodhidharma mit pied pour la première fois).

Néanmoins, à l'époque, les Cantonais n'étaient pas encore capables d'assimiler le Dharma du Grand Véhicule, alors, ne reconnaissant pas Le patriarche Bodhidharma, ils l'ont appelé « Ma-laxoa » (serpent venimeux ?). Le patriarche Dat-Ma reprenait la route pour se rendre à la capitale de l'Est. Car, au fond, il voulait auparavant sauver son disciple Than-Quang. Celui-ci, à ce moment, était entrain d'expliquer la Doctrine et de prêcher les Sutras de Bouddha. Il parlait avec grandiloquence, ses paroles coulaient tellement que le ciel répandait des fleurs et que de la terre surgissaient des fleurs de lotus. Le patriarche Bodhidharma lui posait une question : « Pourquoi prêchez-vous les Sutras ? » Than-Quang répondit : « J'enseigne aux êtres humains comment rompre le cycle de la naissance et la mort. Maître Patriarche lui posa une deuxième question : « Les Sutras sont du papier blanc et de l'encre noire, comment pouvez-vous rompre la naissance et la mort ? A ces mots, Than-Quang se mit en colère, car il pensait que Maître Patriarche diffamait le Triple Joyaux, enlevant son collier de perles métalliques, et l'en frappa. Résultat, Maître Patriarche perdit deux dents. A l'époque, la plupart des gens pratiquaient les arts martiaux, mais les moines n'avaient le droit de porter des armes personnelles, excepté un collier de perles métalliques très lourdes ; s'ils se mettaient en colère, selon les circonstances, ils pouvaient s'en servir pour frapper. Selon la légende du pays, si les dents des saints tombent sur le sol d'un pays, ce pays subira pendant trois ans la sécheresse et

la famine et beaucoup de gens en mourront. C'est pourquoi, Le patriarche Bodidharma, par compassion pour les habitants de ce pays, pour empêcher ses deux dents cassées de tomber par terre, il les avala. D'où disait un proverbe chinois : « Si on vous frappe et vous casse les dents, avalez-les. »

Le patriarche Bodidharma sentait que Than-Quang ne pouvait pas le comprendre, il reprit donc le chemin en direction de la montagne Nam-Trung. Sur la route, il rencontra un loriot enfermé dans une cage. L'oiseau lui demanda : « Bienvenue à Son Excellence de l'Ouest. S'il vous plaît, montrez-moi une stratégie afin de me libérer de cette cage. Maître Patriarche répondit : « Une stratégie afin de sortir de la cage. Allonger les pattes, et fermer les yeux, voilà la stratégie pour sortir de la cage. Ayant compris les instructions du patriarche Bodidharma, l'oiseau allongea ses pattes, ferma les yeux, simulant la mort. A ce moment, son maître revint, le voyant ainsi, s'écria : « Eh là, mon loriot, qu'est-ce que tu as ? Tout de suite, il ouvrit la cage, prit l'oiseau dans sa main, et le sortit de la cage, l'examina de tous côtés, il pensa : « l'oiseau ne bouge pas, il est peut-être mort, mais pourquoi son corps est encore tiède ? » Dans un moment d'hésitation, il ouvrit la main, l'oiseau, tout de suite, profita de cette occasion, s'envola. C'est ainsi qu'il retrouva sa liberté.

A partir de cette histoire, si nous réfléchissons plus profondément, nous autres, les hubras, est-ce que nous nous ressemblons à cet oiseau enfermé dans une cage ? Quoique nous soyons bien entretenus, nous ne pouvons pas nous libérer de la naissance et de la mort. Nous naissons dans l'ignorance, sans jamais connaître le vrai visage de la vérité. Si vous voulez être libre dans la naissance et la mort. Avant tout, en pleine vie, vous devriez simuler la mort, c'est pourquoi : « Si voulez vivre éternellement, mettez-vous à cultiver la voie. Si vous cultivez d'une façon juste, honnête, vous saurez où et quand vous mourrez, d'où vous venez et où vous irez après la mort. Pourquoi ne sommes-nous pas maîtres de nous ? Car si nous le sommes, nous nous dirons : « Ce corps m'appartient, pourquoi ne puis-je pas lui donner l'ordre de rester toujours jeune ?

Tout être humain passe d'abord par la naissance, puis la jeunesse, l'adulte, la vieillesse, enfin la mort. Pourquoi ne pouvons-nous pas obliger votre corps de ne pas vieillir ? Quand il tombe malade, vous ne pouvez pas en être maître, puis arrive la mort, elle nous oblige à nous débarrasser de tout.

C'est la raison pour laquelle vous devriez bien connaître le problème de la naissance et la mort, d'où vient le proverbe suivant :

On naît dans l'ignorance, on meurt dans la souffrance,

Inutile de passer dans ce monde

Et si on n'y vient pas, ni ne s'en va pas,

On ne serait pas gai, ni ne souffrirait pas.

On naît dans l'ignorance, on meurt aussi non seulement dans l'ignorance, mais encore dans la tristesse, la souffrance.

Si on devait subir de mauvais karma , notre existence en ce monde n'aurait aucun sens. Ne serait-il pas mieux, si on n'y vient pas, ni ne s'en va pas ? Ainsi, on n'éprouverait ni la joie, ni la tristesse, alors on parviendrait à la béatitude.

Tout être humain ne devrait pas, comme le loriot, s'enfermer dans une cage sans aucune possibilité de s'en sortir.

Maintenant, si voulez vous libérer, vous devriez vous lancer fortement dans la pratique de la voie, sans souffrir, sans vous affliger, autrement dit, il vous faut beaucoup d'énergie, de courage, de détermination, c'est pourquoi vous devez pratiquer la méditation.

Chacun d'entre nous doit mettre fin à son cycle de la naissance et de la mort, personne ne pourrait le faire à sa place, on pourrait seulement lui montrer le chemin, mais il devrait s'y engager tout seul. Si vraiment, il veut se libérer, il faut qu'il se lance de toutes ses forces, une fois pour toutes, dans cette pratique extrêmement difficile.

LE MONDE DU DHARMA DES ANIMAUX

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

*Les animaux avides nourris de cupidité,
Ne sont jamais rassasiés.
Ils prennent ce qui est noir pour blanc
Et ne peuvent pas distinguer le vrai du faux.*

COMMENTAIRE : Les sept Mondes du Dharma évoqué ci-dessus sont les meilleurs. Selon votre désir, vous pouvez y pénétrer pour expérimenter—en faire un jeu—mais vous ne devez pas entrer par jeu dans les trois Mondes restants. Si vous y entrez par jeu dans ces trois Mondes, vous pourriez ne pas être capable de vous en échapper. On dit qu'une fois que vous avez perdu votre forme humaine, mille éons peuvent passer avant de retrouver cette apparence humaine. C'est très dangereux ; vous ne devez pas considérer cela comme une simple plaisanterie. Un de mes disciples comparait cela à un jeu dans lequel on entre, sans en comprendre les règles.

Il existe des milliards d'animaux, une variété infinie : Des volants, rampants, nageants ou marchants—dans le ciel, sur la terre et dans l'eau. Les espèces d'oiseaux et les animaux qui volent se comptent au nombre de millions et les animaux sur terre sont également nombreux. Il y a des millions d'animaux sur terre, des petits rongeurs en passant par des vaches, des chevaux, des cerfs, des ours, aux gigantesques éléphants. Dans l'eau vivent les phoques, les karbus, les chevaux de mers, les lamantins et d'innombrables variétés de créatures qui nagent.

Nous ne pourrions jamais entièrement étudier et comprendre tous ces animaux. Même les docteurs en zoologie, en biologie et en d'autres domaines associés qui font des recherches extensives et ininterrompues, n'ont aucun moyen de connaître toutes les espèces d'animaux dans le monde. S'ils en connaissent 1100. Ils n'en connaissent pas 1200. Même si quelqu'un prétendait les connaître tous, comment peut-il être sûr que personne d'autre n'en connaisse davantage que lui. Il est impossible d'en être sûr. Nous n'avons aucun moyen pour connaître totalement toutes les espèces d'animaux. Même le nombre d'insectes est déjà difficile à déterminer. Vu sous cet angle, ne diriez-vous pas que le monde

est constitué de multiples strates et d'infini, d'infini et de multiples strates ?

Les êtres vivants ne deviennent animaux que pour une seule raison : La cupidité. « Les animaux cupides se nourrissent de cupidité. » Pour eux, le plus sera le mieux. Un peu ne les satisfera pas. Ils sont insatiablement cupides ; ils ne se lassent jamais d'en avoir plus. Puisqu'ils ne sont jamais rassasiés, ils ne peuvent pas dire que noir est noir. Ils disent : « Oh ! C'est blanc ! » Ils prennent ce qui est noir pour blanc. Parce qu'ils sont avides de tout, ils ne peuvent pas concevoir ce que nous considérons comme raisonnable. Ils sont avides au point de se nourrir d'excréments. Plus un chien mange d'excréments, plus il aime ça. Les gens se demandent comment un chien peut manger une pareille saleté, mais le chien y trouve plus de saveur à chaque bouchée. Ils sont ainsi—jamais rassasiés—Cela illustre le fait de prendre le blanc pour le noir. Ils se délectent de quelque chose qui est fondamentalement désagréable. La cupidité peut s'étendre même au désir d'être plus malade. Une maladie n'est pas assez ; ils en veulent deux. Ils veulent aussi prendre plus de médicaments. « Et ils ne peuvent pas distinguer le faux du vrai. » Les animaux ne sont pas capables de distinguer le vrai du faux, parce qu'ils ne sont pas doués de raison. Comment en sont-ils arrivés là ? Tout simplement par la cupidité. Ils deviennent confus et l'ignorance les enveloppe, c'est pourquoi ils deviennent totalement imperméables à la rationalité.

Prenez garde, et ne soyez pas cupide. Les gens qui ont renoncé à vie mondaine, ne doivent pas devenir avides d'argent, mais certains disent : « Le plus sera le mieux » ! Une telle avidité vous met en grave danger, et c'est ainsi qu'on peut devenir un animal. « Les gens qui sont devenus religieux ne peuvent pas y sombrer ». Vous pouvez-vous dire. Mais s'ils ne pratiquent pas selon les préceptes du Bouddha, ils tombent même plus vite. Les anciens ont un proverbe, « Parmi ceux qui se tiennent devant les portes des enfers beaucoup sont des Sangha et des Taoïstes. » Tous les vieux Taoïstes et les moines Bouddhistes qui étaient avides, sont entrain d'attendre devant les portes de l'enfer disant : « Vite ! Envoyez-moi dans l'enfer. Dépêchez-vous et laissez-moi y entrer ! » Une fois dedans, il y a beaucoup de divertissements à l'intérieur. Ils pensent que les enfers procurent de bons divertissements, alors ils y vont. Mais, une fois arrivés à l'intérieur, ils réalisent que ce n'est pas un jeu.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

L'OBEISSANCE D'UN ÉCOLIER

Ku Chieh San, un écolier de premier rang impérial pendant la dernière dynastie de Ch'ing, était un homme de rares talents littéraires et professeur de plusieurs écoliers bien connus. En étudiant la Doctrine du Bouddha, il était capable de saisir toutes les doctrines essentielles et alors il rendait visite au Maître et sollicitait son enseignement. Le Maître lui enseignait les principes de la méditation Dhyana, l'esprit de base de la porte du Dharma qui n'était pas exprimé par le langage.

Comprenant ce qu'il n'avait jamais compris auparavant, Ku Chieh San était rempli de joie. Il pratiquait respectueusement l'enseignement du Maître et en 1943, il mourut assis dans la position du plein lotus et son visage était d'un grand éclat.

LES VILLAGEOIS VOIENT LA LUMIÈRE

La période de trois ans de deuil du Maître était sur le point de finir. Une nuit au crépuscule, les habitants du village avoisinant voyaient une lumière brillante sortir de la cabane du Maître. Elle s'élevait quelque trente pieds dans l'air, illuminant la région entière aussi brillante que le jour. Effrayés, ils criaient, « La cabane du fils filial est en feu ! Est-il vivant ou mort ? Nous devons aller secourir et éteindre le feu » ! Ils coururent au cimetière avec des seaux d'eau, mais quand ils arrivèrent, ils trouvèrent la petite cabane aussi paisible que jamais, le Maître assis raide avec la lumière d'une seule lampe à huile, en train de réciter le nom du Bouddha. Dans l'admiration profonde, ils se disaient entre eux que le Maître avait réalisé vraiment la voie révélée par le grand faisceau de lumière.

Le nombre disciples du Maître augmentait considérablement à partir de ce moment, et les visiteurs venaient des centaines de miles pour solliciter son enseignement et lui témoigner leur respect. Finalement, quand ses devoirs filiaux étaient achevés, il se retirait dans la Grotte du Amitabha loin du monde dans les montagnes à l'Est de la région. Là il fouillait profondément la

méditation Dhyana et pratiquait l'ascétisme rigoureusement, mangeant. Seulement des noix de pins et en buvant l'eau du printemps. La région était bondée de bêtes sauvages, mais ils ne dérangeaient jamais le Maître. En fait, les loups et les ours se comportaient comme des bêtes domestiques, les tigres s'arrêtaient pour écouter son enseignement et les oiseaux sauvages se rassemblaient pour écouter le merveilleux Dharma.

Toutes ces indications montrent que l'esprit du Maître avait atteint un niveau très élevé, au-delà de l'intelligence humaine et qu'il était entré dans un état inconcevable.

ARRETANT LE CYCLE

Lorsqu'il avait achevé la période de trois ans de deuil, le Maître recevait plus de deux mille visiteurs venant de tous les domaines : écoliers, fermiers, travailleurs, marchands et officiers – seulement les mendiants étaient absents.

Alors, un jour Chi Ta Fu passa à la cabane du Maître. « Vénérable Maître », lui demanda-t-il, « Pourquoi suis-je si pauvre ? »

Le Maître lui expliqua le principe de la cause et effet : « Pourquoi est-on riche dans sa vie présente ? C'est parce qu'on avait pratiqué le don dans les vies antérieures. Pourquoi est-on pauvre dans sa vie présente ? C'est parce qu'on avait jamais aidé les pauvres dans les vies antérieures ».

« Quand je cherche dans mon cœur », dit le mendiant, « je ne trouve pas de cause de honte et pourtant pour vivre je dois mendier dans les rues. Si c'est le résultat de ma cupidité et de l'égoïsme du passé, comment puis-je arrêter le cycle ? »

« Ce n'est pas difficile », dit le Maître. « Vous avez besoin seulement d'une croyante sincère et de pratiquer avec assiduité et vous obtiendrez les résultats. Jadis, il y avait un homme nommé Chu Ch'i qui, comprenant le principe du cycle du châtime, se donnait du mal à faire des actions vertueuses, faisait construire le pont Shuang Shan. Dans sa vie présente, il fut rené dans la famille royale, jouit de la prospérité et de la gloire

d'un prince. N'appelleriez-vous pas cela l'arrêt du cycle.

Le mendiant salua, prit refuge et à partir de ce jour, en mendiant, il récitait « Namô Amitabha Bouddha » sans cesse. De la nourriture en surplus, il donnait toujours aux moins heureux. Il pratiquait la charité de toutes ses forces pendant plusieurs années. En perfectionnant sa vertu et en purifiant son Karma jusqu'en 1930, il prédit sa propre mort et s'asseyant dans la position du lotus orienté à l'Ouest, il mourut en récitant le nom du Bouddha.

CINQUIEME PARTIE :

DE L'ETUDIANT AU PROFESSEUR. LE MERVEILLEUX DHARMA UNE PAROLE FAIT TOUTE LA DIFFERENCE.

Selon la coutume du nouvel an Chinois on écrit des distiques sur des bandes de papier ou tissus et on les étale sur les deux côtés de l'entrée des maisons, des bureaux ou même des temples. Cette année là, le Maître était encore un moine novice, il écrivait les quatre mots « Sagesse comme la mer » pour combler ce jour de l'an.

Quand un moine novice vit les caractères, il était fasciné et commençait à les répéter maintes et maintes fois, « Sagesse comme la mer, sagesse comme la mer... » Le Maître l'écoutait pendant un moment mais finalement se fâchait et dit, « Votre Karma est comme la mer » !

Les mots du Maître enrageaient le novice. Il cria au Maître, « Que voulez-vous dire, mon Karma est comme la mer » ! Et il commença à danser autour du Maître comme un boxeur.

« Hé ! Hé ! Hé » ! Dit le Maître. « Attendez une minute. Calmez-vous ! Je vais vous raconter quelque chose qui vous plaira . Je dis que votre Karma était comme la mer. Au lieu de se fâcher,

vous devriez au contraire me remercier ».

« Vous dites que mon Karma était comme la mer », dit le novice, « Et vous attendez que je vous remercie ? Jamais de la vie » !

« Laissez-moi finir de vous expliquer », dit le Maître, « Savez-vous ce qu'est le Karma ? C'est simplement ce que font les gens. Il existe à la fois le bon et le mauvais Karma. Quand je dis que votre Karma était comme la mer, j'ai fait allusion à votre bon Karma. Pourquoi êtes-vous en colère ? Alors qu'en pensez-vous ? »

« Oh ! Pas de problème », dit le moine novice, « Pas de problème », et il invita le Maître à déjeuner.

Une autre fois, le Maître, portait un rouleau de papier quand tout à coup un autre disciple du Dharma l'appela « Qu'est ce que vous portez là ? Hé, vous, qu'est ce que c'est » ?

« Ceci » ? Dit le Maître. « C'est l'acte de vente. Vous voyez, je vous ai vendu et ceci est le reçu ». Le novice, qui avait une colère rapide, était furieux. « Quoi » ? Il criait. « Qu'est ce qui vous fait penser que vous avez le droit de me vendre ? Pour qui vous prenez-vous ? De quel droit vous permettez-vous de me vendre » ?

« J'en ai tous les droits », répondit le Maître, « En plus, vous allez être heureux, moi aussi. Si cela ne vous rendait pas heureux, je ne l'aimais pas fait ».

« Quel droit avez-vous . . . oui quel droit . . . » Bredouillait-le novice.

« J'ai le droit de vous vendre à celui qui peut vous rendre heureux », dit le Maître. « En fait, je vous ai vendu au Bouddha Sakyamuni. Je l'ai fait afin que vous puissiez toujours être un Bhikshu ». Le novice restait ébahi.

« Bien », dit le Maître, « Puis-je faire cela ou non ? Êtes-vous heureux maintenant » ?

« Oh, oui, oui, vous pouvez faire cela », dit le moine novice.

« C'est entendu ».

(à suivre)

Nhân báo Phật pháp dài hạn

Je souhaite recevoir la revue Buddhadharma

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

1 an 25 €

2 ans 50 €

3 ans 75 €

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

Les ministres, voyant tout ce qui se passait se précipitèrent chez le roi. « Seigneur ! » Crièrent-ils joyeusement, nous avons vu la future parfaite fiancée du prince. C'est la princesse Yasodhana, la fille de votre voisin, le roi Suprabouddha. Permettez-nous d'aller immédiatement chez ce roi pour arranger le mariage de sa fille et du prince. »

Le roi Suddhodana accepta et peu de temps après, il rendit visite au père de Yasodhana. L'autre roi le salua chaleureusement et dit : « Je suis sûr que votre fils est un bon jeune homme, car je ne peux pas donner ma fille à n'importe qui. Plusieurs autres princes veulent aussi l'épouser et ils sont tous d'excellents jeunes cavaliers, doués au tir à l'arc et des autres pratiques royales. Par conséquent, si votre fils veut épouser ma fille, il va falloir qu'il se rivalise dans compétitions avec les autres prétendants, selon notre coutume.

On préparait ainsi une grande compétition, avec la belle Yasodhana comme récompense. Le roi Suddhodana était inquiet. Il se disait : « Mon fils n'a jamais montré le moindre intérêt dans les jeux guerriers. Comment peut-il gagner cette compétition ? » Mais le Prince comprenait les soucis de son père et lui dit : « Ne vous inquiétez pas. Je me suis bien préparé pour gagner Yasodhana afin d'en faire ma fiancée. »

La première épreuve fut le tir à l'arc. Les autres tireurs plaçaient leur cible à une longue distance, ils ont tous réussi à toucher l'oeil du boeuf. Et quand arriva le tour de Devadatta, en effet le cousin de Siddhartha était aussi un des prétendants, il toucha non seulement l'oeil du boeuf, mais envoya sa flèche tout droit à travers la cible jusqu'à l'autre côté. La foule applaudissait mais Yasodhana cacha ses yeux d'effroi. « Comment peut-il battre ce tireur mon bien aimé Sidharta ? » Pensa-t-elle. « Quelle horreur si je devais me marier avec Devadatta ! »

Mais, le Prince était très sûr de lui. Quand arriva son tour, il placa sa cible si loin que la plupart des gens pouvaient à peine la voir. Ensuite, il prit une flèche de son carquois et tira la corde. Le Prince tira si fort, que l'arc se cassa en deux !

« Apportez-moi un autre arc, s'il vous plaît. » Demanda le Prince, « un autre plus solide, qui ne cassera pas. » Alors, un ministre cria : « Mon Prince, il y a un arc très ancien dans le palais. Il appartenait à un des plus grands guerriers du passé. Mais, depuis qu'il est mort, il y a plusieurs années, personne n'était assez fort pour le soulever, encore moins le tirer.

« Je vais me servir de celui-là, » dit le Prince, et tout le monde était surpris. Quand on lui apporta l'arc, le Prince se pencha et le souleva facilement. Ensuite, il entailla une flèche sur la corde, la tira en arrière si fort que les bouts de l'arc se touchèrent presque, il lâcha. La flèche s'envola. Twang ! L'arc fit un son si retentissant que les gens des villages éloignés l'entendaient. La flèche partit si vite que quand elle frappa la cible éloignée droit dans le centre de l'oeil du boeuf – elle ne ralentit même pas mais continua à s'envoler jusqu'à ce qu'elle fût hors de vue.

La foule hurla d'enthousiasme ! « Le Prince a gagné ! Le Prince a vaincu ! » Mais le tir à l'arc était seulement la première épreuve de la journée ; la prochaine était l'escrime.

Chaque jeune prétendant choisit un arbre et montra sa force en le coupant avec son épée. Le premier fendit un arbre de six pieds d'épaisseur, un autre de neuf pieds et un troisième un pied d'épaisseur, en un seul coup d'épée !

Ensuite ce fut le tour du Prince. Il choisit un arbre qui avait deux troncs côte à côte. Il remua son épée si rapidement qu'elle coupa l'arbre plus vite sans que personne ne s'en aperçoive. Son épée était si tranchante et sa coupe si bien faite que l'arbre ne tomba même pas. Au contraire, il demeura debout parfaitement équilibré. Quand ils virent que l'arbre resta toujours droit, la foule et particulièrement Yasodhana se plainquirent : « Il a perdu. L'épée du prince ne coupe même pas le premier tronc. »

Mais juste après, une brise souffla les troncs d'arbre s'abattirent. Les plaintes de la foule se transformèrent en cris de joie et ils crièrent à nouveau : « Le Prince a gagné ! »

(à suivre)

金 光 寺

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66



Hiện tại có một hạng thiên ma ngoại đạo bảo rằng Kinh Lăng Nghiêm và thần Chú Lăng Nghiêm là giả. Chúng sai ma con và ma cháu xuống rao đồn những tin thất thiệt, để khiến cho con người không còn tin vào Kinh Lăng Nghiêm và Chú Lăng Nghiêm nữa. Kinh Lăng Nghiêm và Thần Chú Lăng Nghiêm là một bộ Kinh Chú rất quan trọng cho việc tồn vong của chánh pháp. Đức Phật nói Kinh Lăng Nghiêm là vì Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm. Không có cách chi để giải thích hết về sự trọng yếu của Kinh và Chú Lăng Nghiêm. Nên bộ Kinh này thật không thể nghĩ bàn. Nói chung Kinh Lăng Nghiêm là tán thán Thần Chú Thủ Lăng Nghiêm.

Toàn danh tự của bài Chú này là "Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Đà La Ni" hay "Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Thần Chú". Phật Đảnh tức là hoá Phật trên đảnh nhục kế của Phật Thích Ca. "Ma Ha" là tiếng Phạn, dịch là "Đại" (lớn). Tại sao gọi là đại ? Vì thể, tướng, dụng của Thần Chú này vĩ đại. "Thể" biến khắp mười phương nên gọi là "đại". "Dụng" bao trùm tận cùng hư không khắp pháp giới. "Tướng" tức là vô tướng, nhưng vô tướng mà vô bất tướng (không có tướng mà chẳng không có tướng). Dụng cũng có thể gọi là không có dụng ; tận cùng khắp pháp giới không có gì là chẳng dụng. Dụng tức là đại dụng ; tướng tức là đại tướng ; thể tức là đại thể. Biến khắp mười phương và tận cùng hư không pháp giới là nghĩa của chữ "Ma Ha".

"Tát Đát Đa" cũng là tiếng Phạn, dịch là "Bạch" (trắng), nghĩa là thanh tịnh không có nhiễm ô. Thần Chú Lăng Nghiêm là "pháp trắng sạch thanh tịnh không có nhiễm ô".

"Bát Đát La" cũng là tiếng Phạn, dịch là "Tán Cái" (lọng dù). Tán cái là ví dụ. Diệu dụng của tán cái này là che trùm muôn đức, nghĩa là bảo vệ tất cả những người có nhân đức. Ai có đức hạnh thì sẽ gặp được Thần Chú này. Những ai thiếu đức hạnh thì không thể gặp được Thần Chú này.

Hoà Thượng Tuyên Hoá

